

Vận hành và lắp đặt

Hướng dẫn

Tủ đông



Để tránh tai nạn và hư hỏng máy, hãy đọc kỹ hướng dẫn này trước khi lắp đặt hoặc sử dụng.

# Nội dung

HƯỚNG DẪN AN TOÀN QUAN TRỌNG .....	5
Chăm sóc môi trường .....	14
Lắp đặt.....	
15 Vị trí lắp đặt.....	15
Cấp khí hậu.....	15
Lưu ý khi lắp đặt.....	16
Tủ/tủ liền	
kề.....	16
Khả năng chịu tải của sàn	
hồ nước.....	17
Thông	
gió.....	17
Bản lề	
cửa.....	17
Cạnh	
nhau.....	18
Thông	
số kỹ thuật cho kết nối nước.....	19
Kích thước lắp	
đặt.....	20
Vị trí kết nối điện và	
nước.....	20
Kích thước khi cửa thiết bị mở (góc mở 115°) .....	
23 Kích thước mặt trước của tủ.....	24
Lắp đặt bên	
trong thiết bị.....	25
Trước khi bắt	
dầu.....	25
Dụng cụ cần	
thiết.....	25
Trọng lượng mặt trước	
của tủ.....	26
Cân chỉnh hốc lắp	
đặt.....	26
Kiểm tra hốc lắp	
đặt.....	27
Trước khi lắp	
đặt.....	27
Chuẩn bị hốc lắp	
đặt.....	29
Đẩy thiết bị vào	
hốc .....	31
Cân chỉnh thiết bị làm	
lạnh.....	33
Cố định thiết bị trong	
hốc .....	36
Chuẩn bị mặt trước	
tủ.....	37
Cố định và cân chỉnh mặt trước	
tủ.....	41
Cố định nắp	
dây.....	45
Cố định lưới thông gió	
chân đế và nắp đậy chân đế.....	47
Cân chỉnh bộ phân phối đá/	
nước.....	48
Kết nối	
nước.....	53
Thông tin về kết nối	
nước sạch.....	53
Lắp ống nước vào thiết	
bị.....	54
Kết nối	
điện.....	55
Tiết kiệm năng lượng .....	57
Hướng dẫn sử dụng thiết bị.....	59
Màn	
hình chính.....	60
Chế độ	
cài đặt .....	62

Phụ kiện .....	
64 Phụ kiện đi kèm .....	64 Phụ kiện tùy
chọn .....	64
Trước khi sử dụng lần đầu .....	
65 Chọn Trọ lý cửa phù hợp (Đẩy để mở/Kéo để mở) .....	65
Miele@home.....	
65 Vận hành thiết bị làm lạnh.....	
67 Khởi động lần đầu tiên .....	67
Bật và tắt .....	
69 Tắt trong thời gian dài hơn .....	70
Chọn cài đặt bổ sung.....	71
Bật hoặc tắt Khóa bàn phím / .....	71 Bật
hoặc tắt Chế độ tiết kiệm .....	
72 Thực hiện Kiểm tra bản thân .....	73
Bật Trọ lý cửa .....	74
Tắt Trọ lý cửa .....	76
Miele@home.....	
76 Tắt Chế độ demo .....	
78 Đặt lại cài đặt về cài đặt mặc định .....	79 Chọn cài
đặt để bật máy làm đá/nước .....	81 Bật hoặc tắt Chế độ
Sabbath .....	82 Bật, tắt hoặc đặt lại
Nhiệt độ chính xác.....	85 Cài đặt nhiệt
độ.....	85 Phạm vi nhiệt
độ.....	86
Sử dụng SuperFrost.....	87
Nhiệt độ và báo động cửa.....	88 Báo động
cửa.....	89
Điều chỉnh các phụ kiện bên trong.....	90
Tháo kệ phía trên máy làm đá.....	90 Tháo hoặc di chuyển các
kệ.....	90 Tháo giỏ đựng tủ
đông.....	91
Đông lạnh và bảo quản thực phẩm.....	92 Công suất đông lạnh
tối đa .....	92 Điều gì xảy ra khi bạn đông lạnh thực phẩm
tươi?.....	92 Bảo quản thực phẩm đông
lạnh .....	92 Đông lạnh tại
nhà .....	93

# Nội dung

---

Đặt thực phẩm vào tủ đông.....	94
Vận hành bộ phận làm đá/nước.....	96
Đá.....	97
Làm nước.....	98
Làm đá viên và đá xay.....	98
Tắt bộ phận làm đá.....	99
Bật/tắt khóa hệ thống.....	99
Tự động rã đông.....	100
Vệ sinh và bảo dưỡng.....	
101 Chất tẩy rửa.....	
101 Trước khi vệ sinh thiết bị.....	102
Bên trong và phụ kiện.....	
103 Vệ sinh và đổ hết nước trong hộp đựng đá.....	
103 Vệ sinh khay hứng nước nhỏ giọt.....	
104 Vệ sinh gioăng cửa.....	
104 Vệ sinh khe thông gió.....	
104 Vệ sinh bộ lọc nước (bộ lọc lưới IntensiveClear 2.0) (xem “Phụ kiện tùy chọn”).....	104
Sau khi vệ sinh.....	106
Bộ lọc nước.....	
107 Thay bộ lọc nước.....	
108 Sử dụng bộ lọc nước ngoài.....	109
Giấy chứng nhận không chì.....	112
Câu hỏi thường gặp.....	113
Nguyên nhân gây ra tiếng ồn.....	124
Dịch vụ khách hàng.....	
125 Liên hệ khi có lỗi.....	125
Bảo hành thiết bị và đăng ký sản phẩm.....	125
Tuyên bố về sự phù hợp.....	126
Bản quyền và giấy phép.....	127

## HƯỚNG DẪN AN TOÀN QUAN TRỌNG

Thiết bị làm lạnh này tuân thủ các yêu cầu an toàn hiện hành. Tuy nhiên, sử dụng không đúng cách có thể dẫn đến thương tích cá nhân và thiệt hại về vật chất.

Vui lòng đọc kỹ hướng dẫn vận hành và lắp đặt trước khi sử dụng thiết bị làm lạnh lần đầu tiên. Chúng chứa thông tin quan trọng về an toàn, lắp đặt, sử dụng và bảo trì. Điều này nhằm bảo vệ bạn khỏi bị thương và hư hỏng thiết bị làm lạnh của bạn.

Theo tiêu chuẩn IEC 60335-1, Miele rõ ràng và khuyến cáo mạnh mẽ rằng bạn nên đọc và làm theo hướng dẫn trong chương về lắp đặt thiết bị làm lạnh cũng như trong "HƯỚNG DẪN AN TOÀN QUAN TRỌNG".

Miele không chịu trách nhiệm về thương tích hoặc thiệt hại gây ra do không tuân thủ các hướng dẫn này.

Hãy giữ những hướng dẫn này ở nơi an toàn và chuyển chúng cho bất kỳ ai chủ sở hữu tương lai.

Nguy cơ thương tích và hư hỏng do thiết bị làm lạnh bị đổ ane.

Thiết bị làm lạnh này rất nặng và có thể đổ về phía trước khi cánh cửa mở.

Giữ cửa thiết bị đóng cho đến khi thiết bị làm lạnh đã được lắp đặt và cố định trong vỏ theo đúng hướng dẫn vận hành và lắp đặt.

## HƯỚNG DẪN AN TOÀN QUAN TRỌNG

---

### Sử dụng hợp lý

Thiết bị này được thiết kế để sử dụng trong các hộ gia đình và môi trường dân cư tương tự như

- khu vực bếp ăn của nhân viên trong các cửa hàng, văn phòng và các môi trường làm việc khác
- nhà trang trại và khách hàng trong các khách sạn, nhà nghỉ và các khu dân cư khác môi trường loại
- môi trường kiểu nhà nghỉ và ăn sáng
- dịch vụ ăn uống và các ứng dụng tương tự không phải bán lẻ.

Thiết bị này không được thiết kế để sử dụng ngoài trời, trong môi trường ẩm ướt hoặc nơi có mưa.

Thiết bị này chỉ được sử dụng trong gia đình để lưu trữ thực phẩm đông lạnh, đông lạnh thực phẩm tươi và làm đá.

Bất kỳ cách sử dụng nào khác đều phải chịu rủi ro và có thể nguy hiểm.

Thiết bị làm lạnh này không thích hợp để lưu trữ và bảo quản thuốc làm mát, huyết tương, chế phẩm xét nghiệm hoặc các chất hoặc sản phẩm tương tự khác phải tuân theo Chỉ thị về Thiết bị Y tế. Sử dụng không đúng cách thiết bị làm lạnh cho các mục đích như vậy

có thể làm hỏng các mặt hàng được lưu trữ. Thiết bị làm lạnh cũng không phù hợp để sử dụng ở những khu vực có nguy cơ nổ.

Miele không thể chịu trách nhiệm về thiệt hại do sai sót hoặc sử dụng hoặc vận hành không đúng cách.

Thiết bị làm lạnh này chỉ có thể được sử dụng bởi mọi người (bao gồm trẻ em) có khả năng thể chất, giác quan hoặc tinh thần bị suy giảm hoặc thiếu kinh nghiệm và kiến thức nếu họ được giám sát trong khi sử dụng Nó.

Thiết bị làm lạnh chỉ có thể được những người này sử dụng mà không cần giám sát nếu họ đã được hướng dẫn cách sử dụng nó một cách an toàn.

và nhận biết và hiểu được hậu quả của hoạt động không đúng.

## HƯỚNG DẪN AN TOÀN QUAN TRỌNG

---

An toàn với trẻ em Để giảm

nguy cơ thương tích, không cho trẻ em chơi trong, trên hoặc gần thiết bị. Bản lề cửa có thể gây thương tích. Luôn giữ trẻ

em tránh xa.

Đảm bảo rằng mọi vật liệu đóng gói đều được xử lý an toàn và để xa tầm tay trẻ em. NGUY HIỂM ngạt thở!

An toàn kỹ thuật Mạch

làm mát đã được kiểm tra rò rỉ. Thiết bị làm lạnh tuân thủ các yêu cầu theo luật định và quy định.



Thiết bị làm lạnh này chứa chất làm mát Isobutane (R600a), một loại khí tự nhiên thân thiện với môi trường. Mặc dù dễ cháy, nhưng nó không làm hỏng tầng ôzôn và không góp phần gây ra hiệu ứng nhà kính.

Tuy nhiên, việc sử dụng chất làm mát này đã dẫn đến một sự gia tăng nhẹ về mức độ tiếng ồn của thiết bị. Ngoài tiếng ồn của máy nén, bạn có thể nghe thấy chất làm mát chảy xung quanh mạch làm mát. Thật không may, điều này không thể tránh khỏi, nhưng nó không ảnh hưởng đến hiệu suất của thiết bị làm lạnh.

Khi vận chuyển và lắp đặt thiết bị làm lạnh, hãy đảm bảo không có bộ phận nào của mạch làm mát bị hư hỏng. Chất làm mát bắn vào có thể gây hại cho mắt.

Trong trường hợp hư hỏng:

- Tránh ngọn lửa trần hoặc bất cứ thứ gì có thể tạo ra tia lửa.
- Ngắt kết nối thiết bị làm lạnh khỏi nguồn điện.
- Thông gió cho phòng nơi đặt thiết bị làm lạnh vài phút.

## HƯỚNG DẪN AN TOÀN QUAN TRỌNG

---

- Liên hệ với dịch vụ khách hàng của Miele.

Càng nhiều chất làm mát trong thiết bị làm lạnh thì càng phải lắp đặt trong phòng lớn. Trong trường hợp rò rỉ, nếu thiết bị ở trong phòng nhỏ, sẽ có nguy cơ tích tụ hỗn hợp khí/không khí dễ cháy. Cứ 11 g chất làm mát thì cần ít nhất 1 m<sup>3</sup> không gian phòng. Lượng chất làm mát trong thiết bị làm lạnh được ghi trên bảng dữ liệu bên trong thiết bị.

Để tránh nguy cơ hư hỏng thiết bị, hãy đảm bảo rằng dữ liệu kết nối (định mức cầu chì, tần số và điện áp) trên bảng dữ liệu tương ứng với nguồn cung cấp điện gia dụng.

Kiểm tra xem đây có phải là trường hợp trước khi kết nối thiết bị hay không. Nếu có bất kỳ nghi ngờ nào, hãy tham khảo ý kiến của thợ

điện có trình độ. Chỉ có thể đảm bảo an toàn về điện cho thiết bị khi được nối đất đúng cách. Yêu cầu an toàn tiêu chuẩn này là rất cần thiết. Nếu có bất kỳ nghi ngờ nào, vui lòng yêu cầu thợ điện có trình độ kiểm tra hệ thống điện. Chỉ có thể đảm bảo thiết bị này hoạt động an toàn và đáng tin

cậy nếu thiết bị đã được kết nối với nguồn điện. Không được giấu ổ cắm phía sau thiết bị và phải dễ dàng tiếp cận để có thể nhanh chóng ngắt kết nối

thiết bị khỏi nguồn điện trong trường hợp khẩn cấp. Nếu dây nguồn được cung cấp bị hỏng, chỉ được thay thế bằng bộ phận chính hãng để tránh gây nguy hiểm cho người sử dụng. Miele chỉ có thể đảm bảo an toàn cho thiết bị khi sử dụng các bộ phận

chính hãng của Miele.

Ổ cắm điện phải được nối đất đúng cách. Không kết nối thiết

bị với nguồn điện bằng thanh nguồn hoặc dây nối dài. Những thứ này có nguy cơ gây cháy nổ và không đảm bảo an toàn cần thiết cho thiết bị.



## HƯỚNG DẪN AN TOÀN QUAN TRỌNG

---

Nếu hơi ẩm xâm nhập vào các thành phần điện hoặc vào dây nguồn, nó có thể gây ra hiện tượng đoản mạch. Do đó, không vận hành máy ở những nơi có thể có hơi ẩm hoặc nước bắn vào (ví dụ: nhà để xe, phòng giặt úi). Không được lắp đặt và vận hành thiết bị này trong các cơ sở lưu động (ví dụ: trên tàu).

Không sử dụng thiết bị bị hỏng. Điều này có thể nguy hiểm. Kiểm tra thiết bị để tìm dấu hiệu hư hỏng có thể nhìn thấy.

Vì lý do an toàn, thiết bị này chỉ có thể được sử dụng sau khi đã được lắp đặt xong.

Máy phải được ngắt khỏi nguồn điện trong quá trình lắp đặt, bảo trì và sửa chữa, và lắp đặt kết nối nước ngọt. Máy chỉ được cách ly hoàn toàn khỏi nguồn điện khi: - cầu chì đã được tắt, hoặc - cầu dao đã được tháo hoàn toàn, hoặc - dây nguồn đã được rút ra. Kéo phích cắm chứ không phải kéo dây nguồn

khi ngắt kết nối khỏi nguồn điện. Việc lắp đặt,

bảo trì và sửa chữa trái phép hoặc kết nối nước ngọt bị lỗi có thể gây nguy hiểm đáng kể cho người sử dụng.

Việc lắp đặt, bảo trì và sửa chữa, công việc lắp đặt kết nối nước ngọt và tắt cả các sửa chữa trên đầu ra nước đá/nước chỉ được thực hiện bởi một kỹ thuật viên được Miele ủy quyền. Bất kỳ bảo

hành nào của nhà sản xuất sẽ bị vô hiệu nếu thiết bị không được sửa chữa lại bởi một kỹ thuật viên dịch vụ được Miele ủy

quyền. Các thành phần bị lỗi chỉ được thay thế bằng các bộ phận thay thế chính hãng của Miele. Miele chỉ có thể đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn của thiết bị khi sử dụng các bộ phận thay thế của Miele.

Miele không chịu trách nhiệm về thiệt hại do kết nối không đúng với nguồn cung cấp nước sạch.

## HƯỚNG DẪN AN TOÀN QUAN TRỌNG

---

Máy làm đá viên chỉ được kết nối với đường nước lạnh. NGUY HIỂM gây thương tích! Không bao giờ được đung vào các bộ phận di chuyển trên máy làm đá viên hoặc bộ phận làm đá viên.

Sử dụng đúng cách

Thiết bị làm lạnh được thiết kế để sử dụng trong một lớp khí hậu cụ thể (phạm vi nhiệt độ phòng). Không sử dụng trong một lớp khí hậu mà nó không được thiết kế. Nhiệt độ phòng thấp hơn sẽ khiến máy nén tắt trong thời gian dài hơn, nghĩa là thiết bị làm lạnh không thể duy trì nhiệt độ cần thiết.

**CẢNH BÁO!** NGUY HIỂM quá nhiệt! Không che hoặc chặn lỗ thông hơi. Điều này có thể làm giảm hiệu suất của thiết bị, tăng mức tiêu thụ điện năng và gây hư hỏng cho thiết bị. Nếu bảo quản thực phẩm có nhiều chất béo hoặc dầu

trong thiết bị, hãy đảm bảo rằng thực phẩm đó không tiếp xúc với các thành phần nhựa vì điều này có thể gây nứt ứng suất hoặc làm vỡ nhựa.

Nguy cơ cháy nổ. Không lưu trữ bất kỳ vật liệu nổ hoặc sản phẩm nào có chứa chất dễ cháy (ví dụ: bình xịt) trong thiết bị. Các thành phần điện có thể khiến hỗn hợp khí dễ cháy bắt lửa. Nguy cơ nổ. Không vận hành bất kỳ thiết bị điện nào (ví

dụ: máy làm kem điện) bên trong thiết bị làm lạnh. Nguy cơ phát tia lửa và nổ.

Nguy cơ gây thương tích và hư hỏng. Không lưu trữ lon hoặc chai đựng đồ uống có ga hoặc chất lỏng có thể

đóng băng trong vùng đông lạnh.

Nếu không, chúng có thể vỡ.

Nguy cơ gây thương tích và hư hỏng. Khi làm lạnh đồ uống trong ngăn đông, hãy đảm bảo rằng không để chai ở đó quá một giờ.

Nếu không chúng có thể vỡ.

## HƯỚNG DẪN AN TOÀN QUAN TRỌNG

---

Nguy cơ bị thương. Không bao giờ được cầm thực phẩm đông lạnh hoặc các bộ phận kim loại của thiết bị bằng tay ướt. Tay bạn có thể bị đông cứng do thực phẩm đông lạnh hoặc kim loại.

Nguy cơ bị thương. Không được lấy đá viên bằng tay không và không bao giờ được cho đá viên hoặc kem que vào miệng ngay từ ngăn đông. Nhiệt độ rất thấp của thực phẩm đông lạnh có thể gây bỏng lạnh ở môi và lưỡi. Không đông lạnh lại thực phẩm đã rã đông một phần hoặc toàn bộ. Ăn thực phẩm đã rã đông càng

sớm càng tốt vì thực phẩm sẽ mất giá trị dinh dưỡng và hỏng nếu để quá lâu. Thực phẩm đã rã đông chỉ có thể đông lại sau khi đã nấu chín.

Khi ăn thực phẩm dự trữ có nguy cơ bị ngộ độc thực phẩm.

Thời gian bảo quản sẽ phụ thuộc vào một số yếu tố, bao gồm độ tươi và chất lượng của thực phẩm, cũng như nhiệt độ bảo quản. Tuân thủ ngày "sử dụng trước" và hướng dẫn bảo quản của nhà sản xuất.

Chỉ sử dụng các bộ phận chính hãng của Miele. Nếu sử dụng các bộ phận hoặc phụ kiện từ các nhà sản xuất khác, chế độ bảo hành có thể không còn hiệu lực.

## HƯỚNG DẪN AN TOÀN QUAN TRỌNG

---

Vệ sinh và bảo dưỡng Không sử dụng

dụng bất kỳ loại dầu hoặc mỡ nào trên gioăng cửa.

Chúng có thể làm hỏng lớp đệm theo thời gian. Không bao giờ sử dụng

dụng máy làm sạch bằng hơi nước để vệ sinh thiết bị.

Hơi nước có thể chạm tới các bộ phận điện và gây ra hiện tượng đoản mạch.

Các vật sắc nhọn hoặc có cạnh sắc sẽ làm hỏng bộ phận bay hơi, gây ra hư hỏng không thể phục hồi cho thiết bị. Không sử dụng các vật sắc nhọn hoặc có cạnh sắc để

- loại bỏ sương giá hoặc

đá, - tách riêng thực phẩm đông lạnh hoặc lấy khay đá ra.

Không bao giờ đặt lò sưởi điện hoặc nén vào trong thiết bị để rã đông. Những thứ này có thể làm hỏng các bộ phận bằng nhựa. Không sử dụng

dụng bình xịt rã đông hoặc chất phá băng vì chúng có thể chứa các chất có thể làm hỏng các bộ phận bằng nhựa hoặc có thể gây tích tụ khí và gây nguy hiểm cho sức khỏe.

## HƯỚNG DẪN AN TOÀN QUAN TRỌNG

---

### Vận chuyển

Để tránh làm hỏng thiết bị, hãy luôn vận chuyển thiết bị theo chiều thẳng đứng và trong bao bì.

Nguy cơ thương tích và hư hỏng. Thiết bị làm lạnh rất nặng và phải được vận chuyển bởi hai người.

Vứt bỏ thiết bị cũ của bạn Trẻ em có thể

bị kẹt trong máy và có thể ngạt thở  
loại.

- Tháo cửa máy.
- Tháo các ngăn kéo.
- Để lại các kệ có thể điều chỉnh trong máy để trẻ em không thể trèo vào bên trong.

NGUY HIỂM bị điện giật!

- Rút phích cắm ra khỏi dây nguồn.
- Cắt dây nguồn của thiết bị cũ.

Vứt bỏ chúng riêng biệt với thiết bị. Đảm bảo rằng thiết

bị không được cất giữ gần xăng hoặc khí và chất lỏng dễ cháy trong và sau khi vứt bỏ.

Đảm bảo đường ống dẫn chất làm mát không bị hư hỏng trong quá trình thải bỏ để tránh rò rỉ dầu và chất làm mát không kiểm soát (xem bảng dữ liệu để biết loại chất làm mát).

Các tia chất làm mát có thể gây hại cho mắt. Hãy cẩn thận không làm hỏng bất kỳ bộ phận nào của đường ống trong khi chờ xử lý, ví dụ như

- làm thủng các kênh dẫn chất làm mát trong bộ phận bay hơi, - làm gập bất kỳ đường ống nào, - làm tràn xước lớp phủ bề mặt.

# Chăm sóc môi trường

---

Xử lý vật liệu đóng gói Bao bì được thiết kế để bảo vệ thiết bị khỏi bị hư hỏng trong quá trình vận chuyển. Vật liệu đóng gói được sử dụng được chọn từ các vật liệu thân thiện với môi trường để xử lý và nên được tái chế.

Đảm bảo rằng bất kỳ bao bì nhựa, túi, v.v. nào đều được xử lý an toàn và để xa tầm tay trẻ em. Trả lại bao bì cho đại lý của bạn.

## Vứt bỏ ứng dụng cũ của bạn ane

Các thiết bị điện tử và điện tử chứa nhiều vật liệu có giá trị. Chúng cũng chứa một số vật liệu, hợp chất và thành phần nhất định cần thiết cho hoạt động chính xác và an toàn của chúng. Những thứ này có thể gây nguy hiểm cho sức khỏe của bạn và môi trường nếu thải bỏ cùng với rác thải thông thường hoặc nếu xử lý không đúng cách. Do đó, vui lòng không thải bỏ thiết bị cũ của bạn cùng với rác thải thông thường.



Thay vào đó, vui lòng sử dụng các điểm thu gom và xử lý được chỉ định chính thức để xử lý và tái chế các thiết bị điện và điện tử. Theo luật, bạn phải chịu trách nhiệm duy nhất về việc xóa bất kỳ dữ liệu cá nhân nào khỏi thiết bị trước khi xử lý.

Hãy cẩn thận không làm hỏng đường ống của thiết bị làm lạnh trước hoặc trong quá trình vận chuyển đến kho thu gom được ủy quyền.

Việc này nhằm đảm bảo chất làm mát trong mạch làm mát và dầu trong máy nén được giữ lại và không bị rò rỉ ra môi trường.

Hãy đảm bảo rằng thiết bị cũ của bạn không gây nguy hiểm cho trẻ em khi được lưu trữ để thải bỏ. Để biết thêm thông tin, hãy xem "HƯỚNG DẪN AN TOÀN QUAN TRỌNG" trong hướng dẫn vận hành và lắp đặt này.

### Vị trí lắp đặt

Thiết bị này phải được lắp đặt trong một phòng khô ráo, thông thoáng.

Khi quyết định nơi lắp đặt thiết bị làm lạnh lại của bạn, vui lòng lưu ý lưu ý rằng nó sẽ sử dụng nhiều năng lượng hơn nếu lắp đặt gần lò sưởi, bếp hoặc thiết bị tỏa nhiệt khác. Cũng nên tránh ánh nắng trực tiếp.

Nhiệt độ phòng càng cao thì máy nén chạy càng lâu thì mức tiêu thụ năng lượng cao hơn thiết bị làm lạnh.

Khi lắp đặt thiết bị làm lạnh, vui lòng lưu ý những điều sau:

- Ổ cắm điện phải dễ dàng có thể tiếp cận trong trường hợp khẩn cấp và không được giấu đằng sau thiết bị.
- Phích cắm và dây nguồn không được chạm vào mặt sau của thiết bị làm lạnh vì chúng có thể bị hư hỏng do rung động từ thiết bị.
- Không cắm các thiết bị khác phía sau thiết bị làm lạnh.

Nếu việc lắp đặt gần nguồn nhiệt là không thể tránh khỏi, hãy tuân thủ các khoảng cách tối thiểu sau giữa các thiết bị: và nguồn nhiệt:

- Ít nhất 1 1/4" (3 cm) bếp điện hoặc bếp gas
- Ít nhất 11 3/4" (30 cm) đến bếp dầu hoặc bếp than

Nếu không thể quan sát những điều này khoảng cách tối thiểu, một tấm cách ly phải được lắp đặt giữa thiết bị làm lạnh và nguồn nhiệt.

### Lớp khí hậu

Thiết bị làm lạnh được thiết kế để sử dụng trong lớp khí hậu (phòng phạm vi nhiệt độ) SN-T. Không sử dụng trong một loại khí hậu mà nó không được thiết kế riêng.

Lớp khí hậu	Nhiệt độ phòng
SN	50°F đến 90°F / 10°C đến 32°C
N	60°F đến 90°F / +16°C đến +32°C
ST	60°F đến 100°F / +16 đến +38°C
T	60°F đến 109°F / +16 đến +43°C

Nhiệt độ phòng thấp hơn sẽ gây ra máy nén tắt lâu hơn thời kỳ. Điều này có thể gây ra nội bộ nhiệt độ trong thiết bị làm lạnh tăng lên làm thực phẩm có nguy cơ bị hư hỏng và hỏng.

## Cài đặt

---

Nguy cơ hư hỏng do độ ẩm cao.

Trong môi trường có độ ẩm cao, hơi nước ngưng tụ có thể tích tụ trên các tấm làm lạnh bên ngoài, gây ra hiện tượng ăn mòn.

Lắp đặt thiết bị làm lạnh ở nơi khô ráo và/hoặc có máy lạnh và thông gió đầy đủ.

Sau khi lắp đặt, hãy đảm bảo rằng cửa thiết bị đã đóng đúng cách, các khe hở thông gió không bị che và thiết bị làm lạnh đã được lắp đặt theo đúng hướng dẫn vận hành và lắp đặt.

### Ghi chú cài đặt

Nguy cơ hư hỏng và thương tích do thiết bị làm lạnh bị đổ qua.

Thiết bị làm lạnh này rất nặng và có thể đổ về phía trước khi cửa thiết bị mở.

Đóng chặt cửa thiết bị cho đến khi thiết bị làm lạnh được lắp vào và cố định chắc chắn trong vỏ theo hướng dẫn vận hành và lắp đặt này.

Do trọng lượng và kích thước lớn, thiết bị làm lạnh phải cần đến hai người để lắp đặt.

Tủ/bộ phận liền kề Thiết bị được

bắt vít vào tủ/bộ phận liền kề ở bên cạnh và phía trên. Vì lý do này, điều cần thiết là tất cả tủ/bộ phận phải được cố định xuống đất và/hoặc tường.



## Sức chịu tải của hốc

sàn nhà

Để đảm bảo việc lắp đặt thiết bị làm lạnh lại an toàn và đảm bảo hoạt động chính xác của nó, sàn nhà của hốc lắp đặt thiết bị phải nhẵn và bằng phẳng.

Nó phải được làm từ vật liệu chắc chắn và cứng cáp.

Bởi vì thiết bị làm lạnh là cực kỳ nặng khi được tải đầy đủ, nó là điều quan trọng là sàn nhà mà nó đứng trên là có thể chịu được sức nặng của nó. Nếu cần thiết, tìm lời khuyên của kiến trúc sư hoặc chuyên gia xây dựng.

Khi được nạp đầy, trọng lượng của thiết bị làm lạnh lại xấp xỉ:

F 2462 Bọn, F 2472 Bọn	633 pound (287kg)
F 2662 Bọn, F 2672 Bọn	765 pound (347kg)

## Thông gió

Nguy cơ cháy nổ và hư hỏng do thông gió không đủ.

Nếu thiết bị làm lạnh không được thông gió đầy đủ, máy nén sẽ chạy thường xuyên hơn và thời gian dài hơn.

Điều này làm tăng mức tiêu thụ năng lượng và tăng nhiệt độ hoạt động của máy nén, có thể gây ra thiệt hại cho máy nén.

Hãy đảm bảo rằng có đủ thông gió xung quanh tủ lạnh thiết bị.

Không chặn các khe hở thông gió.

Các khoảng hở thông gió không bao giờ được bị cản trở.

## Bản lề cửa

Thiết bị được cung cấp với một cố định Bản lề cửa không thể đã thay đổi.

## Cài đặt

### Cạnh nhau

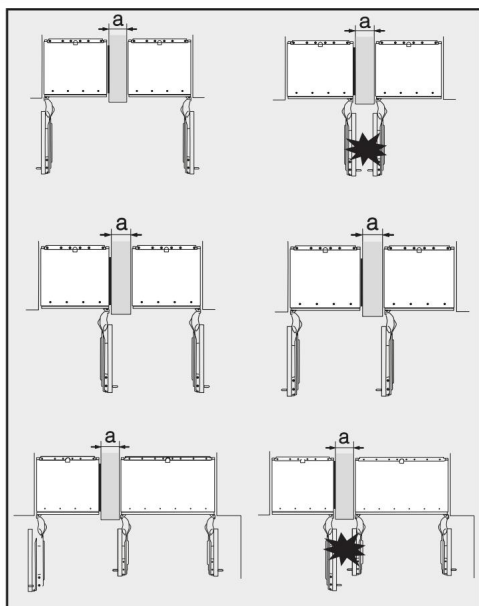
Thiết bị này có thể được lắp đặt cạnh nhau với một thiết bị làm lạnh khác. Tổng quan sau đây sẽ hiển thị bạn có tùy chọn lắp đặt song song nào với tủ lạnh của mình thiết bị.

Tùy thuộc vào tình huống lắp đặt, bạn sẽ cần bộ lắp đặt cạnh nhau để lắp đặt cạnh nhau (xem "Phụ kiện - Phụ kiện tùy chọn").

Hướng dẫn lắp đặt máy lạnh các thiết bị cạnh nhau có thể được tìm thấy trong hướng dẫn lắp đặt bộ lắp đặt song song.

. . . có tường ngăn

Bức tường nằm giữa hai bên các thiết bị phải có ít nhất Độ dày 5/8" (16 mm).



Nếu bản lề cửa của tủ lạnh các thiết bị nằm cạnh nhau, bạn phải tính đến độ dày của mặt trước tủ và cửa tủ xử lý để các cửa thiết bị không va chạm và bị hư hỏng nếu chúng được mở cùng một lúc.

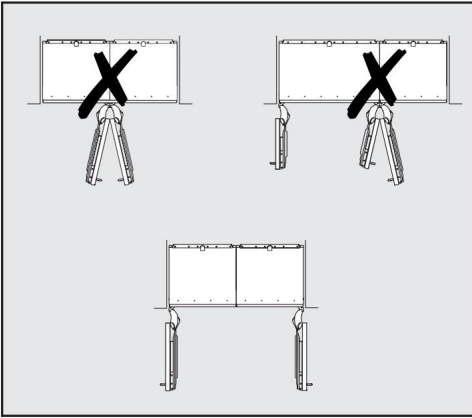
Các thiết bị làm lạnh được bảo đảm riêng lẻ trong hốc lắp đặt của họ bằng cách sử dụng vật liệu lắp đặt được cung cấp.

Nếu vách ngăn a hẹp hơn 6 5/16" (160 mm), bạn sẽ cần tấm sườn bên hông từ bên cạnh bộ dụng cụ lắp đặt để ngăn ngừa ngưng tụ khỏi sự hình thành và bất kỳ thiệt hại nào phát sinh.

Khi lập kế hoạch lắp đặt hốc, xin lưu ý rằng ngách mà thiết bị làm lạnh với phải lắp đặt máy sườn bằng điều khiển bên rộng hơn 3/16" (4 mm) (xem "Cài đặt - Kích thước xây dựng").

Nếu vách ngăn a dày hơn 6 5/16" (160 mm), bạn không cần bộ lắp đặt song song, cũng không phải bên cạnh máy sườn tấm.

. . . không có tường ngăn



Nếu các thiết bị được lắp đặt tiếp theo với nhau mà không có bức tường ngăn cách giữa họ, họ sẽ cần phải được kết hợp với bộ lắp đặt song song. Ngoài ra, bạn phải lắp đặt bộ sỏi bằng điều khiển bên để ngăn ngừa sự ngưng tụ hình thành và bất kỳ thiệt hại nào phát sinh.

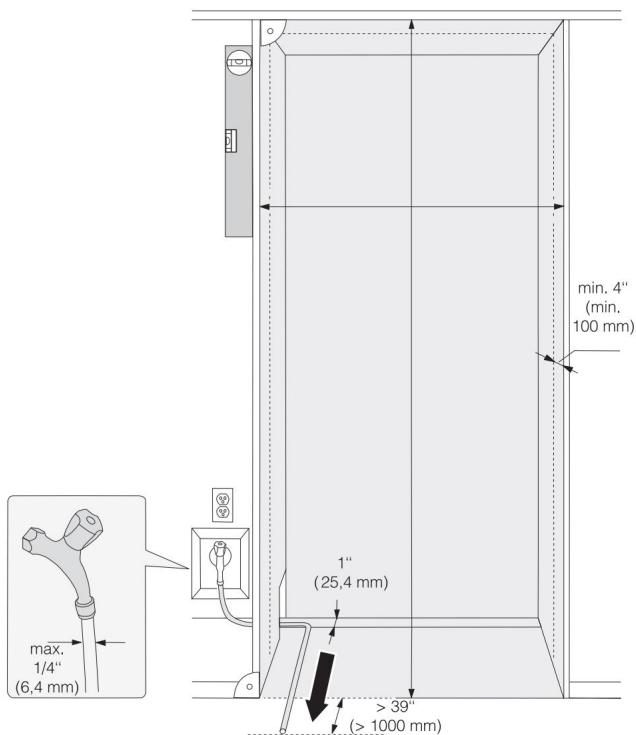
## Thông số kỹ thuật cho ống nước kết nối nước

- Kết nối với nguồn cung cấp nước phải tuân thủ các quy định hiện hành tại quốc gia nơi thiết bị được lắp đặt.
- Tất cả các thiết bị và hệ thống được sử dụng để cung cấp nước cho thiết bị làm lạnh cũng phải tuân thủ quy định hiện hành tại quốc gia tương ứng.
- Thiết bị chỉ có thể được con- được kết nối với hệ thống nước sạch bởi các kỹ thuật viên có trình độ.
- Chất lượng nước đầu vào phải tuân thủ các yêu cầu cho nước uống ở đất nước nơi thiết bị làm lạnh đang được sử dụng.
- Kết nối ống nước với nguồn nước sạch cung cấp nước và tránh kết nối với một nguồn cung cấp nước trong đó nước có thể tri trệ.
- Thiết bị chỉ phù hợp với kết nối với đường nước lạnh.
- Áp suất nước phải nằm trong khoảng 29 psi và 116 psi (2 và 8 bar).
- Phải có vòi nước ở giữa ống nước và kết nối đường ống nước để đảm bảo có thể cắt nguồn cung cấp nước nếu cần thiết.
- Đảm bảo vòi nước vẫn hoạt động. có thể thực hiện được sau khi thiết bị đã được cài đặt.

## Cài đặt

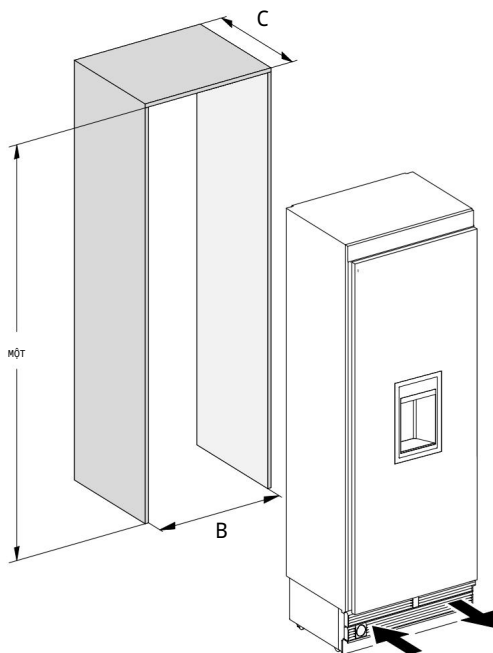
### Kích thước lắp đặt

#### Vị trí của các kết nối điện và nước



- Kết nối điện không được đặt cao hơn 9" (228 mm) so với sàn nhà.
- Kết nối ống nước 1/4" (6 mm) không được đặt cao hơn 2" (50 mm) so với sàn.

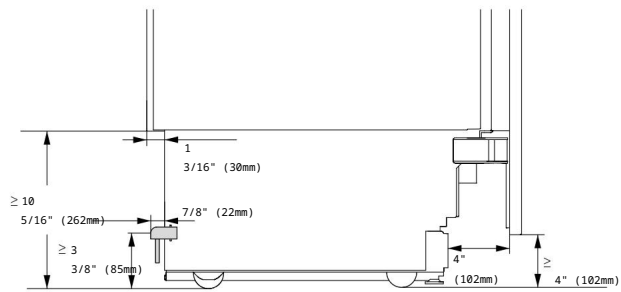
Ổ cắm điện không được giấu phía sau thiết bị và phải dễ dàng tiếp cận trong trường hợp khẩn cấp.



	H	B	C
F 2462 Bận, F 2472 Bận	84"-85 3/16" (2.134-2.164 mm)	18 1/16" (458 mm) 24"	(610 mm) + tủ phía trước 3/4"-1 1/2" (19-38mm)
F 2662 Bận, F 2672 Bận	84"-85 3/16" (2.134-2.164 mm)	24" (610mm)	24" (610 mm) + tủ phía trước 3/4"-1 1/2" (19-38mm)

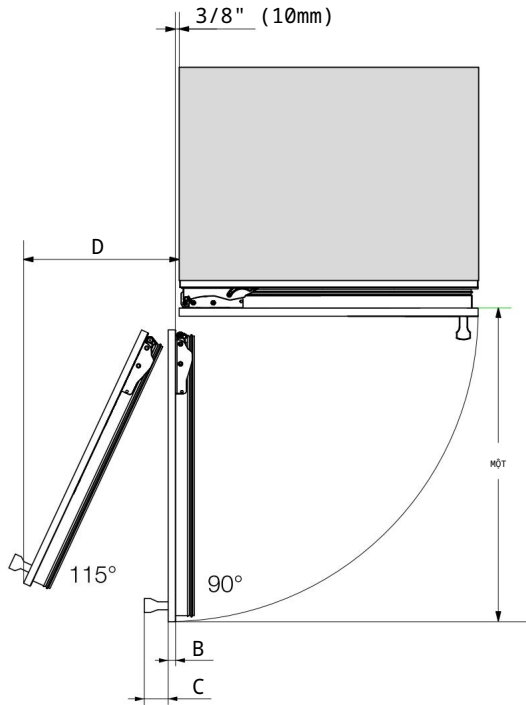
# Cài đặt

---



Nhìn từ bên hông

Kích thước khi cửa thiết bị mở (góc mở 115°)



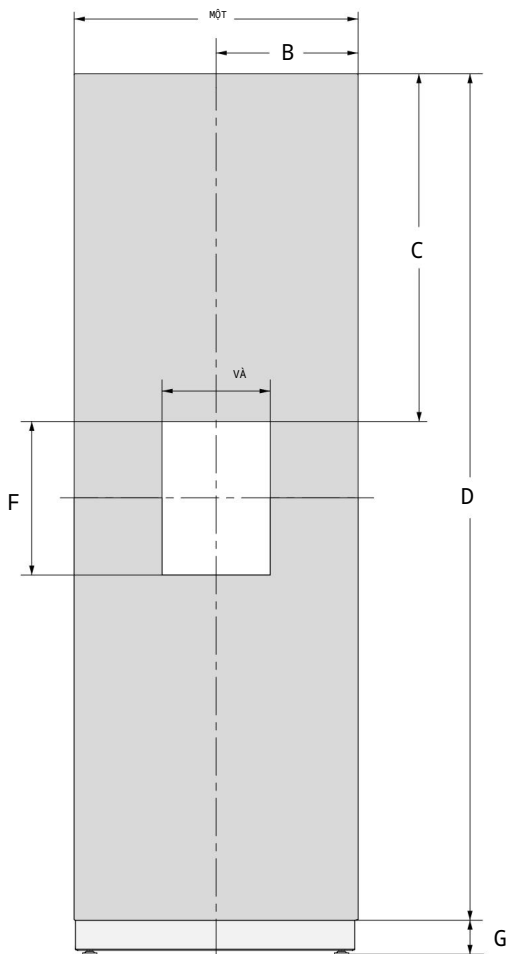
	MỘT		C*	D (có mặt trước tủ 3/4" (19 mm))
F 2472 Bạ, F 2672 Bạ	20 11/16" (525mm)	Mặt trước tủ 3/4"-1 1/2" (19-38 mm)	Tay nắm cửa 9 5/16" (237 mm)	
F 2462 Bạ, F 2662 Bạ	26 5/8" (677mm)	Mặt trước tủ 3/4"-1 1/2" (19-38 mm)	Tay nắm cửa 11 5/8" (296 mm)	

\* Kích thước mặt tủ và tay nắm cửa thay đổi tùy theo thiết kế của bếp.

Góc mở của cửa thiết bị không được giới hạn ở 90°; nếu không, giỏ đựng đá và hộp đựng đá sẽ không thể tháo rời.

## Cài đặt

## Kích thước mặt trước tủ



	MỘT	B	C	D	VÃ	F	G
F 24x2 Vi 17	3/4" (451 mm)	8 7/8" (225,5 mm)	32 11/16" (830,5 mm)	79 7/8" (2.029 mm)	9 1/16" (230mm)	14 1/2" (368mm)	≥ 4"-5 3/16" (102-132mm)
F 26x2 Vi 23	3/4" (604 mm)	11 7/8" (302mm)	32 11/16" (830,5 mm)	79 7/8" (2.029 mm)	9 1/16" (230mm)	14 1/2" (368mm)	≥ 4"-5 3/16" (102-132mm)



## Xây dựng trong thiết bị

Trước khi bắt đầu...

Điều cần thiết là phải đọc kỹ hướng dẫn cài đặt này trước khi bắt đầu cài đặt thiết bị.

Thiết bị phải được lắp đặt bởi một thợ có trình độ phù hợp theo hướng dẫn lắp đặt này. Hoạt động an toàn của thiết bị chỉ được đảm bảo nếu thiết bị được lắp đặt và kết nối theo hướng dẫn lắp đặt.

### Nguy cơ hư hỏng và thương tích!

Thiết bị này rất nặng và có thể đổ về phía trước khi cửa mở.

Đóng cửa thiết bị cho đến khi thiết bị được lắp vào và cố định chắc chắn trong vỏ theo hướng dẫn vận hành và lắp đặt.

Thiết bị này vừa lớn vừa nặng.

Việc lắp đặt phải được thực hiện bởi hai người.

Thiết bị phải được lắp đặt theo quy định của địa phương. Nếu không có quy định của địa phương, phải tuân thủ các quy định sau:

- tại Hoa Kỳ: National Electric  
Bộ luật, ANSI/NFPA 70 - phiên bản mới nhất/ Bộ luật của tiểu bang và thành phố và/hoặc bộ luật địa phương.
- tại Canada: Canadian Electric  
mã C22.1 - phiên bản mới nhất/Mã tỉnh và thành phố và/hoặc mã địa phương.

## Công cụ cần thiết

- Máy khoan không dây
  - Tua vít TX 20
  - Máy khoan búa
  - Mũi khoan có nhiều kích cỡ khác nhau, tùy thuộc vào về vật liệu
  - Búa
  - Cờ lê hở
  - Cờ lê khóa, phụ kiện: ổ cắm, 5/16" (8 mm)
  - Băng dính
  - Dao tiện ích
  - Cờ lê ống
  - Mức độ
  - Thước dây
  - Bút chì
- Khác
- Thang bước
  - Xe đẩy tay

## Cài đặt

Trọng lượng của mặt trước tủ

Trước khi lắp mặt trước tủ, hãy đảm bảo rằng trọng lượng của cửa không vượt quá mức tối đa được phép:

Thiết bị	Trọng lượng tối đa của mặt trước tủ
F 2462 Bọn, F 2472 Bọn	157 lb (71 kg)
F 2662 Bọn, F 2672 Bọn	150 lb (68 kg)

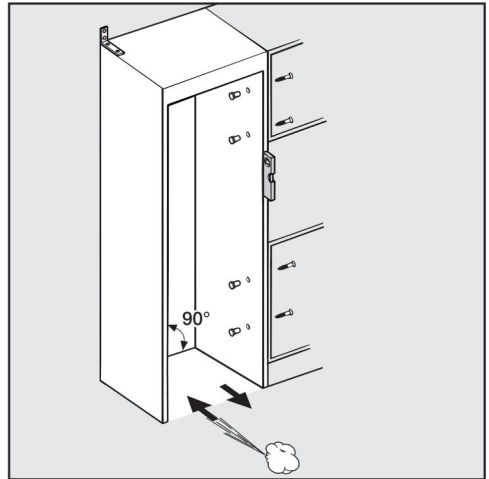
Nếu mặt trước của tủ quá nặng, điều này có thể gây ra thiệt hại.

Lắp đặt mặt trước tủ là nặng hơn mức tối đa được phép trọng lượng có thể làm hỏng bản lề.

Thiệt hại này có thể ảnh hưởng đến nhiều yếu tố khác nhau, chẳng hạn như hoạt động của ứng dụng anne.

Trước khi lắp mặt trước tủ, đảm bảo rằng trọng lượng của cửa không vượt quá mức tối đa được phép.

Căn chỉnh hốc lắp đặt



Việc xây dựng hốc tường phải được thực hiện cẩn thận được căn chỉnh bằng cách sử dụng một ống thủy trước khi lắp đặt thiết bị làm lạnh lại. góc ngách phải có góc  $90^\circ$  lẫn nhau, nếu không thì mặt trước tủ sẽ không ngồi thẳng trên tất cả 4 góc của hốc xây dựng.

## Kiểm tra hốc lắp đặt

Kiểm tra kích thước lắp đặt  
(xem "Lắp đặt - Kích thước lắp đặt").

Kiểm tra vị trí của điện  
kết nối. Chiều dài của nguồn điện  
dây dài 9' 10" (3 m).

Ổ cắm điện không được

ẩn đằng sau thiết bị và  
phải dễ dàng truy cập trong một  
khả năng.

Kiểm tra vị trí của ống nước  
kết nối nước.

Vòi nước không được che giấu

phía sau thiết bị và phải  
dễ dàng tiếp cận trong trường hợp khẩn cấp.

Kiểm tra xung quanh để biết có thể  
va chạm (xem "Lắp đặt - Kích thước khi cửa  
thiết bị mở").

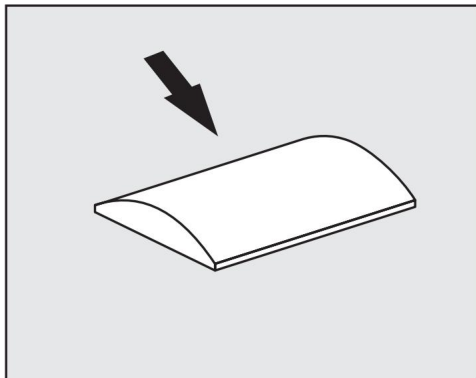
Chỉ lắp đặt thiết bị làm lạnh  
trong các hốc lắp đặt chắc chắn, ổn định, được  
đặt trên sàn phẳng và bằng phẳng.

Cũng kiểm tra hốc cài đặt cho  
các tiêu chí sau đây:

- Các tấm ốp bên của lắp đặt  
hốc phải đều nhau.
- Các bức tường xung quanh hốc lắp đặt phải có  
chiều cao tối thiểu là  
Dày 5/8" (16 mm).
- Tường xung quanh phải được cố định chắc  
chắn vào sàn hoặc tường.
- Các bức tường bên được rút ngắn phải có ít nhất  
Sâu 4" (100 mm).

## Trước khi cài đặt

Trước khi lắp đặt, hãy tháo bỏ bất kỳ phụ kiện nào  
phụ kiện bên ngoài thiết bị.



Rủi ro thiệt hại do thiếu  
thông gió hiệu quả.

Nếu thiết bị làm lạnh không  
thông gió đầy đủ, điều này có thể gây ra  
khuôn để hình thành và, về lâu dài,  
dẫn đến thiệt hại cho bên ngoài của  
thiết bị làm lạnh và trong lĩnh vực lắp đặt.

Không tháo miếng đệm ra khỏi  
bên ngoài thiết bị dưới bất kỳ  
trường hợp.

Không nén các miếng đệm bên dưới  
bất kỳ hoàn cảnh nào.

Các miếng đệm đảm bảo khoảng cách cần  
thiết giữa thiết bị làm lạnh và nơi lắp đặt  
ngách.

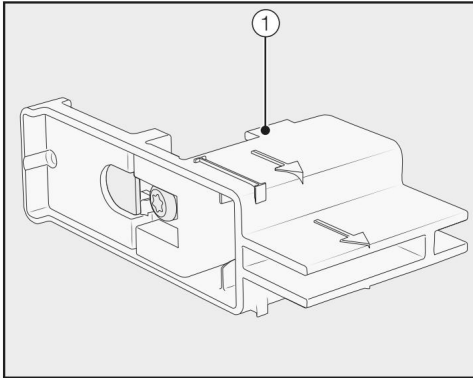
Kiểm tra thiết bị làm lạnh xem  
hư hỏng trong quá trình vận chuyển.

Không lắp đặt thiết bị làm lạnh bị hỏng.

Kiểm tra xem tất cả các bộ phận ở mặt sau của  
thiết bị không bị cản trở.

## Cài đặt

Để bảo vệ sàn trong quá trình lắp đặt, hãy cố định một phần sàn hoặc vật liệu tương tự vào sàn trước khu vực lắp đặt.

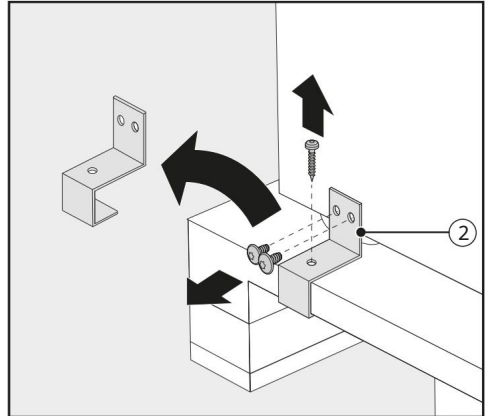


Không tháo các thiết bị hỗ trợ lắp đặt khỏi cửa thiết bị. Những thiết bị này sẽ cần thiết sau này để căn chỉnh thiết bị vào hốc lắp đặt.

Nguy cơ hư hỏng và thương tích do thiết bị làm lạnh bị đổ.

Ngay khi bạn tháo các giá đỡ cố định thiết bị làm lạnh vào pallet, thiết bị sẽ không còn được cố định nữa.

Do trọng lượng và kích thước lớn, thiết bị làm lạnh phải cần đến hai người để lắp đặt.



Tháo các giá đỡ cố định .

Với sự trợ giúp của nhiều người nếu cần, hãy cẩn thận nhấc thiết bị làm lạnh ra khỏi pallet, bắt đầu từ mặt sau của thiết bị.

Nguy cơ làm hỏng sàn nhà từ tải trọng.

Việc di chuyển thiết bị làm lạnh có thể gây hư hỏng sàn nhà.

Di chuyển thiết bị làm lạnh một cách cẩn thận trên sàn nhà để bị trầy xước.

Ngay sau khi đặt thiết bị thẳng đứng, bạn có thể di chuyển thiết bị bằng các con lăn ở phía dưới.

## Cài đặt

### Chuẩn bị hốc lắp đặt

Nguy cơ hư hỏng và thương tích do thiết bị làm lạnh bị lật qua.

Thiết bị làm lạnh này rất nặng và có thể đổ về phía trước khi cửa mở.

Hốc tường xây dựng phải được cố định chắc chắn vào tường phía sau nó và/hoặc phía trên nó bằng một số ốc vít. Chỉ điều này sẽ ngăn chặn thiết bị làm lạnh bị lật đổ sau khi được đã cài đặt.

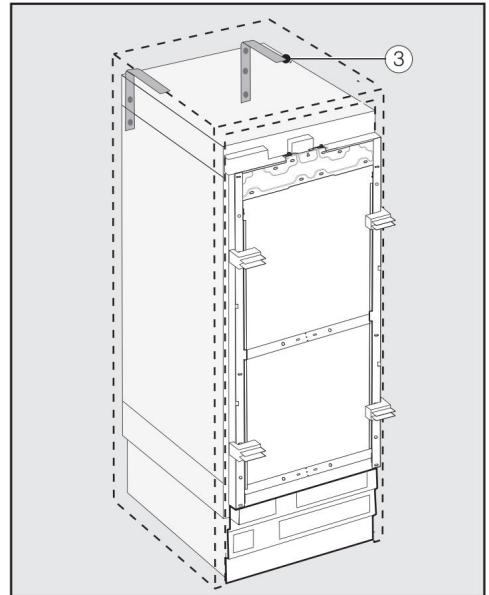
Ngoài ra, hãy sử dụng chất chống lật được cung cấp giá đỡ để cố định tòa nhà ngách.

Các bộ phận cần thiết để cài đặt là được cung cấp cùng với thiết bị làm lạnh. Các túi nhựa được cung cấp là được đánh dấu bằng chữ cái để dễ nhận biết.

Khi thực hiện các bước lắp ráp riêng lẻ, hãy quan sát các chữ cái được chỉ định và sử dụng túi nhựa phù hợp với cài đặt cần thiết thiết bị.

Giá đỡ chống đổ giúp ngăn không cho thiết bị làm lạnh bị đổ.

Các giá đỡ chống lật cũng được sử dụng để cố định xây dựng trong hốc một cách an toàn tường bao quanh.



Sử dụng 2 giá đỡ chống đổ cho mỗi thiết bị riêng lẻ hoặc 4 giá đỡ chống đổ cho mỗi tổ hợp (sát cạnh nhau) gồm 2 thiết bị.

Đặt giá đỡ chống lật vào bên trái và bên phải của tòa nhà ngách.

Tùy thuộc vào sự điều chỉnh tiếp theo của chân, các giá đỡ chống lật được định vị 7'-7' 1 3/4" (2134-2164 mm) tính từ sàn hốc.

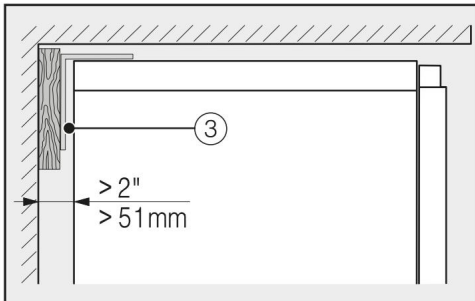
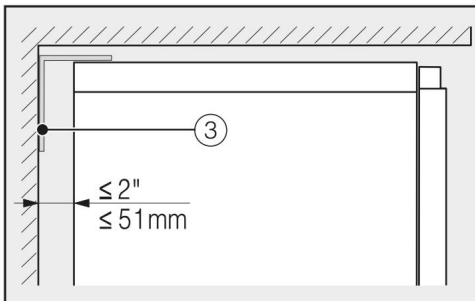
## Cài đặt

Nguy cơ thương tích và hư hỏng do thiết bị làm lạnh bị đổ.

Nếu giá đỡ chống lật được cố định quá cao thì không thể sử dụng chúng để cố định thiết bị làm lạnh.

Khoảng cách giữa giá đỡ chống

lật và thiết bị làm lạnh không được vượt quá 5/16" (8 mm).



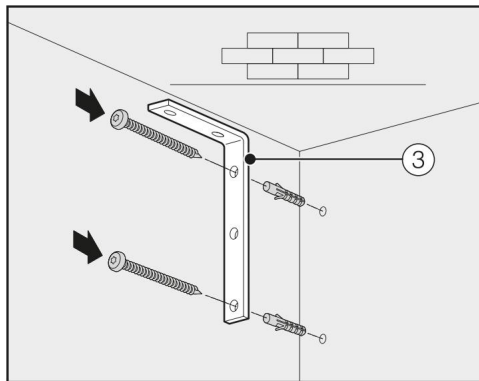
Đảm bảo khoảng cách giữa thành sau của thiết bị làm lạnh và hốc lắp đặt không vượt quá 2" (51 mm).

Đặt một miếng gỗ chêm phía sau giá đỡ chống lật nếu cần.

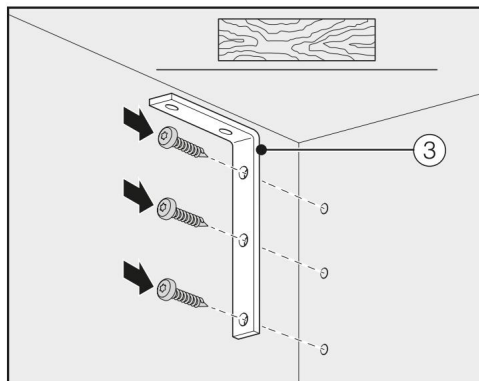
Trong khi giữ chặt giá đỡ chống lật, hãy đánh dấu các lỗ khoan cần thiết trên thành sau của hốc lắp đặt.



Vít cố định cho nhiều mục đích sử dụng và loại vật liệu khác nhau được cung cấp trong gói đi kèm.

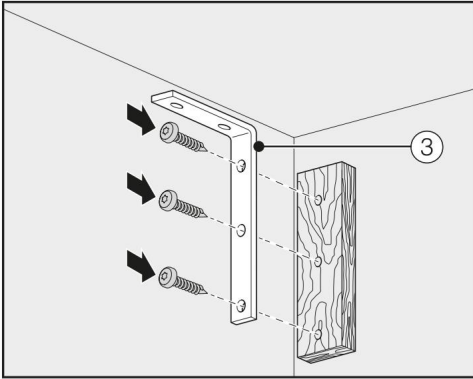


Cố định vào tường bê tông



Cố định vào tường gỗ

## Cài đặt



### Cố định bằng nêm gỗ

Bảo vệ hốc xây dựng vào bức tường phía sau nó và/hoặc phía trên nó khi cần thiết bằng cách sử dụng giá đỡ chống lật.

Kết nối thiết bị làm lạnh với nguồn cung cấp nước (xem "Cài đặt - Kết nối nước sạch").

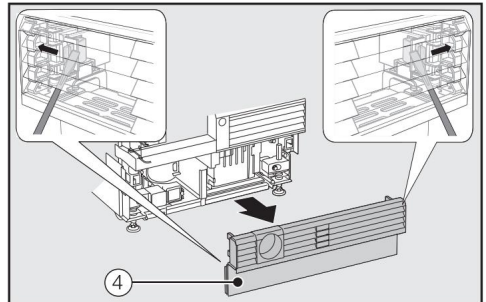
Bây giờ hãy chuẩn bị kết nối nước cho thiết bị làm lạnh (xem "Kết nối nước bằng đường ống").

### Đẩy thiết bị vào ngách

Đẩy thiết bị vào hốc, cẩn thận không làm hỏng nguồn điện dây điện và kết nối nước.

Nếu bạn đang lắp đặt nhiều thiết bị làm lạnh cạnh nhau, hãy cố định các thiết bị này với nhau. (xem Hướng dẫn cài đặt cho bộ lắp đặt song song).

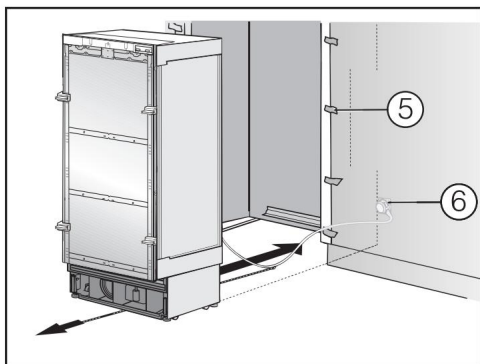
Để đảm bảo rằng thiết bị làm lạnh sau đó có thể được căn chỉnh chính xác, lưới thông gió ở mũi giày phải là loại bỏ khỏi chân đế của thiết bị:



Cẩn thận hướng dẫn một vít đầu phẳng-lái xe thông qua thông gió chân-đá lưới ở cả hai bên và sử dụng nó để đẩy chốt nhựa bên trong ra ngoài để mở lưới thông gió ở chân đế.

Đặt lưới thông gió ở mũi giày vào một bên.

## Cài đặt



Gắn bảo vệ cạnh vào phần liền kề mặt trước tủ cent.

Cắm phích cắm vào mặt sau của thiết bị làm lạnh (xem "Lắp đặt - Kết nối điện"). Cắm phích cắm vào ổ cắm điện.

Đẩy nhẹ ứng dụng làm lạnh vào đúng chỗ thích hợp.

Nếu không thể đẩy thiết bị làm lạnh vào hốc (ví dụ như do sàn không bằng phẳng), hãy tháo nhẹ các chân sau (xem phần "Lắp đặt - Căn chỉnh thiết bị làm lạnh") và trượt thiết bị làm lạnh vào hốc lắp đặt.

Tháo bỏ lớp bảo vệ cạnh khỏi mặt trước tủ liền kề.

Ổ cắm điện không được giấu phía sau thiết bị và phải dễ dàng tiếp cận trong trường hợp khẩn cấp.

Nguy cơ hư hỏng do điện quá tải.

Nếu thiết bị làm lạnh bị quá tải điện, điều này có thể gây ra hiện tượng đoản mạch và làm hỏng thiết bị làm lạnh của bạn.

Khi lắp đặt các thiết bị điện cạnh nhau, mỗi thiết bị làm lạnh phải có ổ cắm điện riêng.

Mẹo: Cố định chặt dây nguồn để tránh bị kẹt: buộc một đoạn dây vào giữa dây nguồn và khi đẩy thiết bị làm lạnh vào hốc, hãy kéo dây về phía trước bên dưới thiết bị.

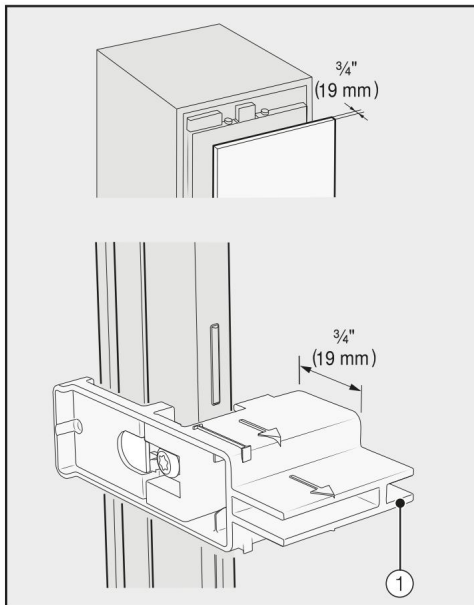


## Căn chỉnh thiết bị làm lạnh

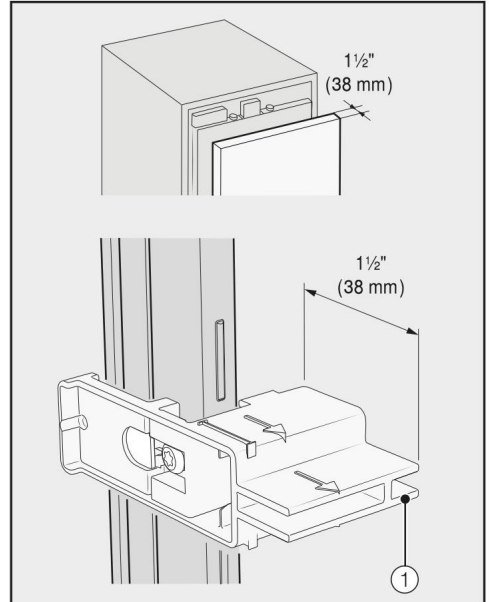
Các thiết bị hỗ trợ lắp đặt trên cửa thiết bị giúp căn chỉnh thiết bị làm lạnh trong hốc lắp đặt.

Các thiết bị hỗ trợ lắp đặt phù hợp với độ dày mặt trước tủ là 3/4" hoặc 1 1/2" (19 mm hoặc 38 mm).

Căn chỉnh thiết bị với mặt trước tủ bên cạnh như mô tả bên dưới.



Độ dày mặt tủ 3/4" (19 mm)



Độ dày mặt tủ 1 1/2" (38 mm)

Các chân có thể điều chỉnh ở mặt trước và mặt sau của thiết bị đều có thể được điều chỉnh từ mặt trước của thiết bị.

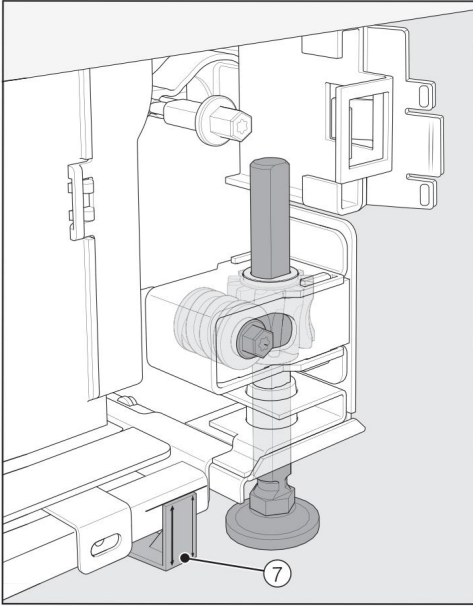
Nguy cơ hư hỏng do điều chỉnh chân không đúng cách.

Bạn có thể làm hỏng chân có thể điều chỉnh nếu sử dụng tua vít không dày.

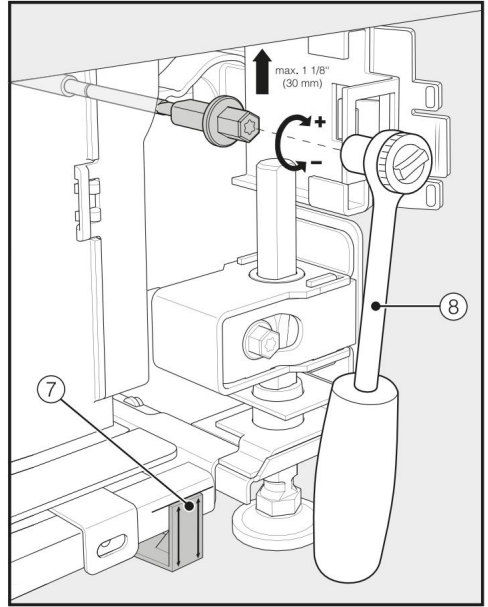
Luôn điều chỉnh chân trước và chân sau bằng tay.

## Cài đặt

**A**

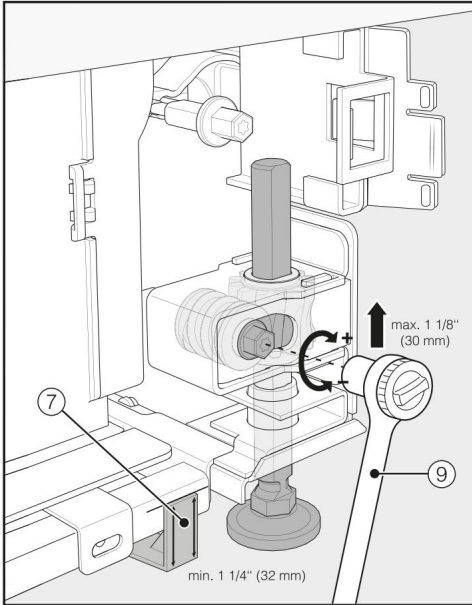


Đặt miếng đệm đi kèm ở cả hai bên trên các vạch đánh dấu bên cạnh chân có thể điều chỉnh ở mặt trước của thiết bị.



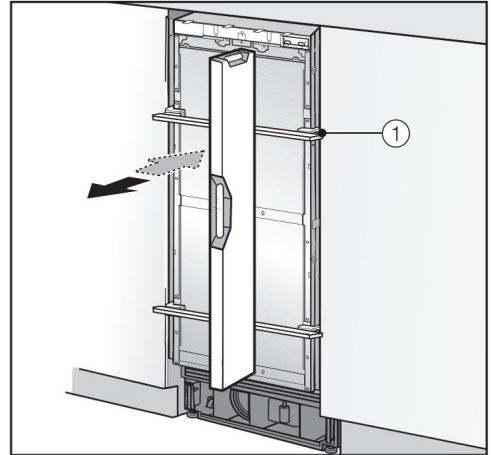
Điều chỉnh chân sau bằng cờ lê (tại phụ kiện: ổ cắm 5/16" (8 mm) hoặc tua vít TX 20 .

## Cài đặt



Điều chỉnh chân trước bằng cờ lê (tại phụ kiện: ổ cắm 5/16" (8 mm)) hoặc tua vít TX 20 .

Mẹo: Hãy cẩn thận khi điều chỉnh chân, xen kẽ giữa chân trái và chân phải.



Đặt một thước thủy ngang qua các dụng cụ hỗ trợ lắp đặt trên cửa thiết bị để kiểm tra độ thẳng hàng của thiết bị làm lạnh.

Tháo rời chân và trên cả hai ít nhất cho đến khi vạch trên phần đá chân được căn chỉnh với yêu cầu 1 1/4" (32 mm) trên miếng đệm . Kích thước tiêu chuẩn 1 1/4" (32 mm) liên quan đến chiều cao hốc là 84" (2.134 mm).

Điều quan trọng là phải điều chỉnh chân để đến độ cao ít nhất là 1 1/4" (32 mm) để hệ thống thông gió của thiết bị làm lạnh thông qua phần đế chân để hoạt động chính xác.

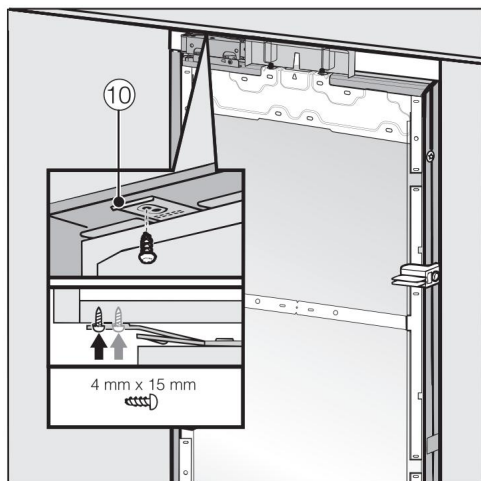
Nguy cơ hư hỏng nếu điều chỉnh chân quá nhiều.  
Chân điều chỉnh phía sau có thể bị hỏng.

Chỉ tháo các chân cho đến khi vạch trên phần đế được căn chỉnh ở mức tối đa là 2 7/16" (62 mm) (chiều cao hốc tối đa là 85 3/16" (2.164 mm)).

## Cài đặt

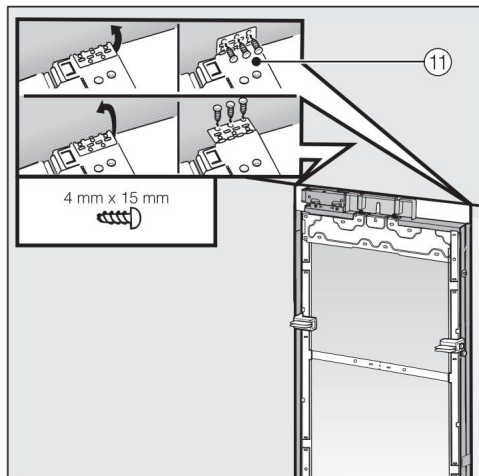
Kiểm tra lại độ thẳng hàng của thiết bị làm lạnh bằng cách sử dụng các dụng cụ hỗ trợ lắp đặt và thước thủy.

Bảo vệ thiết bị trong hốc



Vặn chặt các vấu để cố định tấm cố định vào tủ/thiết bị phía trên thiết bị.

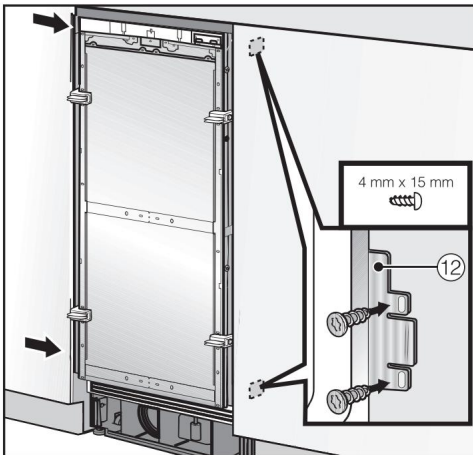
Nếu không thể cố định thiết bị ở phía trên, bạn có thể gắn nó vào hốc có các tấm cố định bên hông:



Mở các vấu cố định bên hông .

Cố định các vấu cố định bên bằng có ốc vít kèm theo.

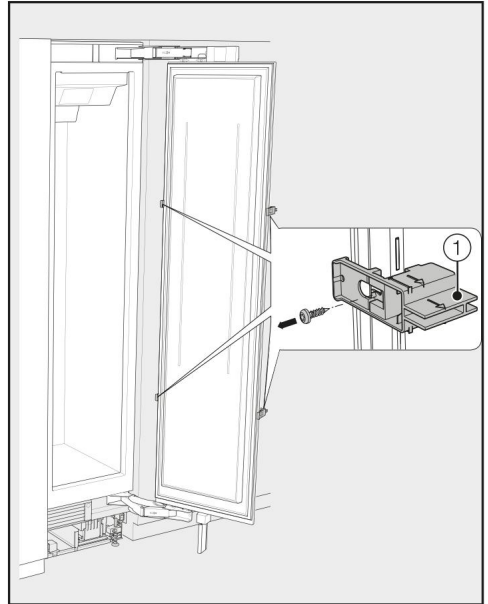
Mở cửa thiết bị.



Vặn chặt các chốt để lắp ở trên cùng và dưới cùng vào tủ/thiết bị liền kề với thiết bị.

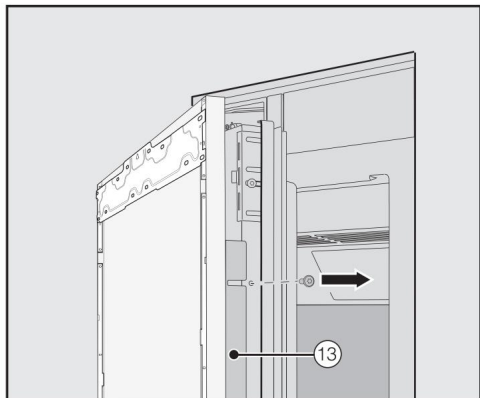
Trong sự kết hợp cạnh nhau, chỉ có các tấm bên ngoài của hai thiết bị mới có thể được cố định vào thành tủ.

Chuẩn bị mặt trước tủ Mở  
cửa tủ hết cỡ.



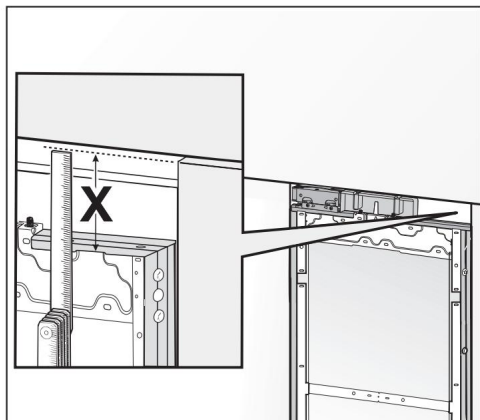
Tháo các thiết bị hỗ trợ lắp đặt khỏi cửa thiết bị.

## Cài đặt

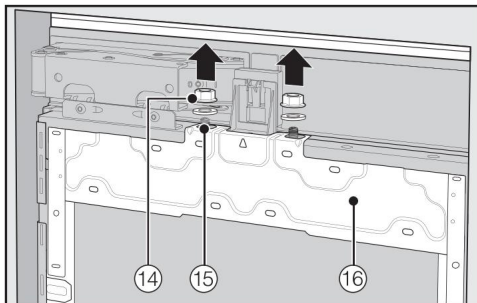


Tháo các góc cạnh ra khỏi cả hai bên cửa thiết bị và đặt các góc cạnh và vít sang một bên - chúng sẽ được sử dụng sau.

Đóng cửa thiết bị.

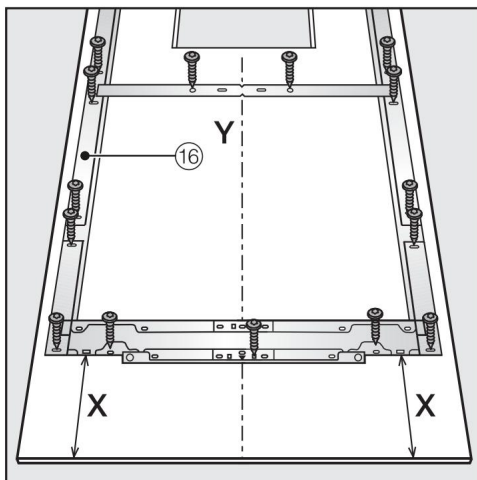


Đo khoảng cách X giữa khung lắp và mép trên của mặt trước tủ liền kề.



Tháo đai ốc và vòng đệm từ các bu lông ren và cất chúng ở nơi an toàn - chúng sẽ được sử dụng sau.

Tháo khung lắp ra khỏi cửa thiết bị bằng cách tháo nó lên trên.



Đặt mặt trước của tủ trên bề mặt chắc chắn, mặt ngoài hướng xuống dưới (đặt trên chân hoặc vật tương tự để tránh tràn nước).

Đánh dấu khoảng cách X -1/8" (3 mm) ở mặt trong của mặt trước tủ.

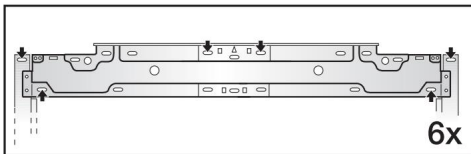
Tương tự như vậy, xác định vị trí và đánh dấu điểm giữa Y ở mặt trước tủ.

Đặt khung lắp ac-  
theo các ký hiệu ở mặt trước của tủ.

Khoan lỗ trước.



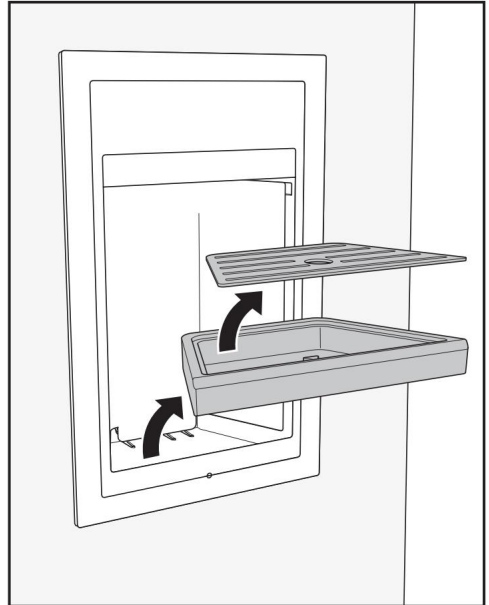
Vặn chặt khung lắp vào  
mặt trước tủ: Sử  
dụng ít nhất một vít cho mỗi điểm giữ lại  
trên giá đỡ  
khung .



Cố định khung gắn vào  
phía trên của mặt trước tủ, sử dụng ít nhất  
6 con vít tùy theo kích thước.

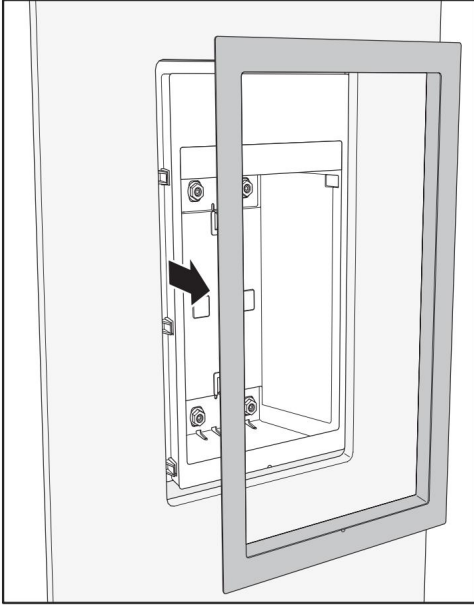
Khung lắp có một số loại lỗ khác nhau để  
tính đến  
nhiều loại mặt tủ.

Khi cố định khung, luôn luôn  
vặn vào phần chắc nhất của  
mặt trước tủ. Để thực hiện việc này, hãy chọn vít  
ngắn hơn một chút so với  
độ dày của mặt trước tủ.



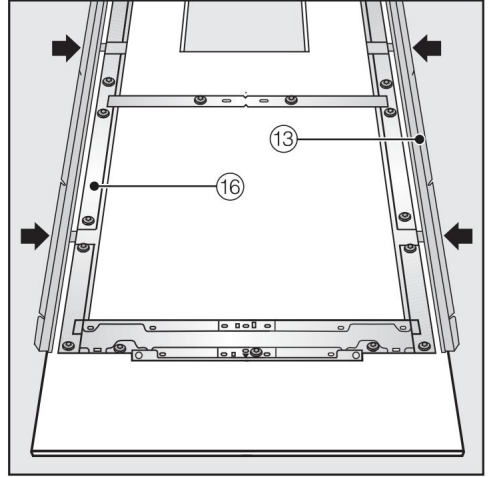
Tháo lưới khay hứng nước và  
khay hứng nước từ máy làm đá/nước.

## Cài đặt



Tháo khung ra khỏi bộ phận làm đá/nước.

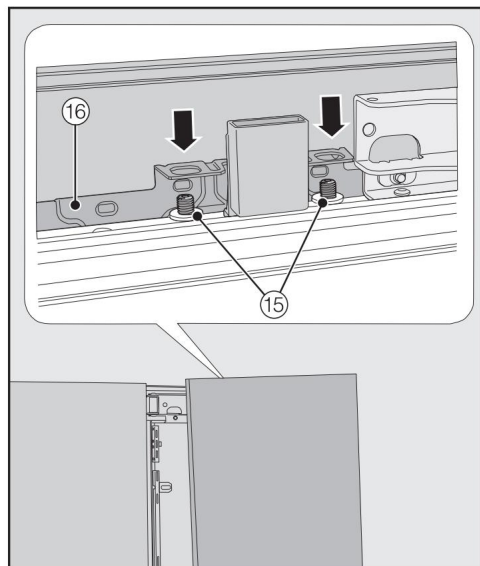
Vặn chặt tay cầm của thiết bị vào nếu cần thiết, hãy nhìn vào mặt trước tủ từ bên trong (không áp dụng cho nhà bếp không có tay nắm).



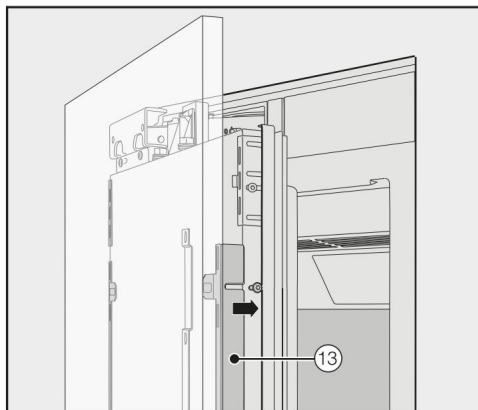
Bây giờ hãy lắp các góc trang trí ở cả hai bên xa nhất có thể vào các khoảng trống được cung cấp trong khung lắp.



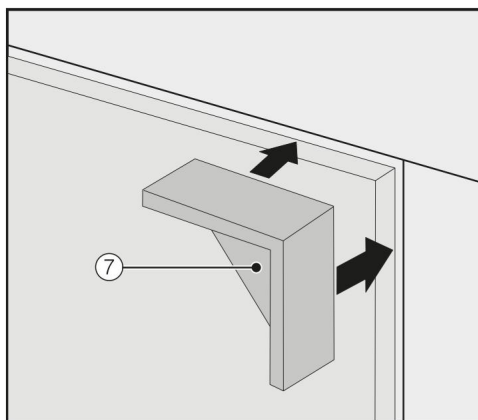
## Cố định và căn chỉnh mặt trước tủ



Mở cửa thiết bị và treo mặt trước của tủ trên khung của nó vào các bu lông ren từ phía trên.



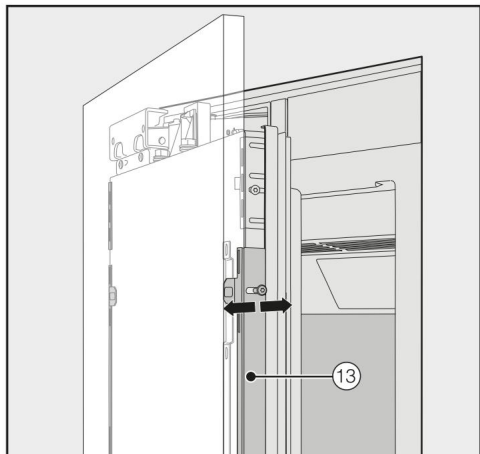
Nhấn các góc cạnh vào khung nhựa màu trắng ở cả hai bên và vặn chúng lỏng lẻo lúc đầu. Các vít dự phòng được cung cấp trong túi nhựa có đánh dấu chữ E.



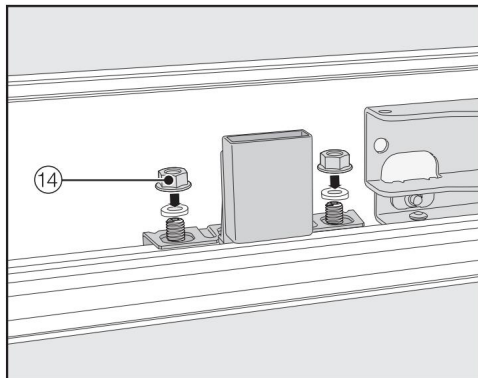
Đặt các miếng đệm lên trên các góc của mặt trước tủ ở cả hai bên.

Đóng cửa thiết bị và kiểm tra khoảng cách giữa cửa và mặt tủ liền kề.

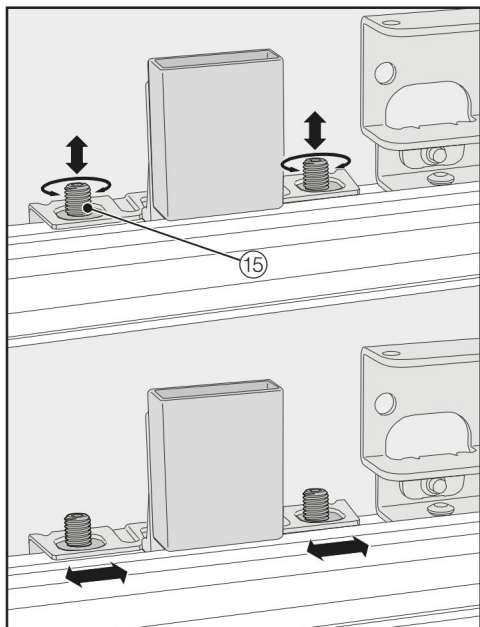
## Cài đặt



Căn chỉnh độ sâu của mặt trước tủ thông qua các khe hở ở các góc cạnh .

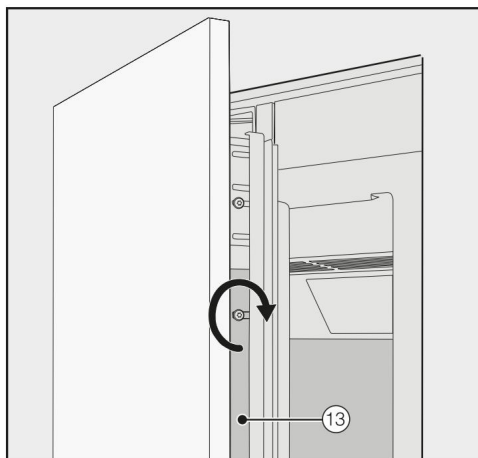


Đặt vòng đệm và đai ốc trở lại vị trí và siết chặt đai ốc .  
Mặt trước của tủ hiện đã được cố định chắc chắn.



Căn chỉnh chiều cao và các cạnh của mặt trước tủ bằng bu lông ren .

Đóng cửa thiết bị và kiểm tra khoảng cách giữa cửa và mặt tủ liền kề.



Bây giờ hãy siết chặt các vít ở góc ốp .

Mở cửa thiết bị. Tháo các miếng đệm ra khỏi mặt trước của tủ.

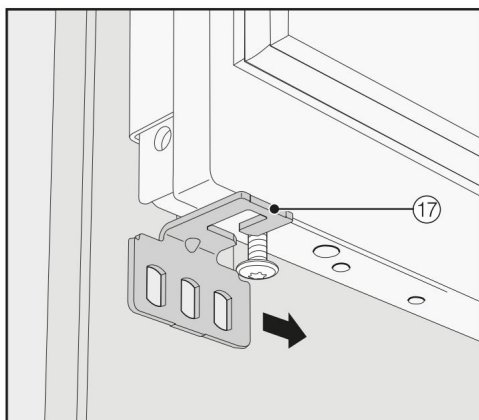
Lắp đặt giá đỡ cố định



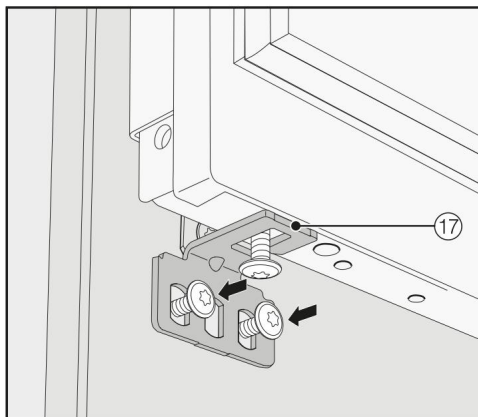
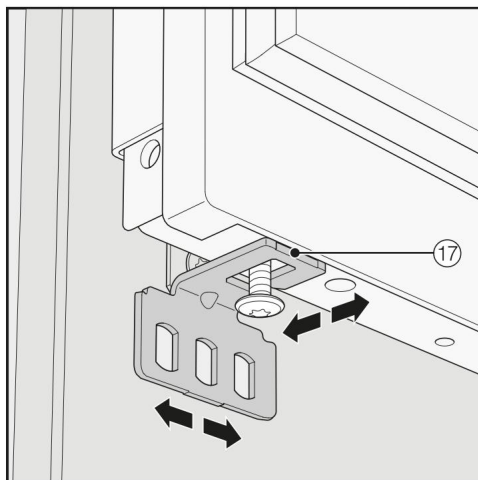
Giá đỡ cố định được sử dụng để cố định mặt trước của tủ vào đáy cửa thiết bị.

Không lắp giá đỡ cố định cho đến khi thiết bị (hoặc thiết bị kết hợp cạnh nhau, nếu có) được lắp đặt và mặt trước của tủ đã được căn chỉnh.

Mở cửa thiết bị hết mức có thể.

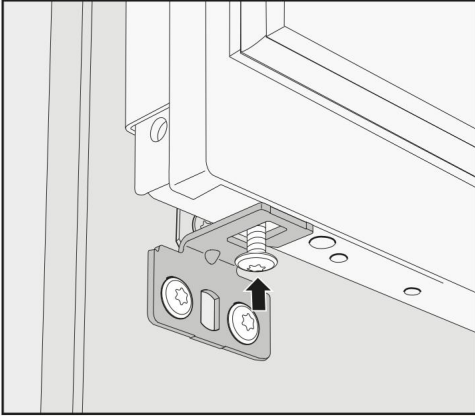


Trượt giá đỡ cố định sang một bên vào vít ở phía dưới cửa thiết bị.

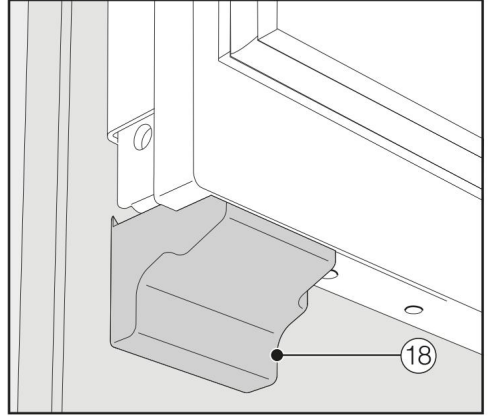


Vặn chặt giá đỡ cố định vào mặt trước của tủ.

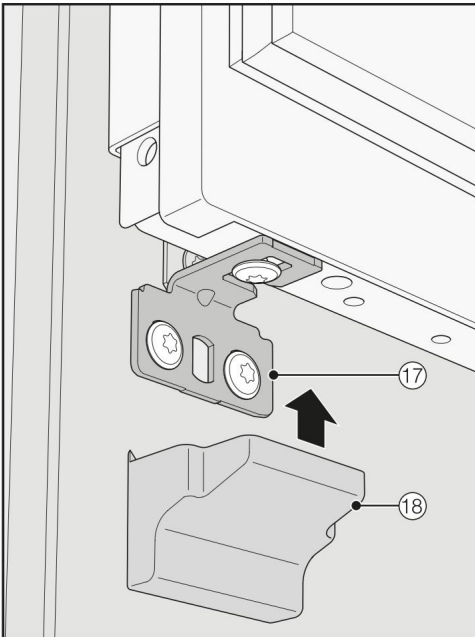
## Cài đặt



Vặn chặt vít ở phía dưới cửa thiết bị.



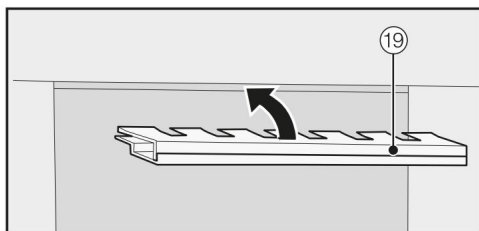
Nhấp nắp vào giá đỡ cố định.



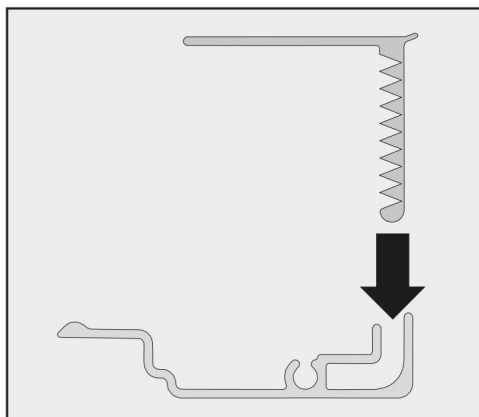
Lắp nắp vào giá đỡ cố định .

## Cài đặt

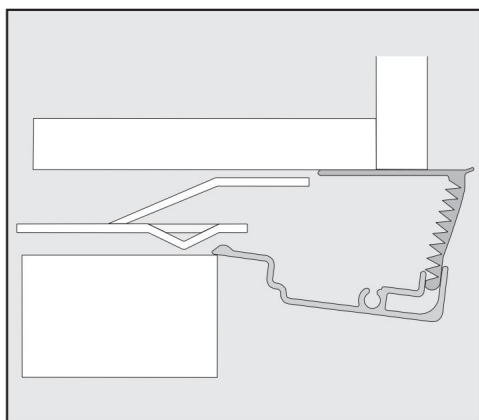
Bảo vệ các nắp đậy



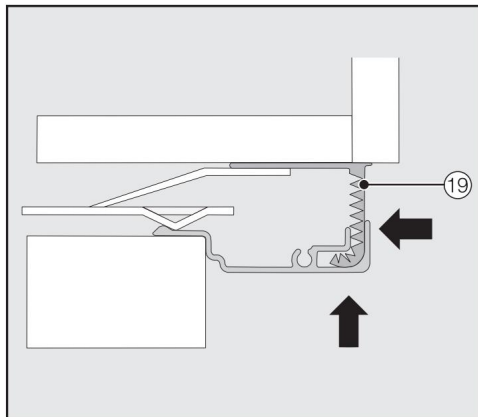
Nắp trên phải được lắp ráp như sau trước khi có thể lắp đặt:



Chèn hai phần của nắp vào lẫn nhau.



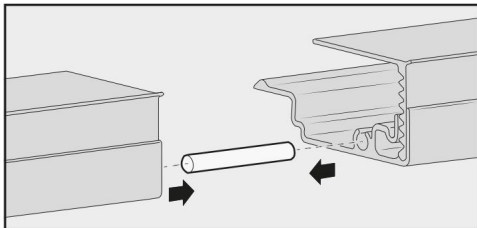
Bìa nhìn từ bên cạnh



Đặt nắp đã lắp ráp vào khe hở phía trên thiết bị sao cho nó khớp vào đúng vị trí. Trong khi thực hiện, trượt cả hai phần của nắp lại với nhau theo yêu cầu.

## Cài đặt

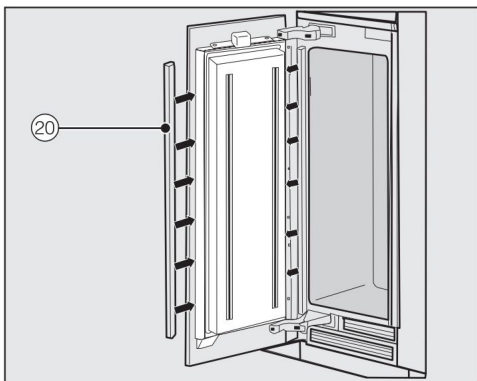
Lắp nắp theo kiểu song song  
sự kết hợp



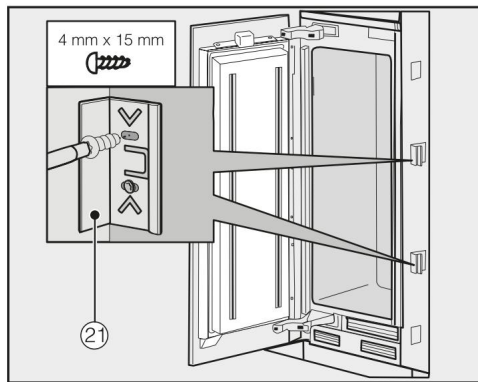
Chèn chốt nổi (từ bộ dụng cụ lắp ghép) vào giữa rãnh trong bìa cho ứng dụng bên trái anhe.

Đặt nắp thứ hai vào chốt và ép hai nắp lại với nhau.

Nhấp vào hai nắp lại với nhau vào hốc phía trên thiết bị.

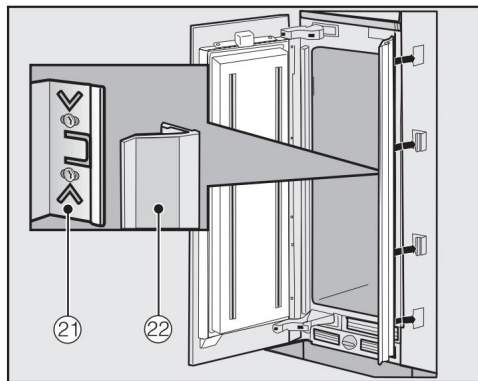


Lắp hai nắp nhựa vào cả hai các mặt của cửa thiết bị bằng cách nhấp chúng vào khoảng trống giữa cửa thiết bị và cửa tủ, bắt đầu từ dưới lên và làm việc lên lên trên cùng.



Cố định cả hai mặt của thiết bị sử dụng ít nhất 3 kẹp cho

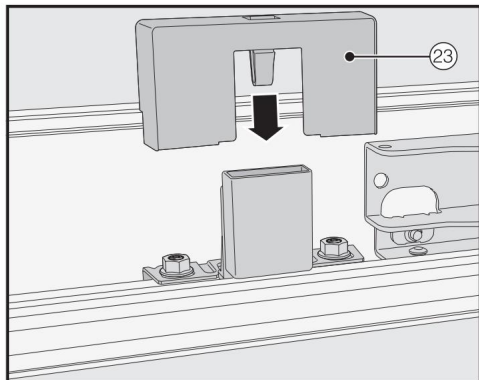
© 2014 Samsung Electronics



Bây giờ gắn các nắp vào các kẹp giữ ở cả hai bên.

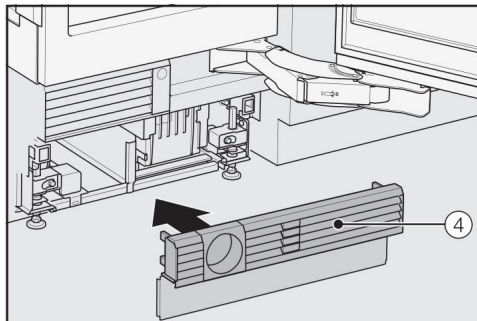
Trong trường hợp lắp đặt song song, chỉ cần đẩy nắp trên mặt ngoài.

## Cài đặt

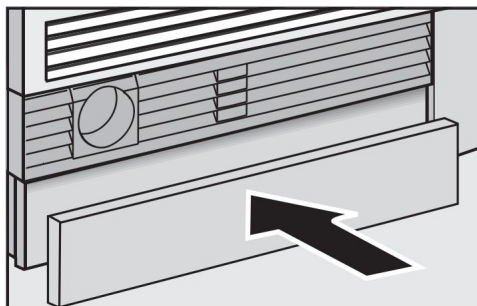


Lắp nắp vào công tắc tiếp điểm đèn.

Cố định lưới thông gió ở chân đế và nắp đậy ở chân đế



Bấm lưới thông gió chân đế vào đáy chân đế của thiết bị.



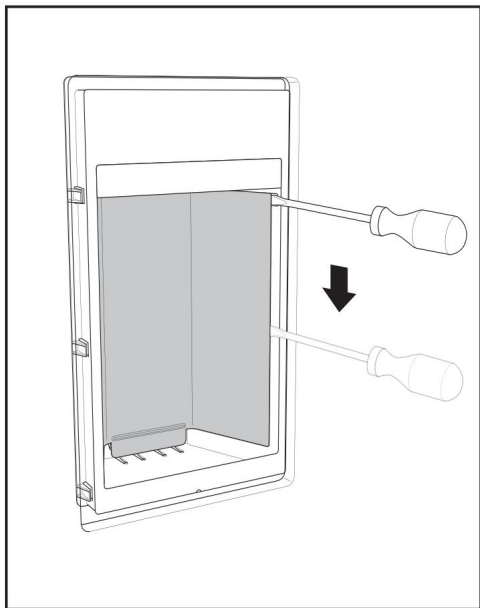
Nếu cần, hãy cắt phần bọc chân đế theo chiều dài và chiều cao cần thiết (cắt dọc theo mép dưới của phần bọc chân đế hướng về phía sàn).

Cố định nắp đậy chân đế vào đáy lưới thông gió chân đế.

## Cài đặt

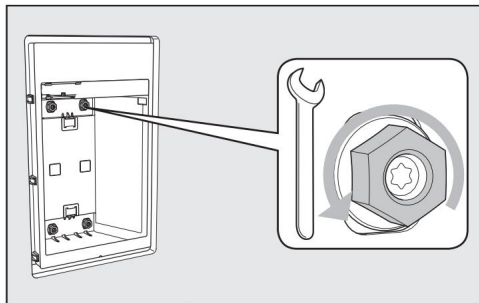
Căn chỉnh bộ phận làm đá/nước. Nếu cần, có thể căn chỉnh độ sâu của bộ phận làm đá/nước sao cho thẳng hàng với mặt trước của tủ.

Rút phích cắm của thiết bị hoặc tắt cầu dao.

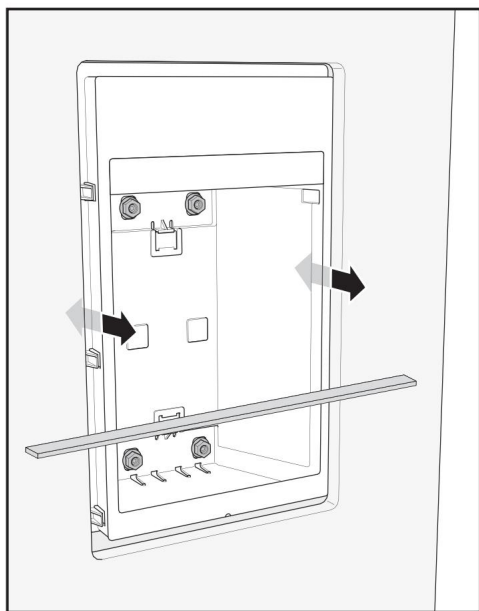


Cẩn thận lắp tua vít từ bên cạnh để tháo nắp sau khỏi bộ phận phân phối.

Khi tháo nắp, hãy hết sức cẩn thận để tránh làm xước nắp.

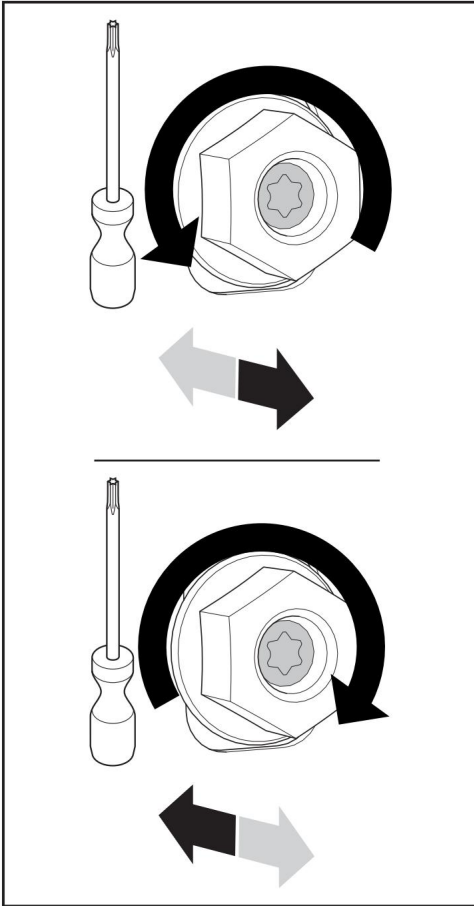


Sử dụng cờ lê để nới lỏng các đai ốc ở mặt sau của bộ phận lấy đá/nước bằng cách xoay nhẹ đai ốc ngược chiều kim đồng hồ.

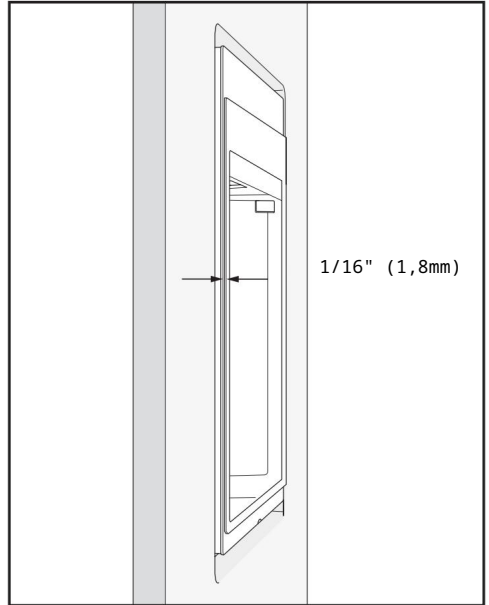




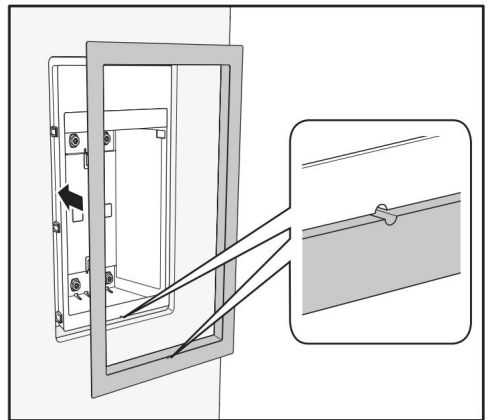
## Cài đặt



Sau đó, sử dụng 4 vít để căn chỉnh độ sâu của ngăn đậy đá/nước ở cả hai bên.

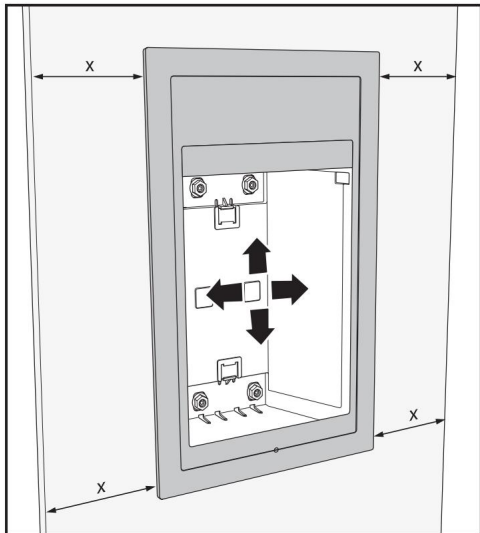


Phần nhô ra từ khung bên trong ra khung bên ngoài phải là 1/16" (1,8 mm).



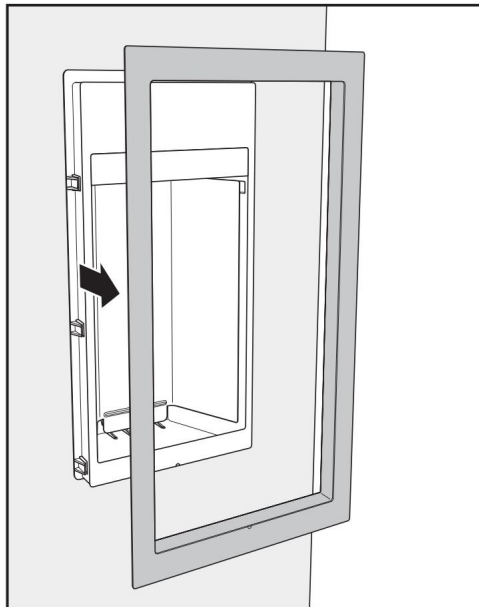
Căn chỉnh khung hoàn hảo với bộ phận làm đá/nước.

## Cài đặt



Căn chỉnh khung ở chính giữa.

Cuối cùng, sử dụng cờ lê để siết chặt các đai ốc bằng cách xoay chúng theo chiều kim đồng hồ.



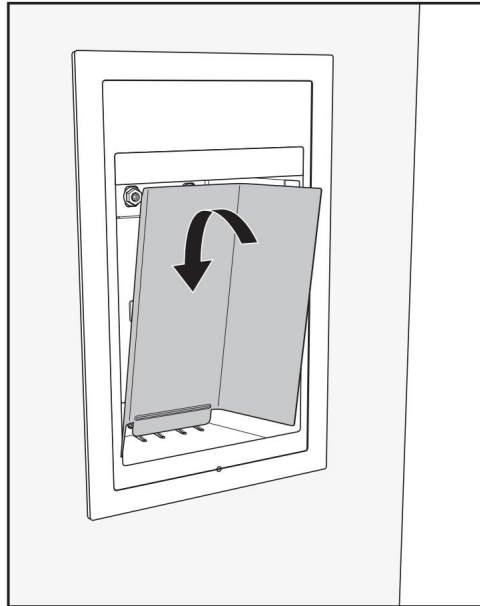
Tháo khung ra lần nữa.



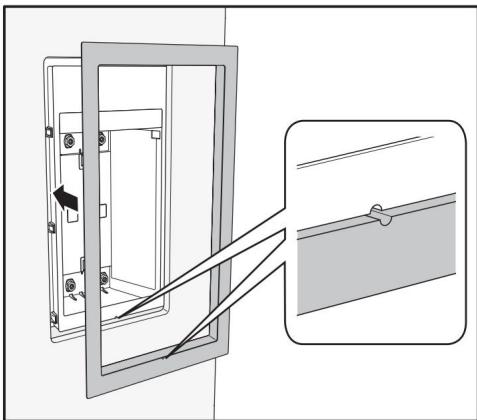
Dán các dải keo dán có sẵn vào 4 cạnh của khung.



Tháo lớp màng ra khỏi mỗi miếng quảng cáo dài do dự.

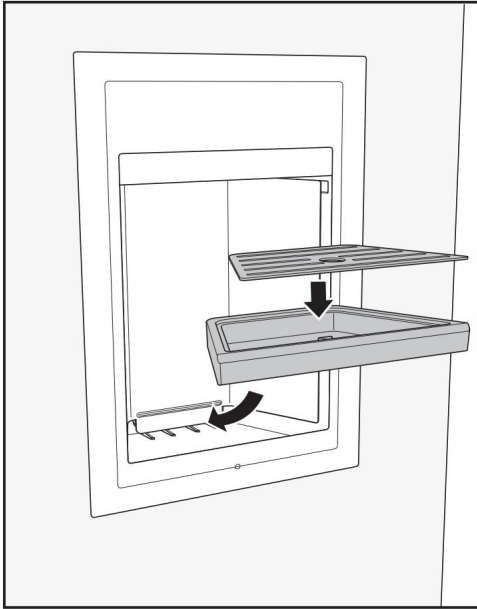


Lắp lại nắp sau vào bộ phận làm đá/nước bằng cách lắp vào đúng vị trí từ phía trên.



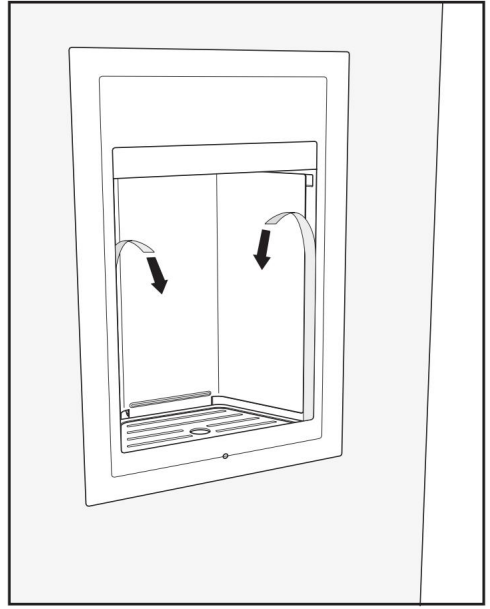
Căn chỉnh lại khung một cách hoàn hảo với bộ phận làm đá/nước.

## Cài đặt



Lắp khay hứng nước và khay hứng nước

LƯU Ý: TẮM NHÓT.



Sau đó tháo lớp màng ở cả hai mặt của bộ phận làm đá/nước.

## Kết nối nước

Thông tin về kết nối nước ngọt

Nguy cơ chấn thương và thiết bị hư hỏng nếu thiết bị không được kết nối đúng cách.  
Không kết nối được thiết bị đúng cách có thể dẫn đến thương tích cá nhân và/hoặc thiệt hại về vật chất.  
Thiết bị chỉ có thể được kết nối với kết nối nước ngọt bởi các kỹ thuật viên có trình độ.

Ngắt kết nối thiết bị làm lạnh khỏi nguồn điện trước khi kết nối nó với nguồn cung cấp nước.  
Đóng vòi trước khi kết nối thiết bị làm lạnh đến nguồn cung cấp nước.

Nguy cơ gây hại cho sức khỏe và nguy cơ gây tổn hại do nước bị ô nhiễm.  
Chất lượng nước đầu vào phải tuân thủ các yêu cầu cho nước uống ở đất nước nơi thiết bị làm lạnh đang được đã sử dụng.  
Kết nối thiết bị làm lạnh đến nguồn cung cấp nước uống.

Kết nối với nguồn cung cấp nước phải tuân thủ các quy định hiện hành tại quốc gia nơi thiết bị được lắp đặt. Tất cả các thiết bị và hệ thống được sử dụng để cung cấp nước cho thiết bị làm lạnh cũng phải tuân thủ các quy định hiện hành của quốc gia tương ứng.

Thiết bị này chỉ phù hợp với kết nối với đường nước lạnh, cái mà

- được kết nối trực tiếp với nước cung cấp để đảm bảo rằng nước được lưu thông trong đường nước lạnh.

Tránh kết nối với nguồn cung cấp nước nơi nước có thể bị ứ đọng.  
Điều này có thể ảnh hưởng đến hương vị của nước và viên đá.

- chịu được áp suất vận hành.
- đáp ứng các quy định về vệ sinh.

Áp suất nước phải nằm trong khoảng 29 và 116 psi (2 và 8 bar).

Phải lắp van ngắt giữa đường ống nước và nguồn cung cấp nước của tòa nhà để đảm bảo rằng

có thể cắt nguồn cung cấp nước nếu cần thiết.

Hãy chắc chắn rằng van ngắt đã được vẫn có thể truy cập sau khi thiết bị đã được cài đặt.

### Nguy cơ hư hỏng!

Nếu lượng nước nạp vào bị chặn trong khi Máy làm đá vẫn đang được sử dụng, nước ống hút có thể bị đóng băng.  
Tắt máy làm đá nếu nguồn nước vào bị gián đoạn (ví dụ khi đang đi nghỉ).

## Cài đặt

Áp suất nước quá cao trong hệ thống có thể gây ra thiệt hại cho thiết bị.

Lắp đặt van giảm áp nếu áp suất nước trong hệ thống vượt quá 116 psi (8 bar).

Không lắp đặt hệ thống nếu nước áp suất vượt quá 120 psi (8,3 bar).

Liên hệ với chuyên gia sửa ống nước của bạn nếu bạn không chắc chắn về áp suất nước của bạn  
Chắc chắn.

Lắp đặt ống nước vào ứng dụng  
anne

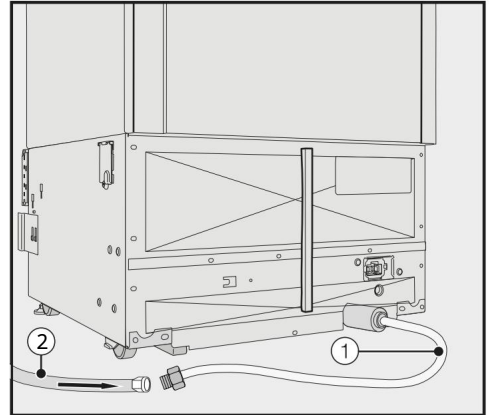
Một vòi nước phải được cung cấp giữa ống nước và kết nối đường ống nước để đảm bảo có thể cắt nguồn cung cấp nước nếu cần thiết.

Đảm bảo rằng vòi nước vẫn có thể tiếp cận được sau khi thiết bị đã được đã cài đặt.

Đến thời điểm này, hốc lắp đặt nên đã được chuẩn bị như vậy rằng thiết bị chỉ cần được đẩy vào đó.

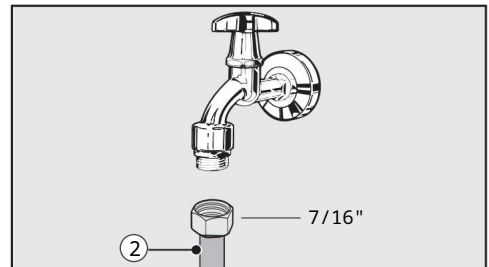
Khi lắp ống nước, hãy thực hiện đảm bảo rằng nó không bị gấp khúc hay hư hỏng.

Đặt thiết bị hơi chếch về phía trước của hốc lắp đặt để vẫn có thể sử dụng vòi nước.



Kết nối nước của thiết bị làm lạnh đã sẵn sàng để kết nối ở phía sau thiết bị.

Lắp ống nước vào kết nối nước ở phía sau thiết bị. Đảm bảo rằng nó được vặn chặt vào đúng vị trí và không thấm nước.



Kết nối ống nước với vòi nước.

Đảm bảo rằng nó được vặn chặt vào chức vụ.

Từ từ mở vòi nước cung cấp đường ống và kiểm tra toàn bộ hệ thống nước xem có rò rỉ không.

Thiết bị hiện có thể được cài đặt trong hốc (xem "Lắp đặt thiết bị").

## Kết nối điện

### Nguy cơ bị điện giật!

Thiết bị chỉ được chuyển đổi khi sản phẩm đã được lắp đặt theo đúng hướng dẫn lắp đặt.

Nối đất thiết bị.

Thiết bị không được nối đất

qua đường ống dẫn khí.

Nếu nghi ngờ, hãy có người có trình độ phù hợp và kiểm tra thợ điện có kinh nghiệm rằng việc lắp đặt tuân thủ các quy định có liên quan.

Không lắp cầu chì vào mạch điện trung tính hoặc mạch điện nối đất.

Không sử dụng dây nối dài hoặc bộ chuyển

đổi không có nối đất (hai chấu).

Không sử dụng sản phẩm bị sờn hoặc hư hỏng dây nguồn.

### Nguy cơ bị điện giật!

Để bảo vệ chống điện giật, thiết bị này được trang bị một phích cắm không có cực được bảo vệ chống lại cực ngược. Ổ cắm điện phải được lắp đúng cách được nối đất.

Không tháo bỏ phần nối đất tròn chân cắm từ phích cắm.

Chỉ sử dụng bộ chuyển đổi phích cắm có nối đất.

Chờ 1 giờ sau khi cài đặt trước khi

cắm thiết bị vào nguồn điện

cung cấp. Điều này cho phép chất làm mát và dầu máy lạnh lắng xuống theo đúng quy định.

Đảm bảo rằng điện áp của nguồn điện

cung cấp tương ứng với kết nối

điện áp của thiết bị. Nguồn điện 110-120 V, 60 Hz và 10-

16 Amp, được bảo vệ bởi một nguồn điện

công tắc hoặc cầu chì, là cần thiết để hoạt động thiết bị.

Nhà sản xuất khuyến cáo nên vận hành thiết bị

trên một mạch chuyên dụng

để tránh quá tải mạch điện.

Tất cả các luật pháp liên quan về điện, phòng cháy chữa cháy và

phải tuân thủ các quy định xây dựng

khi lắp ổ cắm điện và/

hoặc thiết bị.

Ở một số quốc gia, các thiết bị được yêu cầu

phải được kết nối với nguồn điện

cung cấp thông qua một ON/OFF gắn trên tường công tắc.

Để tránh nguy cơ cháy nổ, điện giật,

hoặc các thương tích khác, thiết bị phải được

được cài đặt và kết nối bởi một cách phù hợp

thợ điện có trình độ theo

tất cả các quy định và tiêu chuẩn địa phương

và quốc gia có liên quan, bao gồm cả phòng cháy chữa cháy.

Ổ cắm không được giấu phía sau thiết bị và phải dễ dàng

có thể tiếp cận để thiết bị có thể được

nhận chóng ngắt kết nối khỏi điện

cung cấp trong trường hợp khẩn cấp.

## Cài đặt

Nếu ổ cắm không còn có thể tiếp cận được sau khi lắp đặt, phải cung cấp thêm phương tiện ngắt kết nối cho tất cả các cực. Phương tiện ngắt kết nối phù hợp bao gồm công tắc có thiết bị ngắt kết nối tất cả các cực với lỗ tiếp xúc ít nhất là 1/8" (3 mm). Chúng có thể là cầu dao, cầu chì và rơle.

Phích cắm và dây nguồn không được tiếp xúc với mặt sau của thiết bị vì rung động có thể gây hư hỏng cho các bộ phận này. Điều này có thể dẫn đến đoản mạch.

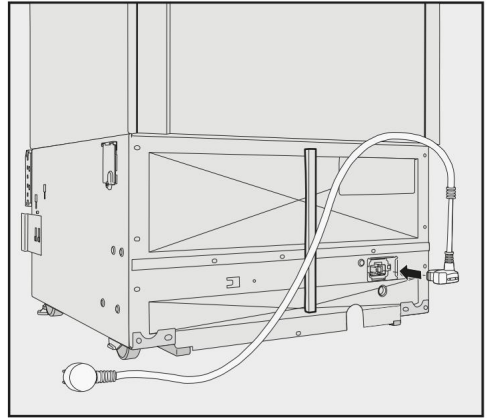
Không cắm các thiết bị khác vào ổ cắm điện phía sau thiết bị này.

Không kết nối thiết bị với bộ biến tần độc lập như loại sử dụng nguồn năng lượng riêng biệt như năng lượng mặt trời.

Khi bật thiết bị, điện áp tăng đột biến có thể dẫn đến việc tắt nguồn an toàn. Điều này có thể làm hỏng thiết bị điện tử. Thiết bị cũng không được sử dụng với các thiết bị được gọi là tiết kiệm năng lượng. Những thiết bị này làm giảm lượng năng lượng cung cấp cho thiết bị, khiến thiết bị quá nóng.

Nếu cần thay dây nguồn, việc này phải được thực hiện bởi một kỹ thuật viên có trình độ.

Kết nối thiết bị



Cắm phích cắm vào mặt sau của thiết bị.

Đảm bảo phích cắm đã được lắp đúng vị trí.

Cắm phích cắm vào ổ điện và bật nguồn.

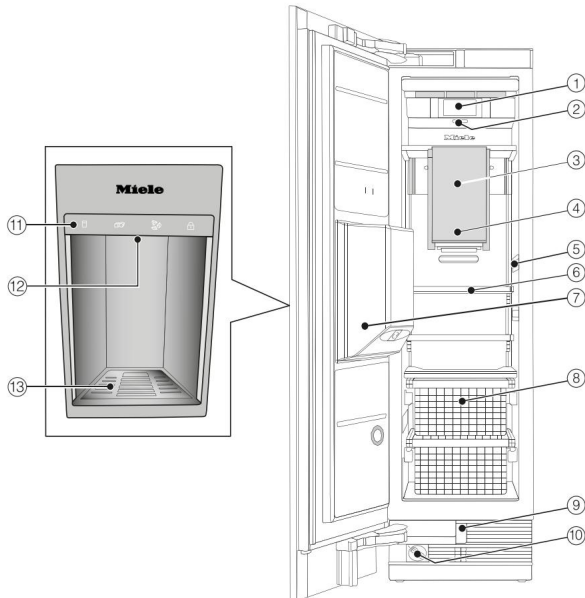
Thiết bị hiện đã được kết nối với nguồn điện.



	Tiêu thụ năng lượng bình thường	Tăng mức tiêu thụ năng lượng
Cài đặt / BẢO TRÌ	Trong một căn phòng thông gió tốt.	Trong một căn phòng kín, thông gió kém.
	Tránh ánh nắng trực tiếp.	Dưới ánh sáng mặt trời trực tiếp.
	Tránh xa các nguồn nhiệt (lò sưởi, bếp/lò nướng).	Gần nguồn nhiệt (bộ tản nhiệt, lò vi sóng).
	Nhiệt độ phòng lý tưởng là khoảng 68°F (20°C).	Nơi phòng xung quanh nhiệt độ trên 77°F (25°C).
	Các lỗ thông gió không được che phủ và được phủi bụi thường xuyên.	Nơi các lỗ thông gió bị chặn và đầy bụi.
Cài đặt nhiệt độ	0°F (-18°C) trong tủ đông	Nhiệt độ càng thấp đặt cho tủ đông, cao hơn mức tiêu thụ năng lượng.

## Tiết kiệm năng lượng

	Tiêu thụ năng lượng bình thường	Tăng mức tiêu thụ năng lượng
Sử dụng	Các ngăn kéo và kệ được sắp xếp theo đúng vị trí khi thiết bị được giao đến.	
	Chỉ mở cửa khi cần thiết và trong thời gian ngắn nhất có thể. Bảo quản thực phẩm theo cách có tổ chức.	Việc mở cửa thường xuyên trong thời gian dài sẽ làm mất đi độ lạnh. Thiết bị sẽ cố gắng làm mát và máy nén sẽ chạy trong thời gian dài hơn.
	Khi đi mua sắm, hãy sử dụng túi giữ nhiệt và cho thực phẩm vào tủ lạnh càng sớm càng tốt.  Đề thức ăn và đồ uống nóng nguội trước khi cho vào thiết bị.	Thức ăn nóng hoặc thức ăn ở nhiệt độ phòng làm tăng nhiệt độ bên trong thiết bị. Thiết bị sẽ cố gắng làm mát và máy nén sẽ chạy trong thời gian dài hơn.
	Bảo quản thực phẩm được đóng gói cẩn thận.	Sự bốc hơi hoặc ngưng tụ Sự tích tụ chất lỏng trong Ngăn đông sẽ làm mất độ lạnh.
	Không nên cho quá nhiều đồ vào thiết bị để không khí có thể lưu thông.	Lưu thông không khí kém sẽ làm mất đi độ lạnh.



a Màn hình

b Công tắc Bật/

Tắt c Máy làm

đá d Hộp đựng đá viên

e Đèn chiếu sáng

nội thất f Kệ

g Máy làm đá/nước ("Máy làm đá/nước") trong cửa h Giỏ đựng đồ  
đông lạnh

i Cửa mở tự động (Đẩy mở/Kéo mở) j Bộ lọc nước k Bảng  
điều khiển cho

máy làm đá/nước l Vòi lấy đá/nước m Khay

hứng nước có lưới chắn khay

hứng nước

## Hướng dẫn sử dụng thiết bị

---

### Màn hình chính



màn hình SuperFrost

(chỉ hiển thị khi chức năng SuperFrost được bật)

b Hiển thị nhiệt độ (nhiệt độ mục tiêu) c

Điều khiển cảm biến

để cài đặt nhiệt độ d

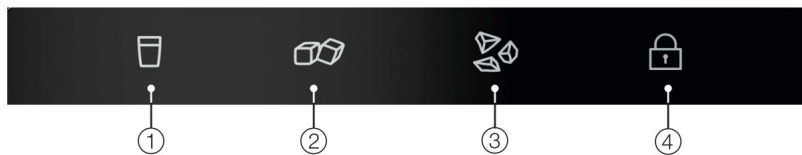
Hiển thị trạng thái kết nối Miele@home (chỉ

hiển thị khi chức năng Miele@home đã được thiết lập) e Điều

khiển cảm biến chế độ cài đặt để

điều chỉnh các cài đặt khác nhau ở chế độ Cài đặt

Bảng điều khiển cho máy làm đá/nước



a Cảm biến điều khiển nước lạnh

b Kiểm soát cảm biến cho viên đá

c Kiểm soát cảm biến cho đá nghiền




d Bật/tắt khóa hệ thống  
(xem "Máy làm đá/nước" -  
"Khóa hệ thống")

## Hướng dẫn sử dụng thiết bị

---

### Chế độ cài đặt

Ở chế độ Cài đặt, bạn có thể chọn các chức năng thiết bị sau và thay đổi chúng cài đặt ở một mức độ nào đó:

Biểu	Chức năng
tượng	Bộ
Ngôn ngữ	Điều chỉnh (tối hơn đến sáng hơn)
Độ sáng màn hình	Đặt (tối hoặc sáng)
 Bảng màu	Điều chỉnh âm lượng hoặc tắt âm báo hoàn toàn (ví dụ, đối với báo động cửa)
/ Âm thanh còi báo động	Điều chỉnh âm lượng hoặc tắt Âm báo bàn phím hoàn toàn
 /  Âm thanh bàn phím	Đặt (°Fahrenheit hoặc °Celsius)
°F / °C Đơn vị nhiệt độ	Bật hoặc tắt (xem "Chọn cài đặt bổ sung")
Khóa bàn phím	Bật hoặc tắt (xem "Chọn cài đặt bổ sung")
Chế độ Eco	Hệ thống khởi động lại và được kiểm tra lỗi hoặc trực trực (xem "Chọn cài đặt bổ sung")
Tự kiểm tra	Bật (Push2Open hoặc Pull2Open) hoặc tắt (xem "Chọn cài đặt bổ sung")
Trợ lý cửa	Thiết lập, hủy kích hoạt hoặc truy vấn trạng thái kết nối WiFi (xem "Chọn cài đặt bổ sung")
Mật ong@nhà	Tắt * (chỉ hiển thị khi Chế độ Demo được bật ) xem "Chọn cài đặt bổ sung")
* Chế độ demo	Đặt lại về cài đặt mặc định (xem "Chọn cài đặt bổ sung")
Mặc định của nhà máy	

Đèn chiếu sáng máy phân phối	Chọn cài đặt ánh sáng cho máy làm đá/nước  (xem “Chọn cài đặt bổ sung”)
Đơn vị phân phối	Bật hoặc tắt máy làm đá/nước (xem phần “Vận hành máy làm đá/nước”)
Chế độ ngày Sa-bát	Bật hoặc tắt (xem “Chọn cài đặt bổ sung”)
Màn hình bộ lọc nước	Bật hoặc tắt hoặc đặt lại (xem “Chọn cài đặt bổ sung”)

### Biểu tượng trong chế độ cài đặt

/	Cuộn trong chế độ cài đặt hoặc chọn một cài đặt
/	Thay đổi cài đặt (ví dụ: độ sáng màn hình)
ĐƯỢC RỒI	Xác nhận cài đặt
	Thoát khỏi cấp độ menu

## Phụ kiện

---

### Phụ kiện được cung cấp

phích cắm thiết bị

Máy lọc nước (Máy lọc than hoạt tính IntensiveClear 2.0)

Bộ lọc than hoạt tính IntensiveClear 2.0 được lắp sẵn trong thiết bị làm lạnh có tác dụng cải thiện mùi vị của đá viên bằng cách loại bỏ clo và các chất khác ra khỏi nguồn nước cấp.

Tuy nhiên, để đảm bảo chất lượng cao nhất của đá viên, điều cần thiết là phải thay bộ lọc nước (bộ lọc than hoạt tính IntensiveClear 2.0) thường xuyên.

### Phụ kiện tùy chọn Một loạt

các phụ kiện và sản phẩm chăm sóc hữu ích của Miele có sẵn cho thiết bị của bạn.

Máy lọc nước (Lưới lọc IntensiveClear 2.0)

Bộ lọc lưới IntensiveClear 2.0 cung cấp nước để làm đá viên.

Nếu sử dụng bộ lọc nước ngoài để kết nối với nguồn nước sinh hoạt gia đình, bạn có thể sử dụng bộ lọc lưới IntensiveClear 2.0 thay cho bộ lọc than IntensiveClear 2.0.

Không giống như bộ lọc than hoạt tính IntensiveClear 2.0, bộ lọc lưới IntensiveClear 2.0 không cần phải thay thế mà chỉ cần vệ sinh.

Máy lọc nước (Máy lọc than hoạt tính IntensiveClear 2.0)

Xem phần "Phụ kiện đi kèm" để biết mô tả chi tiết.

Mặt trước bằng thép không gỉ Mặt

trước bằng thép không gỉ mang lại cho thiết bị làm lạnh của bạn vẻ ngoài chất lượng cao.

Tay cầm và tấm ốp chân cũng có sẵn với kiểu dáng bằng thép không gỉ.

Bộ dụng cụ lắp đặt cạnh nhau Để lắp

đặt hai hoặc nhiều thiết bị làm lạnh cạnh nhau, bạn sẽ cần bộ dụng cụ lắp đặt cạnh nhau (xem "Lắp đặt - Cạnh nhau").

Có thể đặt hàng phụ kiện qua Cửa hàng trực tuyến Miele, trực tiếp từ Miele (xem trang bìa sau để biết thông tin liên hệ) hoặc từ đại lý Miele của bạn.



Trước khi sử dụng lần đầu

Để thiết bị đứng yên trong khoảng 1 giờ trước khi kết nối nó với nguồn cung cấp điện.  
Điều này sẽ giúp ngăn ngừa mọi trục trặc.

Vật liệu đóng gói

Tháo bỏ tất cả vật liệu đóng gói khỏi bên trong của thiết bị.

Phần băng keo còn sót lại.  
Luôn luôn tháo bỏ tất cả các vật liệu đóng gói, bao gồm cả băng dính, trước khi bật thiết bị.

Vệ sinh

Vui lòng tham khảo hướng dẫn có liên quan trong phần "Vệ sinh và bảo quản".

Làm sạch bên trong thiết bị và các phụ kiện.

Chọn Trợ lý cửa phù hợp (Đẩy để mở/Kéo để mở)

Trợ lý cửa giúp bạn mở cửa thiết bị.

Bạn có thể lựa chọn giữa hai Cửa

Trợ lý Push2Open và Pull2Open (xem "Chọn các thiết lập bổ sung -

Bật Trợ lý cửa ").

Trợ lý cửa mặc định là

Đẩy để mở.

Chọn Trợ lý

cửa Pull2Open nếu thiết bị của bạn có mặt tủ có tay nắm.

Chọn Trợ lý

cửa Push2Open nếu thiết bị của bạn có tủ không có tay nắm

đang trước.

Mật ong@nhà

Thiết bị làm lạnh của bạn là được trang bị WiFi tích hợp mô-đun.

Mạng lưới bị vô hiệu hóa tại nhà máy.

Để sử dụng tính năng này, bạn sẽ cần:

- mạng WiFi
- ứng dụng Miele
- tài khoản người dùng Miele Bạn có thể tạo tài khoản người dùng thông qua ứng dụng Miele.

Ứng dụng Miele sẽ hướng dẫn bạn khi bạn kết nối thiết bị làm lạnh của bạn với mạng WiFi tại nhà của bạn.

Sau khi thiết bị làm lạnh được kết nối với mạng WiFi của bạn, bạn có thể sử dụng ứng dụng để thực hiện các thao tác sau các hoạt động, ví dụ:

## Trước khi sử dụng lần đầu

---

- Gọi điện để biết thông tin về tình trạng hoạt động của thiết bị làm lạnh.
- Thay đổi cài đặt trên thiết bị làm lạnh của bạn.

Việc kết nối thiết bị làm lạnh với mạng WiFi sẽ làm tăng mức tiêu thụ năng lượng, ngay cả khi thiết bị đã tắt.

Đảm bảo tín hiệu mạng WiFi đủ mạnh ở nơi bạn muốn lắp đặt thiết bị làm lạnh.



### Tính khả dụng của kết nối WiFi Kết nối WiFi

chỉa sẽ dài tần số với các thiết bị khác (bao gồm lò vi sóng và đồ chơi điều khiển từ xa). Điều này có thể gây ra lỗi kết nối không thường xuyên hoặc thậm chí là lỗi kết nối hoàn toàn. Do đó, tính khả dụng của các chức năng nổi bật không thể được đảm bảo.

### Tính khả dụng của Miele@home Khả

năng sử dụng ứng dụng Miele phụ thuộc vào tính khả dụng của dịch vụ Miele@home tại quốc gia của bạn.

Dịch vụ Miele@home không khả dụng ở mọi quốc gia.

Để biết thông tin về tình trạng còn hàng, vui lòng truy cập [www.miele.com](http://www.miele.com).

### Ứng dụng Miele

Bạn có thể tải xuống miễn phí ứng dụng Miele từ Apple App Store® hoặc từ Google Play Store™.

## Vận hành thiết bị làm lạnh

Màn hình cảm ứng có thể bị trầy xước do các vật nhọn hoặc sắc nhọn như bút.

Chỉ chạm vào màn hình bằng ngón tay của bạn.

Nếu ngón tay bạn lạnh, màn hình cảm ứng có thể không phản ứng.



0 °F

Các nút điều khiển cảm biến bên dưới màn hình hiển thị nhiệt độ có thể được chọn trực tiếp bằng cách chạm; các ký hiệu và văn bản trong hoặc phía trên màn hình hiển thị nhiệt độ chỉ có thể được hiển thị.

### Chế độ cài đặt

Ở chế độ Cài đặt, bạn có thể chọn các chức năng thiết bị làm lạnh khác nhau và thay đổi cài đặt của chúng ở một mức độ nào đó (xem "Chọn cài đặt bổ sung").

Chạm vào nút điều khiển cảm biến để mở chế độ Cài đặt.

Sử dụng các điều khiển cảm biến và để chọn chức năng mà bạn muốn điều chỉnh cài đặt.

Xác nhận lựa chọn của bạn bằng OK.

Điều chỉnh cài đặt bằng cách sử dụng nút điều khiển cảm biến và hoặc nút điều khiển cảm biến và .

Xác nhận lựa chọn của bạn bằng OK.

Cài đặt có nền màu luôn là cài đặt được chọn; có thể xác nhận trực tiếp bằng cách nhấn OK.

Chạm vào điều khiển cảm biến nếu bạn muốn chuyển về cấp menu trước đó hoặc chấm dứt quá trình.

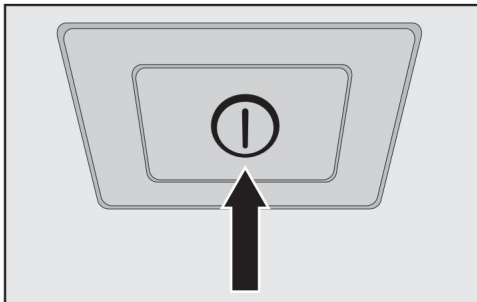
Mỗi lần chạm vào màn hình đều được xác nhận bằng âm thanh bàn phím.

Bạn có thể tắt âm bàn phím này ở chế độ Cài đặt .

Khởi động lần đầu tiên Mở cửa thiết

bị.

## Trước khi sử dụng lần đầu



Bật thiết bị làm lạnh bằng cách nhấn công tắc Bật/Tắt.

Công tắc Bật/Tắt nằm bên dưới màn hình.

Thiết bị làm lạnh sẽ bắt đầu làm mát và đèn bên trong sẽ bật sáng khi cửa thiết bị được mở.

Miele sẽ xuất hiện trên màn hình thiết bị làm lạnh.

Khi bạn bật thiết bị lần đầu tiên, bạn sẽ được yêu cầu cấu hình các cài đặt sau:

- Thiết lập Ngôn ngữ  
(nếu bạn vô tình chọn sai  
Ngôn ngữ, quay lại chế độ Cài đặt  
và sử dụng biểu tượng để thay đổi  
ngôn ngữ)
- Cài đặt Đơn vị nhiệt độ: °C  
(độ C) hoặc °F (độ  
Fahrenheit)
- Thiết lập Miele@home:  
  
Chọn Tiếp tục nếu bạn muốn thiết lập Miele@home ngay bây giờ. Sau đó, bạn sẽ được hướng dẫn bằng màn hình và ứng dụng Miele.

Ngay sau khi thiết bị làm lạnh của bạn được tích hợp vào mạng WiFi, thông báo Kết nối thành công sẽ hiển thị trên màn hình thiết bị làm lạnh.

Xác nhận quá trình bằng OK một lần nữa.

Nếu kết nối WiFi đang hoạt động, sẽ xuất hiện trên màn hình.

Chọn Bỏ qua nếu bạn muốn thiết lập lên Miele@home sau.

Chạm vào nút điều khiển cảm biến nếu bạn muốn quay lại cấp menu trước đó.

Thiết lập thành công sẽ xuất hiện trên màn hình.

Xác nhận khởi động ban đầu bằng OK.

Màn hình chính sẽ xuất hiện trên màn hình hiển thị (xem "Mô tả thiết bị - Màn hình chính").

Bạn không thể chấm dứt quá trình khởi động ban đầu. Cách duy nhất để chấm dứt quá trình là tắt thiết bị làm lạnh, mặc dù quá trình sẽ tiếp tục khi thiết bị được bật lại.

## Bật và tắt

Bật thiết bị Mở cửa thiết bị.

Bật thiết bị làm lạnh bằng

cách nhấn công tắc Bật/Tắt.

Thiết bị làm lạnh sẽ bắt đầu làm mát và đèn bên trong sẽ bật sáng khi cửa thiết bị được mở.

Miele sẽ xuất hiện, tiếp theo là màn hình chính trên màn hình hiển thị thiết bị làm lạnh:



0 °F

Thông báo Nhiệt độ tủ đông quá cao. Nhiệt độ tối đa °C sẽ xuất hiện trên màn hình khi thiết bị được bật lần đầu tiên hoặc cho đến khi đạt đến nhiệt độ đã chọn trong ngăn đông.

Một tiếng chuông báo thức vang lên.

Xác nhận tin nhắn bằng OK.

Tin nhắn biến mất khỏi màn hình và âm báo thức cũng dừng lại.

Tuy nhiên, thông báo có thể xuất hiện lại trên màn hình sau một thời gian ngắn.

Ngay khi đạt đến nhiệt độ đã chọn trong ngăn đông, thông báo sẽ biến mất hoàn toàn khỏi màn hình và âm báo sẽ dừng lại.

Để nhiệt độ bên trong thiết bị làm lạnh đủ lạnh, hãy để thiết bị chạy trong vài giờ trước khi cho thực phẩm vào. Không cho thực phẩm vào ngăn đông cho đến khi đạt được độ lạnh cần thiết (ít nhất 0°F/-18°C).

Nguy cơ hư hỏng do độ ẩm cao.

Trong môi trường có độ ẩm cao, hơi nước ngưng tụ có thể tích tụ trên các tấm làm lạnh bên ngoài.

Sự ngưng tụ này có thể gây ra hiện tượng ăn mòn và làm hỏng các tấm thiết bị bên ngoài.

Lắp đặt thiết bị làm lạnh ở nơi khô ráo và/hoặc có máy lạnh và thông gió đầy đủ.

Không nên bật thiết bị làm lạnh nếu bạn phải đi xa trong thời gian dài.

Không để thiết bị làm lạnh không có người trông coi trong thời gian dài khi đang bật.

Tắt thiết bị Tắt thiết bị làm lạnh bằng cách nhấn công tắc Bật/Tắt.

Hệ thống làm mát và chiếu sáng bên trong đã được tắt.

Xin lưu ý: thiết bị làm lạnh không bị ngắt khỏi nguồn điện khi tắt bằng công tắc Bật/Tắt.

# Bật và tắt

---

Tắt trong thời gian dài hơn

Nếu thiết bị không được sử dụng trong thời gian dài:

Tắt thiết bị.

Rút phích cắm của thiết bị hoặc tắt cầu dao.

Nguy cơ hư hỏng do đường ống dẫn nước bị đóng băng.  
Nếu đường ống dẫn nước bị chặn trong khi máy làm đá vẫn đang hoạt động, đường ống dẫn nước có thể bị đóng băng.  
Tắt máy làm đá nếu nguồn cung cấp nước bị gián đoạn (ví dụ khi đang đi nghỉ).

Đóng vòi nước cung cấp  
(khoảng 3 giờ trước khi tắt thiết bị để tránh vi khuẩn tích tụ do nước đọng).

Đổ hết đá trong hộp đựng.

Vệ sinh thiết bị làm lạnh.

Thay bộ lọc nước (Chuyên sâu-  
(Lọc than hoạt tính 2.0) hoặc vệ sinh bộ lọc nước (Bộ lọc lưới IntensiveClear 2.0).

Đề hé cửa tủ lạnh để không khí lưu thông và tránh mùi hôi tích tụ bên trong tủ.

Nếu trong thời gian dài vắng nhà, thiết bị làm lạnh bị tắt nhưng không được vệ sinh và cửa vẫn đóng, sẽ có nguy cơ vi khuẩn tích tụ bên trong thiết bị.

Việc vệ sinh thiết bị làm lạnh là điều cần thiết.

## Chọn các thiết lập bổ sung

Ở chế độ cài đặt , bạn có thể điều chỉnh một số cài đặt và chọn chức năng, cho phép bạn điều chỉnh máy sao cho phù hợp với yêu cầu của mình.

Phần sau đây chỉ mô tả các chức năng trong chế độ cài đặt cần giải thích thêm.

Chuông báo cửa và các cảnh báo khác sẽ tự động bị vô hiệu hóa khi thiết bị ở chế độ cài đặt .

### Bật hoặc tắt Khóa bàn phím /

Bật Khóa bàn phím nếu bạn muốn bảo vệ thiết bị làm lạnh của mình khỏi những thay đổi nhiệt độ không mong muốn hoặc các điều chỉnh vô ý khác ở chế độ Cài đặt . Ở chế độ Cài đặt , sử dụng nút điều khiển cảm

biến và để chọn Khóa bàn phím và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng nút điều khiển cảm biến và để Bật hoặc Tắt khóa cảm biến và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Khóa bàn phím sẽ không được kích hoạt cho đến khi bạn đóng cửa thiết bị.

Sẽ không có gì xuất hiện trên màn hình để chỉ ra rằng khóa bàn phím đã được chuyển đổi TRÊN.

Thông báo Nhấn OK trong 6 giây để mở khóa sẽ hiển thị trên màn hình nếu bạn chọn điều khiển cảm biến trong khi khóa cảm biến đang bật.

Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Màn hình sẽ được mở khóa trong thời gian ngắn để bạn có thể điều chỉnh cài đặt theo nhu cầu. Đóng cửa thiết bị sẽ kích hoạt lại khóa cảm biến.

## Chọn các thiết lập bổ sung

### Bật hoặc tắt Chế độ Eco

Chế độ Eco hữu ích khi đi nghỉ, ví dụ, nếu bạn không muốn tắt hoàn toàn thiết bị hoặc không cần mức độ làm mát cao.

Mức tiêu thụ năng lượng ở chế độ Eco thấp hơn so với chế độ hoạt động bình thường.

Khu vực đông lạnh được điều chỉnh ở nhiệt độ 3°F (-16°C).

Nếu chức năng SuperFrost được bật, chức năng này sẽ tắt khi Chế độ Eco được chọn.

Ở chế độ Cài đặt, sử dụng nút điều khiển cảm biến và để chọn Chế độ tiết kiệm và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng các điều khiển cảm biến và để Bật hoặc Tắt Chế độ tiết kiệm và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Chỉ có nhiệt độ thay đổi trên màn hình mới cho biết Chế độ Eco đã được bật.

Mẹo: Bạn cũng có thể tắt chức năng Chế độ tiết kiệm bằng cách trực tiếp điều chỉnh nhiệt độ (xem "Nhiệt độ chính xác - Cài đặt nhiệt độ").

Rủi ro sức khỏe do thực phẩm phân hủy.

Tính khả dụng và chất lượng của thực phẩm có thể giảm sút nếu nhiệt độ duy trì trên 0°F (-18°C) trong thời gian dài.

Chỉ bật chức năng Chế độ Eco trong một khoảng thời gian giới hạn.

Khi chuyển sang chế độ Eco, hãy kiểm tra xem thực phẩm trong ngăn đông đã được đông lạnh đúng cách chưa.

Không đông lạnh bất kỳ thực phẩm mới nào khi chức năng Chế độ Eco đang được bật TRÊN.



## Chọn các thiết lập bổ sung

---

Thực hiện Tự kiểm tra    Thực hiện Tự

Kiểm tra nếu bạn lo ngại rằng thiết bị làm lạnh của mình không hoạt động bình thường và muốn kiểm tra xem nó có gặp vấn đề gì không. Ở chế độ Cài đặt, sử dụng nút điều khiển cảm biến

và để chọn Tự kiểm tra và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Kiểm tra tự động hoàn tất sẽ hiển thị trên màn hình.

Xác nhận tin nhắn bằng OK.

Màn hình chính lại xuất hiện trên màn hình hiển thị.

Chạm vào bộ điều khiển cảm biến nếu bạn muốn chấm dứt quá trình.

Quá trình tự kiểm tra sẽ bắt đầu và thiết bị sẽ được kiểm tra xem có lỗi hoặc trục trặc nào không.

- Thông báo Khởi động lại hệ thống sẽ xuất hiện trên màn hình nếu Tự kiểm tra không phát hiện ra bất kỳ lỗi hoặc trục trặc nào.
- Nếu Bài kiểm tra bản thân phát hiện ra bất kỳ lỗi hoặc trục trặc, chúng sẽ được chỉ ra dưới dạng thông báo lỗi trên màn hình.

Một tiếng báo động cũng sẽ vang lên.

Nếu bạn thấy báo thức gây gián đoạn, bạn có thể tắt trước bằng cách chạm vào nút điều khiển cảm biến.

Ghi lại các thông báo lỗi được hiển thị.

Liên hệ với Dịch vụ Miele và thông báo của các thông báo lỗi trên màn hình.

Xác nhận tin nhắn bằng OK.

Màn hình sẽ hiển thị thông báo khởi động lại hệ thống.

Thiết bị làm lạnh sẽ tắt trong thời gian ngắn rồi tự động bật lại.

## Chọn các thiết lập bổ sung

### Bật trợ lý cửa

Bạn có thể lựa chọn giữa hai trợ lý cửa Push2Open và Pull2Open.

Trợ lý cửa mặc định là Push2Open.

Trợ lý cửa Push2Open phù hợp với mặt tủ không có tay nắm.

Cửa sẽ tự động mở khi bạn ấn nhẹ vào cửa.

Pull2Open Door Assistant phù hợp với mặt trước tủ có tay nắm. Cửa tủ có thể mở dễ dàng chỉ với một lực nhỏ.

#### Nguy cơ hư hỏng nếu cửa thiết bị đóng quá sớm.

Khi bật chức năng Hỗ trợ cửa, việc đóng cửa thiết bị sớm nhiều lần có thể dẫn đến hư hỏng hoặc trục trặc.

Không giữ hoặc đóng cửa thiết bị khi cửa tự động mở vẫn còn mở. Nếu bạn thực sự đã đóng cửa thiết bị, hãy để cửa đóng trong 5 phút.

Cửa mở tự động sẽ tự thiết lập lại.

Bật Push2Open ở chế độ Cài đặt

, sử dụng nút điều khiển cảm biến và để chọn Trợ lý cửa và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng các điều khiển cảm biến và để chọn Chế độ và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng các nút điều khiển cảm biến và để chọn Push2Open và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Chạm vào điều khiển cảm biến để trở về cấp menu trước đó.

- Điều chỉnh cường độ Bạn cũng có

thể điều chỉnh cường độ của chức năng Push2Open. Cường độ cài đặt càng thấp thì lực cần thiết khi bạn đẩy vào cửa thiết bị càng ít. Ở chế độ Cài đặt, sử dụng các nút điều khiển cảm biến và để chọn Door As-sistant và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Ở chế độ Cài đặt, sử dụng các nút điều khiển cảm biến và để chọn Cường độ và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng các điều khiển cảm biến và để chọn cường độ phù hợp (Thấp, Trung bình, Cao) và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

## Chọn các thiết lập bổ sung

---

- Điều chỉnh thời gian tự động  
Đóng chức năng

Bạn cũng có thể điều chỉnh thời gian cửa thiết bị sẽ mở cho đến khi tự động đóng lại. Ở chế độ Cài đặt , sử dụng nút điều khiển cảm biến

và để chọn Tự lý cửa và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Ở chế độ Cài đặt , sử dụng và Cảm biến điều khiển để chọn Tự động đóng và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng nút điều khiển cảm biến và để chọn thời lượng (5 đến 30 giây) và chạm vào OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Để bảo vệ chống lại việc mở cửa vô tình: nếu bạn không kéo cửa thiết bị để mở, cửa sẽ tự động đóng lại sau một khoảng thời gian do bạn thiết lập.

Bật Pull2Open Ở chế độ Cài đặt

, sử dụng nút điều khiển cảm biến và để chọn Tự lý cửa và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng các điều khiển cảm biến và để chọn Chế độ và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng các nút điều khiển cảm biến và để chọn Pull2Open và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Chạm vào điều khiển cảm biến để trở về cấp menu trước đó.

- Điều chỉnh cường độ Bạn cũng có

thể điều chỉnh cường độ của chức năng Pull2Open .

Cường độ cài đặt càng thấp thì lực cần thiết khi bạn kéo cửa thiết bị càng ít. Ở chế độ Cài đặt , sử dụng các nút điều khiển

cảm biến và để chọn Door As-sistant và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Ở chế độ Cài đặt , sử dụng các nút điều khiển cảm biến và để chọn Cường độ và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng các điều khiển cảm biến và để chọn cường độ phù hợp (Thấp, Trung bình, Cao) và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

## Chọn các thiết lập bổ sung

---

Tắt Trợ lý cửa ở chế độ Cài đặt, sử dụng nút điều

khiển cảm biến và để chọn Trợ lý cửa và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng các điều khiển cảm biến và để chọn Chế độ và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng các nút điều khiển cảm biến và để chọn Tắt và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Chạm vào điều khiển cảm biến để trở về cấp menu trước đó.

### Mật ong@nhà

Thiết lập Miele@home Thông báo

Thiết lập Miele@home chỉ xuất hiện nếu thiết bị làm lạnh chưa được kết nối với mạng WiFi.

Kết nối thiết bị làm lạnh của bạn như mô tả trong phần "Trước khi sử dụng lần đầu".

Tắt Miele@home ở chế độ Cài đặt

, sử dụng nút điều khiển cảm biến và để chọn Miele@home và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng các nút điều khiển cảm biến và để chọn Hủy kích hoạt và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Màn hình sẽ hiển thị thông báo hủy kích hoạt thành công.

Xác nhận tin nhắn bằng OK.

Thiết bị làm lạnh của bạn hiện đã được ngắt kết nối khỏi mạng WLAN.

Biểu tượng sẽ tắt trên màn hình.

## Chọn các thiết lập bổ sung

Kích hoạt Miele@home

Nếu bạn đã kích hoạt Miele@home rồi ngắt kết nối, bạn sẽ cần phải kích hoạt lại kết nối.

Ở chế độ Cài đặt, sử dụng nút điều khiển cảm biến và để chọn Miele@home và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng các nút điều khiển cảm biến và để chọn Kích hoạt và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Kích hoạt thành công sẽ hiển thị trên màn hình.

Xác nhận tin nhắn bằng OK.

Nếu kết nối WLAN đang hoạt động, sẽ xuất hiện trên màn hình.

Kiểm tra trạng thái kết nối WLAN

Ở chế độ Cài đặt, sử dụng nút điều khiển cảm biến và để chọn Miele@home và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng các điều khiển cảm biến và để Chọn Trạng thái kết nối và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sau đó, thông tin về trạng thái kết nối WLAN sẽ hiển thị trên màn hình:

- kết nối: có sự kết nối mạnh mẽ
- kết nối: có một trung bình sự liên quan
- kết nối: có một kết nối yếu
- đã ngắt kết nối

Thiết lập lại Miele@home Nếu bạn đã thay

đổi mạng WiFi, bạn có thể thiết lập lại Miele@home cho thiết bị của mình. Ở chế độ Cài đặt, sử dụng nút điều khiển cảm

biến và để chọn Miele@home và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng các nút điều khiển cảm biến và để chọn Thiết lập một lần nữa và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Thiết lập lại cấu hình? sẽ xuất hiện trên màn hình.

Sử dụng các nút điều khiển cảm biến và để chọn Có hoặc Không và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Đặt lại cấu hình mạng

Đặt lại cài đặt của thiết bị làm lạnh về cài đặt mặc định khi vứt bỏ thiết bị làm lạnh, bán hoặc đưa thiết bị làm lạnh đã qua sử dụng vào hoạt động. Thao tác này sẽ đặt lại cấu hình mạng để xóa mọi dữ liệu cá nhân khỏi thiết bị làm lạnh. Thao tác này cũng đảm bảo rằng chủ sở hữu trước không còn có thể truy cập vào thiết bị làm lạnh nữa.

Đặt lại cài đặt của thiết bị làm lạnh như mô tả trong phần "Đặt lại cài đặt về cài đặt mặc định".

## Chọn các thiết lập bổ sung

---

### Tắt chế độ Demo

Chế độ demo cho phép thiết bị được trình bày trong phòng trưng bày mà không cần bật hệ thống làm mát. Không kích hoạt cài đặt này để sử dụng trong gia đình.

Nếu chế độ Demo đã được bật theo thiết lập mặc định, sẽ hiển thị trên màn hình.

Ở chế độ Cài đặt, sử dụng nút điều khiển cảm biến và để chọn Chế độ demo và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Nhấn OK trong 4 giây để hủy kích hoạt, màn hình sẽ hiển thị.

Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Chế độ Demo đếm ngược sẽ tắt sau vài giây, hiển thị trên màn hình.

Chế độ Demo đã bị vô hiệu hóa. Thiết bị sẽ nguội lại, sẽ xuất hiện trên màn hình.

Xác nhận tin nhắn bằng OK.

Màn hình chính lại xuất hiện trên màn hình hiển thị.

## Chọn các thiết lập bổ sung

---

### Đặt lại cài đặt về cài đặt mặc định

Bạn có thể khôi phục cài đặt của thiết bị làm lạnh về cài đặt mặc định.

Đặt lại cài đặt của thiết bị làm lạnh về cài đặt mặc định khi vứt bỏ thiết bị làm lạnh, bán hoặc đưa thiết bị làm lạnh đã qua sử dụng vào hoạt động. Thao tác này sẽ đặt lại cấu hình mạng để xóa mọi dữ liệu cá nhân khỏi thiết bị làm lạnh. Thao tác này cũng đảm bảo rằng chủ sở hữu trước không còn có thể truy cập vào thiết bị làm lạnh nữa.

Ở chế độ Cài đặt , sử dụng các nút điều khiển cảm biến và để chọn Mặc định gốc và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng các nút điều khiển cảm biến và để chọn Đặt lại và chọn OK để xác nhận lựa chọn.

Sau một thời gian ngắn, thông báo Đặt lại cài đặt sẽ xuất hiện trên màn hình.

Xác nhận tin nhắn bằng OK.

Quá trình vận hành ban đầu sẽ khởi động lại (xem “Trước khi sử dụng lần đầu - Khởi động lần đầu tiên”).

## Chọn các thiết lập bổ sung

---

Cài đặt của thiết bị làm lạnh sẽ được thiết lập lại theo các giá trị sau:

Chức năng

Cài đặt mặc định

Ngôn ngữ	Tiếng Anh
Độ sáng màn hình	Giá trị trung bình (4 trong 7 phân đoạn)
 Bảng màu	Tối tăm
/ Âm thanh còi báo động	Giá trị trung bình (4 trong 7 phân đoạn)
 /  Âm thanh bàn phím	Giá trị trung bình (4 trong 7 phân đoạn)
°F / °C	°Fahrenheit
độ / Khóa bàn	Đã tắt
phím	Đã tắt
	Đẩy để mở
	Đã tắt
	Tự động
	Đã bật
	Đã tắt
	Đã bật
	0°F (-18°C)



## Chọn các thiết lập bổ sung

### Chọn cài đặt để tắt sáng máy làm đá/nước

Ở chế độ Cài đặt, bạn có thể chọn cài đặt để bật đèn cho máy làm đá/nước:

Đèn chiếu sáng cho máy làm đá/nước tự động bật  
Đèn chiếu sáng sẽ tự động bật khi có

vật chứa được đặt bên dưới máy làm đá/nước. Ở chế độ Cài đặt, sử dụng nút điều khiển cảm biến và để chọn đèn chiếu

sáng máy làm đá và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng các điều khiển cảm biến và để chọn Chế độ và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng các nút điều khiển cảm biến và để chọn Tự động và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Chạm vào điều khiển cảm biến để quay lại đến màn hình chính.

Đèn chiếu sáng cho máy làm đá/nước bật thủ công  
Đèn được bật bằng cách

nhấn nút trên bảng điều khiển của máy làm đá/nước. Ở chế độ Cài đặt, sử dụng nút điều khiển cảm biến và để chọn

đèn chiếu sáng máy làm đá và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng các điều khiển cảm biến và để chọn Chế độ và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng các nút điều khiển cảm biến và để chọn Thủ công và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Chạm vào điều khiển cảm biến để quay lại đến màn hình chính.

Đèn chiếu sáng cho máy làm đá/nước tắt sau một thời gian nhất định

Đèn báo hiệu ngăn đựng đá/nước sẽ tắt sau một khoảng thời gian đã cài đặt (0-30 giây). Ở chế độ

Cài đặt, sử dụng nút điều khiển cảm biến và để chọn đèn báo hiệu ngăn đựng đá và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng các nút điều khiển cảm biến và để chọn Tự động tắt và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Đặt thời gian bạn muốn bằng và điều khiển cảm biến. Giữ ngón tay trên điều khiển cảm biến sẽ thay đổi thời gian liên tục.

Xác nhận lựa chọn của bạn bằng OK.

Chạm vào điều khiển cảm biến để quay lại đến màn hình chính.

## Chọn các thiết lập bổ sung

---

Tắt đèn máy làm đá/nước

Đèn báo hiệu máy làm đá/nước đã tắt hoàn toàn.

Ở chế độ Cài đặt , sử dụng

nút điều khiển cảm biến và để chọn đèn báo hiệu máy làm đá và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng các điều khiển cảm biến và để chọn Chế độ và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng nút điều khiển cảm biến và để chọn Tắt và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Chạm vào điều khiển cảm biến để quay lại đến màn hình chính.

## Bật hoặc tắt chế độ Sabbath

Thiết bị làm lạnh có chế độ Sabbath để hỗ trợ việc tuân thủ các phong tục tôn giáo.

Khi Chế độ Sabbath được bật, bạn không thể thực hiện bất kỳ cài đặt nào trên thiết bị làm lạnh của mình.

Đảm bảo cửa thiết bị được đóng đúng cách vì báo động bằng hình ảnh và âm thanh sẽ tắt ở Chế độ Sabbath.

Ở chế độ Cài đặt , sử dụng nút điều khiển cảm biến và để chọn Chế độ Sabbath và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng các điều khiển cảm biến và để chọn Bật hoặc Tắt và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Khi Chế độ Sabbath được bật, sẽ xuất hiện trên màn hình và độ sáng màn hình sẽ giảm xuống (màn hình không thay đổi khi cửa thiết bị đóng).

Khi Chế độ Sabbath được bật, các chức năng sau sẽ bị tắt:

- Trợ lý cửa  
(đối với mặt tủ không có tay nắm, cửa tủ sẽ phải được kéo từ phía dưới hoặc bên hông)
- Chiếu sáng
- Tất cả các tín hiệu âm thanh và hình ảnh,
- Hiện thị nhiệt độ
- Chức năng SuperFrost (nếu đã bật trước đó)

## Chọn các thiết lập bổ sung

- Máy làm đá  
(nếu đã bật trước đó)
  - Máy làm đá/nước (nếu đã bật trước đó)
- Bạn vẫn có thể chọn:
- cảm biến điều khiển cho Cài đặt chế độ để có thể tắt chế độ Sabbath

Chức năng Chế độ Sabbath sẽ tự động tắt sau khoảng 125 giờ.

Rủi ro sức khỏe do thực phẩm phân hủy.

Vì bất kỳ sự cố mất điện nào trong Chế độ Sabbath đều không được hiển thị trên màn hình nên thực phẩm đông lạnh có thể rã đông hoặc rã đông lại. Điều này sẽ làm giảm thời hạn bảo quản thực phẩm.

Kiểm tra chất lượng thực phẩm.  
Kiểm tra xem thực phẩm đông lạnh đã bắt đầu rã đông chưa. Nếu đã rã đông, hãy sử dụng thực phẩm càng sớm càng tốt hoặc nấu chín trước khi đông lạnh lại.

Bật, tắt hoặc đặt lại Màn hình hiển thị Bộ lọc nước Tùy thuộc vào số lượng viên đá được tạo ra, Màn hình hiển thị Bộ lọc nước sẽ nhắc nhở bạn khoảng 6 tháng một lần rằng bộ lọc than hoạt tính IntensiveClear 2.0 cần được thay thế. Thay thế bộ lọc nước sẽ xuất hiện trên màn hình.

Xem “Bộ lọc nước - Thay bộ lọc nước” để biết hướng dẫn về cách thay bộ lọc than hoạt tính IntensiveClear 2.0.

Lần đầu tiên cần thay bộ lọc than hoạt tính IntensiveClear 2.0, màn hình sẽ tự động nhắc nhở bạn; bạn không cần phải bật riêng chức năng nhắc nhở.

Mẹo: Nếu bạn đã thay bộ lọc than hoạt tính Intensive-Clear 2.0 bằng bộ lọc lưới Intensive-Clear 2.0, bạn có thể sử dụng Màn hình hiển thị bộ lọc nước để nhắc nhở vệ sinh bộ lọc lưới IntensiveClear 2.0.

Xem “Vệ sinh và bảo dưỡng - Vệ sinh bộ lọc nước (Bộ lọc lưới IntensiveClear 2.0)” để biết hướng dẫn về cách vệ sinh bộ lọc lưới IntensiveClear 2.0.

## Chọn các thiết lập bổ sung

---

Bật màn hình hiển thị bộ lọc nước

Nếu Màn hình bộ lọc nước đã tắt một lần, bạn phải bật lại nếu cần. Ở chế độ Cài đặt, sử dụng và

Cảm biến điều khiển để chọn Màn hình lọc nước và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng các nút điều khiển cảm biến và để chọn Bật và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Màn hình bộ lọc nước đã được bật.

Tắt Màn hình Bộ lọc nước Nguy cơ đối với sức

khỏe do ô nhiễm nước sạch.

Nếu bộ lọc than hoạt tính IntensiveClear 2.0 không được thay thế thường xuyên, bộ lọc này có thể bị nhiễm bẩn.

Chỉ tắt Màn hình hiển thị bộ lọc nước nếu bộ lọc nước ngoài đã được gắn vào nguồn cung cấp nước gia đình của bạn thay cho bộ lọc than hoạt tính IntensiveClear 2.0. Trong trường hợp này, bạn cũng nên sử dụng bộ lọc lưới IntensiveClear 2.0 thay cho bộ lọc than hoạt tính Intensive-Clear 2.0 (xem "Phụ kiện - Phụ kiện tùy chọn").

Ở chế độ Cài đặt, sử dụng và Cảm biến điều khiển để chọn Màn hình lọc nước và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng các nút điều khiển cảm biến và để chọn Tắt và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Màn hình bộ lọc nước đã bị tắt.

Đặt lại Màn hình Bộ lọc nước Sau khi bạn thay thế hoặc vệ sinh bộ lọc nước, bạn phải đặt lại Màn hình Bộ lọc nước để có thể hiển thị lại sau 6 tháng.

Nếu bạn không thiết lập lại màn hình, nó sẽ xuất hiện liên tục. Ở chế

độ Cài đặt, sử dụng các nút điều khiển cảm biến và để chọn Màn hình bộ lọc nước và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng các điều khiển cảm biến và để chọn Đặt lại và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Thông báo Thay bộ lọc nước sẽ biến mất khỏi màn hình.

Màn hình hiển thị bộ lọc nước đã được kích hoạt để báo hiệu lần tiếp theo cần vệ sinh hoặc thay thế bộ lọc nước.

## Nhiệt độ chính xác

Việc thiết lập nhiệt độ chính xác để bảo quản thực phẩm trong thiết bị là rất quan trọng. Vì khuẩn sẽ khiến thực phẩm không được bảo quản ở nhiệt độ chính xác bị hư hỏng nhanh chóng. Nhiệt độ ảnh hưởng đến tốc độ phát triển của những vi khuẩn này.

Giảm nhiệt độ sẽ làm giảm tốc độ tăng trưởng của chúng.

Để đông lạnh thực phẩm tươi và bảo quản thực phẩm đông lạnh trong thời gian dài, cần có nhiệt độ 0°F (-18°C). Ở nhiệt độ này, sự phát triển của vi khuẩn thường bị dừng lại. Ngay khi nhiệt độ tăng lên trên 14°F (-10°C), vi khuẩn sẽ hoạt động trở lại trong thực phẩm nên không thể bảo quản lâu được. Vì lý do này, thực phẩm đã rã đông một phần hoặc đã rã đông không được đông lạnh lại. Thực phẩm có thể được đông lạnh lại sau khi đã nấu chín (luộc hoặc rang), vì nhiệt độ cao đạt được khi nấu sẽ tiêu diệt hầu hết vi khuẩn.

Nhiệt độ trong thiết bị sẽ tăng lên:

- cửa thiết bị được mở càng thường xuyên và thời gian mở càng lâu
- càng nhiều thực phẩm được lưu trữ trong đó
- thức ăn được cho vào càng ấm
- nhiệt độ môi trường xung quanh thiết bị làm lạnh càng cao. Thiết bị làm lạnh được thiết kế để sử dụng trong một lớp khí hậu cụ thể (phạm vi nhiệt độ phòng).

Không sử dụng trong điều kiện khí hậu mà sản phẩm không được thiết kế.

Cài đặt nhiệt độ Chạm vào nút điều

khiển cảm biến để cài đặt nhiệt độ nhiệt độ.

Nhiệt độ được cài đặt trước đó sẽ xuất hiện.

Sử dụng nút điều khiển cảm biến và để cài đặt nhiệt độ. Giữ ngón tay trên nút điều khiển cảm biến sẽ liên tục thay đổi nhiệt độ.

Xác nhận cài đặt nhiệt độ bằng OK hoặc đợi khoảng 8 giây sau lần chạm cuối cùng vào cảm biến. Nhiệt độ này sẽ được tự động áp dụng.

Mẹo: Bạn cũng có thể xác nhận và áp dụng mức nhiệt độ mới bằng cách đóng cửa thiết bị.

Màn hình hiển thị nhiệt độ luôn hiển thị nhiệt độ cài thiết.

Nếu bạn đã điều chỉnh nhiệt độ, hãy đợi khoảng 6 giờ nếu thiết bị không quá đầy và khoảng 24 giờ nếu thiết bị đầy trước khi kiểm tra màn hình hiển thị nhiệt độ. Sẽ mất khoảng thời gian này để đưa ra kết quả đọc chính xác.

Nếu sau thời gian này, nhiệt độ vẫn quá cao hoặc quá thấp, hãy điều chỉnh lại.

# Nhiệt độ chính xác

---

Phạm vi nhiệt độ

Nhiệt độ có thể được điều chỉnh từ  
7°F (-14°C) đến -11°F (-24°C).

Nhiệt độ môi trường trong phòng  
và vị trí lắp đặt có thể ảnh hưởng đến thời gian  
thiết bị đạt đến nhiệt độ thấp nhất.

Nếu nhiệt độ môi trường quá  
cao, thiết bị có thể không đạt tới  
nhiệt độ thấp nhất.

Chức năng SuperFrost để có kết quả

tốt nhất, hãy bật chức năng SuperFrost trước khi cho thực phẩm tươi vào tủ đông.

Thực phẩm tươi sẽ được đông lạnh nhanh chóng, giúp giữ nguyên giá trị dinh dưỡng, hàm lượng vitamin, hình thức và hương vị.

Ngoại lệ:

- Đặt thực phẩm đã đông lạnh vào tủ đông.
- Khi đông lạnh tới 4,4 lb (2 kg) kg thực phẩm tươi mỗi ngày.

Bật SuperFrost SuperFrost nên

được bật 4-6 giờ trước khi cho thực phẩm vào tủ đông. Khi đông lạnh lượng thực phẩm tối đa, chức năng SuperFrost nên được bật 24 giờ trước đó.

Chạm vào nút điều khiển cảm biến để cài đặt nhiệt độ.

Chạm vào nút điều khiển cảm biến để bật chức năng SuperFrost.

Biểu tượng được tô sáng màu và giá trị nhiệt độ mới được cài đặt là -22°F (-30°C) sẽ xuất hiện trên màn hình.

Xác nhận cài đặt bằng OK hoặc đợi khoảng 8 giây sau lần nhấn nút cuối cùng. Cài đặt sẽ được tự động áp dụng.

Biểu tượng sẽ sáng lên trên màn hình hiển thị nhiệt độ.

Thiết bị bây giờ sẽ chạy ở mức công suất tối đa.

Tắt SuperFrost Chạm vào nút

điều khiển cảm biến để cài đặt nhiệt độ.

Biểu tượng được tô sáng màu và giá trị nhiệt độ -22°F (-30°C) được hiển thị trên màn hình.

Chạm vào nút điều khiển cảm biến để tắt chức năng SuperFrost.

Biểu tượng không còn được tô sáng màu nữa và cài đặt nhiệt độ trước đó sẽ xuất hiện lại trên màn hình.

Xác nhận cài đặt bằng OK hoặc đợi khoảng 8 giây sau lần nhấn nút cuối cùng. Cài đặt sẽ được tự động áp dụng.

Biểu tượng biến mất khỏi màn hình hiển thị nhiệt độ.

Thiết bị làm lạnh sẽ tiếp tục hoạt động ở mức công suất bình thường.

Nếu bạn không tắt chức năng SuperFrost, chức năng này sẽ tự động tắt sau khoảng 54 giờ. Số lượng thực phẩm tươi sống được đặt trong tủ đông sẽ quyết định thời gian trước khi chức năng SuperFrost tắt.

Sau đó, thiết bị sẽ hoạt động trở lại ở mức điện bình thường.

Mẹo: Để tiết kiệm năng lượng, bạn nên tắt chức năng SuperFrost bằng tay khi ngăn đông đạt nhiệt độ không đổi là 0°F (-18°C) hoặc lạnh hơn. Theo dõi nhiệt độ trong ngăn đông.

## Nhiệt độ và báo động cửa

Thiết bị được trang bị hệ thống cảnh báo đảm bảo nhiệt độ trong tủ đông không tăng đột ngột và tránh lãng phí năng lượng nếu cửa tủ để mở.

Báo động nhiệt độ Nhiệt độ tủ

đông quá cao. Thông báo nhiệt độ tối đa °C sẽ xuất hiện trên màn hình nếu nhiệt độ trong ngăn đông trở nên quá ấm.

Một tiếng báo động cũng sẽ vang lên.

Màn hình hiển thị nhiệt độ sẽ hiển thị nhiệt độ cao nhất đạt được trong thời gian nhiệt độ tăng.

Các tín hiệu âm thanh và hình ảnh được kích hoạt, ví dụ:

- Khi thiết bị được bật và nhiệt độ trong thiết bị khác rất nhiều so với nhiệt độ cài đặt.
- Nếu có nhiều không khí ẩm trong phòng tràn vào tủ đông khi bạn cho thực phẩm đông lạnh vào, sắp xếp lại hoặc lấy ra.
- Khi đông lạnh một lượng lớn thực phẩm cùng một lúc.
- Khi đông lạnh thực phẩm tươi sống vẫn còn ẩm.
- Sau khi mất điện kéo dài.

Báo thức sẽ tắt và thông báo trên màn hình sẽ biến mất ngay sau khi lý do báo thức được giải quyết.

Rủi ro sức khỏe do thực phẩm phân hủy.

Nếu nhiệt độ trong tủ đông vẫn duy trì trên 0°F (-18°C) trong thời gian dài, thực phẩm đông lạnh có thể bắt đầu rã đông. Điều này sẽ làm giảm thời hạn bảo quản thực phẩm.

Kiểm tra xem thực phẩm đông lạnh đã bắt đầu rã đông chưa. Nếu đã rã đông, hãy sử dụng thực phẩm càng sớm càng tốt hoặc nấu chín trước khi đông lạnh lại.

Tắt báo động nhiệt độ sớm

Trước khi tắt báo động nhiệt độ, bạn phải xác định nguyên nhân và khắc phục.

Nếu báo thức làm bạn khó chịu, bạn có thể tắt nó sớm hơn.

Chạm vào cảm biến OK.

Báo thức dừng lại và tín hiệu biến mất khỏi màn hình.



## Nhiệt độ và báo động cửa

---

### Bảng báo động

#### Bảng báo động

Sẽ có tiếng báo động nếu cửa thiết bị bị mở quá 2 phút.

Tin nhắn Đóng cửa cũng xuất hiện trên màn hình.

Ngay khi cửa đóng lại, báo động sẽ dừng lại và thông báo trên màn hình sẽ biến mất.

Tắt chuông báo cửa sớm Nếu tiếng chuông

báo làm phiền bạn, bạn có thể tắt chuông báo sớm.

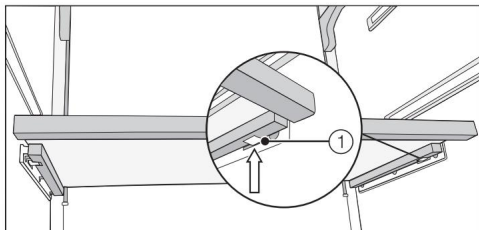
Chạm vào nút điều khiển cảm biến OK trên màn hình.

Báo thức dừng lại và tin nhắn biến mất khỏi màn hình.

Sau một thời gian nhất định, báo động sẽ kêu lần nữa và thông báo sẽ xuất hiện lại trên màn hình cho đến khi cửa thiết bị được đóng lại.

## Điều chỉnh các phụ kiện nội thất

### Tháo bỏ kệ phía trên máy làm đá



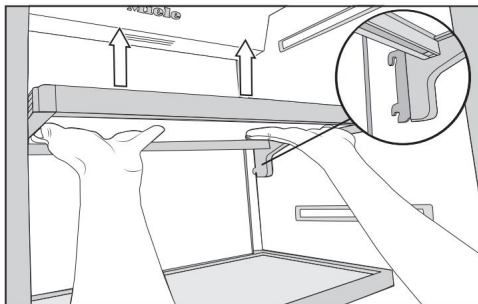
Dùng cả hai tay nắm chặt mặt trước của kệ từ bên dưới và ấn vào cả hai bên cho đến khi bạn cảm thấy có lực cản .

Khi kéo ra và lắp vào kệ, hãy đảm bảo rằng các thành bên không bị hư hỏng.

Cẩn thận kéo kệ ra ngoài  
đồng trục.

Để lắp vào, hãy trượt nhẹ giá đỡ vào thanh dẫn hướng ở cả hai bên rồi trượt hết vào trong.

### Tháo hoặc di chuyển các kệ



Giữ kệ ở cả hai bên và nâng lên một chút để có thể nâng kệ lên bằng các chốt ở phía sau thanh dẫn hướng.

Kéo kệ về phía trước.

Tháo kệ ra hoặc đặt vào vị trí cần thiết, với các chốt được cài ở phía sau.

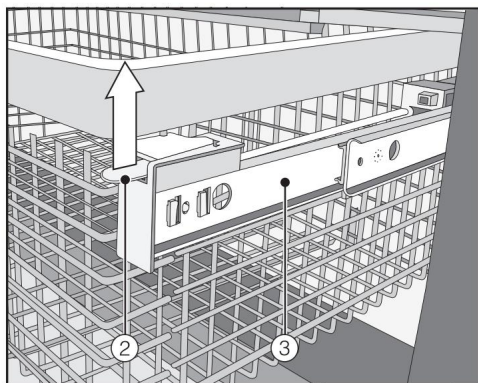
Đảm bảo kệ thẳng.

## Điều chỉnh các phụ kiện nội thất

Tháo giỏ đựng tủ đông Mở cửa tủ rộng nhất có thể.

Góc mở cửa tủ thiết bị không được giới hạn ở mức 90° vì nếu không, giỏ đựng tủ đông sẽ không thể tháo rời.

Kéo giỏ đựng thực phẩm đông lạnh ra xa nhất có thể.



Nâng khóa bấm ở cả hai bên, mở chốt và cẩn thận nhấc giỏ ra.

Để thay thế, hãy kéo thanh trượt ống lồng ra xa nhất có thể.

Đặt lại giỏ đông lạnh vào trong.

Trượt giỏ vào lại hoàn toàn cho đến khi nó khớp vào chốt cài.

## Đông lạnh và bảo quản thực phẩm

Luôn tuân thủ các hướng dẫn về an toàn thực phẩm của USDA.

Nguy cơ cháy nổ từ các thiết bị điện tử tiên.

Vận hành các thiết bị điện trong thiết bị có thể gây ra tia lửa.

Không vận hành bất kỳ thiết bị điện nào bên trong thiết bị.

Công suất đông lạnh tối đa Để đảm bảo thực

phẩm tươi sống được đặt trong tủ đông đông lạnh đến tận lõi nhanh nhất có thể, công suất đông lạnh tối đa không được vượt quá. Công suất đông lạnh tối đa để đông lạnh trong vòng 24 giờ được ghi trên bảng dữ liệu: "Công suất đông lạnh ... lbs/24 giờ".

Điều gì xảy ra khi bạn đông lạnh thực phẩm tươi?

Thực phẩm tươi nên được đông lạnh càng nhanh càng tốt để giữ nguyên giá trị dinh dưỡng, hàm lượng vitamin, hình thức và hương vị của thực phẩm.

Thực phẩm mất nhiều thời gian để đông lạnh sẽ mất nhiều nước hơn từ các tế bào của nó, sau đó chúng sẽ co lại. Trong quá trình rã đông, chỉ một số nước này được các tế bào hấp thụ lại. Điều này có nghĩa là thực phẩm mất nhiều độ ẩm hơn. Bạn có thể thấy điều này trong lượng nước lớn tích tụ xung quanh thực phẩm khi rã đông.

Nếu thực phẩm được đông lạnh nhanh chóng, các tế bào có ít thời gian hơn để mất độ ẩm, do đó chúng co lại ít hơn. Vì không mất quá nhiều độ ẩm, nên thực phẩm dễ dàng hơn

hấp thụ lại nước trong quá trình rã đông và rất ít nước đọng lại xung quanh thực phẩm đã rã đông.

### Bảo quản thực phẩm đông lạnh

Không bao giờ đông lại thực phẩm đã rã đông một phần hoặc toàn bộ. Thực phẩm đã rã đông chỉ được đông lại sau khi đã nấu chín.

Khi mua thực phẩm đông lạnh để bảo quản trong tủ đông, hãy đảm bảo kiểm tra:

- bao bì không bị hư hỏng
- ngày hết hạn
- nhiệt độ mà thực phẩm đông lạnh được lưu trữ trong kho Thời gian thực phẩm có thể giữ được sẽ giảm nếu thực phẩm được lưu trữ ở nhiệt độ ấm hơn 0°F (-18°C).

Mua thực phẩm đông lạnh vào cuối chuyến đi mua sắm của bạn.

Bảo quản trong ngăn đông càng sớm càng tốt.

## Đóng băng tại nhà

Chỉ đông lạnh thực phẩm tươi và còn tốt.

Mẹo đông lạnh thực phẩm tại nhà

- Các loại thực phẩm sau đây phù hợp để đông lạnh tại nhà: thịt tươi, gia cầm, thịt thú rừng, cá, rau, thảo mộc, trái cây tươi, sản phẩm từ sữa, đồ nướng, thức ăn thừa, lòng đỏ trứng, lòng trắng trứng và nhiều loại bữa ăn đã nấu sẵn.
- Các loại thực phẩm sau đây không thích hợp để đông lạnh: rau diếp, củ cải, kem chua, sốt mayonnaise, trứng nguyên vỏ, hành tây, táo và lê sống nguyên quả.
- Để giữ nguyên màu sắc, hương vị, mùi thơm và vitamin C, rau nên được chần qua trước khi đông lạnh. Để làm như vậy, hãy cho từng phần vào nước sôi trong 2-3 phút.  
Sau đó, vớt rau ra và nhúng vào nước đá lạnh để nguội nhanh. Để rau ráo nước.
- Thịt nạc đông lạnh tốt hơn thịt mỡ thịt và có thể bảo quản được lâu hơn đáng kể.
- Tách riêng các miếng thịt thăn, thịt bò bit tết, thịt cốt lết, v.v. bằng một tấm màng bọc thực phẩm để ngăn chúng đông lại thành một khối.
- Không nêm thực phẩm sống hoặc rau chần bằng thảo mộc hoặc muối trước khi đông lạnh. Thực phẩm nấu chín chỉ nên nêm nhẹ. Hương vị của một số loại thảo mộc sẽ đậm đà hơn khi đông lạnh.

- Đặt thức ăn hoặc đồ uống nóng vào tủ đông làm cho thực phẩm đã đông lạnh tan một phần và làm tăng mức tiêu thụ năng lượng. Để thực phẩm và đồ uống nguội trước khi cho vào tủ đông.

Đóng gói thực phẩm để đông lạnh

Đông lạnh thực phẩm thành từng phần.

- Bao bì phù hợp
    - Phim nhựa
    - Túi đông lạnh
    - Giấy bạc
    - Thùng đông lạnh
  - Bao bì không phù hợp
    - Giấy gói
    - Giấy dầu
    - Giấy bóng kính
    - Túi đựng rác
    - Túi mua sắm bằng nhựa

Loại bỏ càng nhiều không khí càng tốt ra khỏi bao bì trước khi niêm phong.
  - Đóng chặt bao bì bằng
    - dây thun,
    - kẹp túi,
    - dây buộc hoặc dây buộc túi, hoặc
    - Băng dính tủ đông.
- Mẹo: Túi đông lạnh và ống poly cũng có thể được niêm phong bằng bộ dụng cụ hàn nhiệt tại nhà.
- Dán nhãn bao bì ghi rõ nội dung và ngày đông lạnh.

## Đông lạnh và bảo quản thực phẩm

### Trước khi đặt thực phẩm vào tủ đông

Khi đông lạnh hơn 4,4 lb (2 kg) đối với thực phẩm tươi sống, hãy bật chức năng Super-Frost một lúc trước khi cho thực phẩm vào tủ đông (xem "SuperFrost").

Điều này giúp thực phẩm đã được lưu trữ trong tủ đông để giữ đông.

### Đặt thực phẩm vào tủ đông

Thực phẩm cần đông lạnh có thể được đặt ở bất kỳ vị trí nào trong vùng đông lạnh, tốt nhất là ở giá đông lạnh thấp nhất.

Đặt một lượng lớn thực phẩm vào giỏ đông lạnh lớn.

Đặt thức ăn phẳng ở đáy giỏ để nó đông cứng lại vào cốt lõi một cách nhanh nhất có thể.

Đảm bảo bao bì và hộp đựng khô ráo để tránh bị đông cứng lại với nhau hoặc vào tường.

Vui lòng làm theo các hướng dẫn trong bảng dưới đây liên quan đến các khuyến nghị trọng lượng cho các giỏ:

	Phía trên tủ đông nhỏ	Thấp hơn tủ đông nhỏ
F 24x2 VI/SF 26,5 lb (12kg)	26,5 pound (12kg)	
F 26x2 VI/SF 44 lb (20kg)	44 pound (20kg)	

Thực phẩm chưa đông lạnh không được chạm vào thực phẩm đông lạnh, vì điều này sẽ gây ra thực phẩm đông lạnh bắt đầu rã đông.

### Thời gian bảo quản thực phẩm đông lạnh

Thời hạn bảo quản thực phẩm rất khác nhau, ngay cả ở nhiệt độ không đổi là 0°F (-18°C). Quá trình phân hủy cũng diễn ra trong thực phẩm đông lạnh, mặc dù ở mức tốc độ rất giảm. Chất béo có thể trở thành ôi thiu do tiếp xúc với oxy trong không khí, ví dụ. Đây là lý do tại sao thịt nạc có thể được lưu trữ lâu hơn khoảng gấp đôi thịt mỡ.

Thời gian lưu trữ được trích dẫn là giá trị hướng dẫn cho thời hạn lưu trữ của các loại thực phẩm khác nhau nhóm ở vùng đông lạnh.

Nhóm thực phẩm	Kho thời gian (Tháng)
Kem	2 đến 6
Bánh mì, đồ nướng	2 đến 6
Phô mai	2 đến 4
Cá, dầu	1 đến 2
Cá, nạc	1 đến 5
Xúc xích, giăm bông	1 đến 3
Trò chơi, thịt lợn	1 đến 12
Gia cầm, thịt bò	2 đến 10
Rau, trái cây	6 đến 18
Thảo mộc	6 đến 10

Nơi thời gian lưu trữ được đưa ra trên bao bì khác nhau, hãy làm theo lời khuyên trên bao bì.

## Rã đông hàng đông lạnh

Không bao giờ đông lại thực phẩm đã rã đông một phần hoặc toàn bộ. Thực phẩm đã rã đông chỉ có thể đông lại sau khi đã nấu chín.

Thực phẩm đông lạnh có thể được rã đông theo nhiều

cách khác nhau:

- Trong lò vi sóng
- Trong lò nướng sử dụng “Đổi lưu” hoặc Cài đặt “Rã đông”
- Ở nhiệt độ phòng
- Trong vùng tủ lạnh (lạnh tỏa ra từ thực phẩm đông lạnh giúp giữ lạnh các thực phẩm khác)
- Trong lò hấp

Những miếng thịt hoặc cá đã rã đông một phần có thể được đặt trực tiếp vào chảo nóng.

Thịt và gia cầm (ví dụ như thịt xay, thịt gà, cá) không nên tiếp xúc với các thực phẩm khác trong khi rã đông.

Thu gom chất lỏng rã đông và đổ bỏ cẩn thận.

Trái cây có thể được rã đông ở nhiệt độ phòng, bằng cách để nguyên trong bao bì hoặc trong bát có nắp đậy.

Hầu hết các loại rau đều có thể nấu khi vẫn còn đông lạnh. Chỉ cần cho thẳng vào nước sôi hoặc mỡ nóng. Thời gian nấu sẽ ít hơn một chút so với rau tươi do cấu trúc tế bào thay đổi.

Làm lạnh đồ uống nhanh chóng khi làm

lạnh đồ uống trong tủ đông, hãy đảm bảo rằng chai không được để trong đó quá một giờ. Nếu không, chúng có thể bị vỡ.

## Vận hành máy làm đá/nước

Máy làm đá/nước cần phải được kết nối với đường ống nước để hoạt động (xem phần “Lắp đặt - Kết nối với đường ống nước”).

Nếu bạn không lấy nước lạnh hoặc đá từ máy làm đá/nước trong thời gian dài, nước/đá có thể bị ôi thiu. Hãy lấy nước/đá thường xuyên để đạt được chất lượng nước tốt nhất.

Nguy cơ bị thương do kính vỡ.

Sử dụng vật dụng chắc chắn để đựng nước và đá viên.

Nguy cơ chấn thương do xử lý không đúng cách.

Nguy cơ bị thương khi giữ tay dưới đĩa Đá/Nước  
nghĩ.

Không được đặt tay dưới ngăn đựng đá/nước.

Nguy cơ chấn thương do xử lý không đúng cách.

Nguy cơ bị thương khi đưa tay vào lỗ xả của bình chứa đá.

Không bao giờ được chạm vào lỗ xả của thùng chứa đá.

Nguy cơ sức khỏe do ô nhiễm nước sạch.

Sử dụng nước ô nhiễm có thể dẫn đến bệnh tật.

Không được uống 5 cốc nước lạnh đầu tiên cũng như 30-40 viên đá đầu tiên được làm sau

khi khởi động máy làm đá/nước vì nước sẽ được sử dụng để tráng qua đường ống cấp nước ban đầu.

Điều này áp dụng cho cả lần khởi động ban đầu cũng như khi sử dụng lại thiết bị sau khi đã tắt trong một thời gian dài.

Nguy cơ hư hỏng do bị chặn của máy làm đá.

Máy làm đá có thể bị tắc và do đó bị hỏng.

Không cho bất kỳ chai lọ hoặc thực phẩm nào vào máy làm đá để làm lạnh nhanh.

Nếu máy làm đá/nước không được sử dụng trong vòng 2 phút hoặc nếu cửa thiết bị được mở, máy làm đá/nước sẽ tự động chuyển sang chế độ chờ và đèn sẽ tắt.

Sau khi được kích hoạt lại, có thể mất vài giây trước khi nước lạnh và đá được cung cấp trở lại.



## Vận hành máy làm đá/nước

### Bật máy phân phối Đơn vị

Chỉ có thể làm đá viên khi hộp đựng đá được đóng hoàn toàn. Ở chế độ Cài đặt, sử dụng

Sau khi cửa thiết bị mở và đóng, có thể mất vài giây cho đến khi bộ phận làm đá/nước sẵn sàng hoạt động và có thể chọn lại nút điều khiển cảm biến.

nút điều khiển cảm biến và để chọn Bộ phân phối và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng các nút điều khiển cảm biến và để chọn Bật và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Đóng cửa thiết bị.

Máy làm đá/nước hiện đã sẵn sàng hoạt động.

Tất cả các nút điều khiển cảm biến trong bảng điều khiển máy làm đá/nước bây giờ sẽ được đánh dấu màu trắng.

Nếu không phải như vậy, khóa hệ thống đã được kích hoạt (bộ điều khiển cảm biến sẽ được đánh dấu màu trắng, xem "Vận hành máy làm đá/nước - Bật/tắt khóa hệ thống").

Khi ngăn đông đã nguội đến nhiệt độ cài đặt, máy làm đá sẽ đổ đầy nước.

Ngay khi nước đóng băng, những viên đá sẽ rơi ra khỏi máy làm đá vào hộp đựng đá.

Quá trình sản xuất đá sẽ tự động dừng lại ngay khi thùng chứa đá đầy.

Sau khi bật máy làm đá/nước, có thể mất tới 24 giờ cho đến khi đợt đá viên đầu tiên sẵn sàng.

# Vận hành máy làm đá/nước

## Phân phối nước lạnh

Sau khi vận hành ban đầu, có thể có không khí trong mạch nước. Xả nước cho đến khi không còn bọt khí nữa.

Tất cả các vật liệu được sử dụng trong máy làm đá/nước đều không mùi và không ảnh hưởng đến hương vị.

Nếu bạn rót nước lạnh trở lại sau một thời gian dài, nước có thể đã cũ. Trong trường hợp này, hãy đổ hết 15 cốc nước đầu tiên.

Thường xuyên cung cấp nước để đạt được chất lượng nước tốt nhất.

Đặt một vật chứa chắc chắn bên dưới máy làm đá/nước.



Nhấn và giữ nút cảm biến nước lạnh kiểm soát chặt chẽ.

Nước lạnh sẽ được rót ra từ vòi khi bạn nhấn nút điều khiển cảm biến.

Sau khoảng 30 giây, quá trình phân phối sẽ tự động kết thúc. Đợi 5 giây và nhấn lại nút điều khiển cảm biến nếu bạn muốn phân phối thêm nước.

Nếu bạn muốn nước lạnh hơn, hãy cho đá viên vào bình chứa trước.

Nếu một lượng lớn nước được phân phối, nước có thể trở thành ấm hơn.

## Phân phối đá viên và đá xay

Sau khi bật máy làm đá/nước, có thể mất tới 24 giờ cho đến khi đợt đá viên đầu tiên sẵn sàng.

Đặt một vật chứa chắc chắn bên dưới máy làm đá/nước.



Nhấn và giữ nút điều khiển cảm biến trong đá viên hoặc đá xay.

Đá sẽ được lấy ra từ vòi khi bạn nhấn nút điều khiển cảm biến.

Sau khoảng 30 giây, quá trình phân phối sẽ tự động kết thúc. Đợi 5 giây và nhấn lại nút điều khiển cảm biến nếu bạn muốn phân phối thêm đá.

Nhấc ngón tay ra khỏi bộ điều khiển cảm biến khi bình chứa gần đầy.

Nếu không, nước sẽ tràn ra ngoài hoặc đá sẽ làm tắc vòi.

Máy làm đá có thể tạo ra khoảng 3 pound (1,3 kg) đá viên trong vòng 24 giờ.

Lượng đá viên do máy tạo ra phụ thuộc vào nhiệt độ trong vùng đông lạnh. Nhiệt độ càng thấp thì lượng đá viên tạo ra trong một khoảng thời gian nhất định càng nhiều.

## Vận hành máy làm đá/nước

Đổ và vệ sinh hộp đựng đá theo định kỳ, hoặc ít nhất là nếu bạn không lấy đá trong hơn một tuần (xem phần "Vệ sinh và bảo dưỡng - Đổ và vệ sinh hộp đựng đá").

Điều này sẽ đảm bảo bạn luôn có đá tươi và đá viên không bị vón cục.

### Tắt máy phân phối

#### Đơn vị

Đóng vòi nước cung cấp khoảng 3 giờ trước khi tắt thiết bị để tránh nấm mốc tích tụ do nước đọng.

Ở chế độ Cài đặt, sử dụng nút điều khiển cảm biến và để chọn Bộ phân phối và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Sử dụng nút điều khiển cảm biến và để chọn Tắt và chọn OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Máy làm đá/nước hiện đã tắt; các nút điều khiển cảm biến trên bảng điều khiển không còn được tô sáng màu trắng nữa.

### Bật/tắt khóa hệ thống

Bạn có thể sử dụng khóa hệ thống để bảo vệ máy làm đá/nước khỏi việc sử dụng trái phép, chẳng hạn như trẻ em.



Chạm vào bộ điều khiển cảm biến cho đến khi nó được tô sáng màu trắng và một âm báo ngắn phát ra.

Các nút điều khiển cảm biến còn lại của máy làm đá/nước hiện đã bị khóa và không thể chọn được.

Để tắt khóa hệ thống, chạm vào bộ điều khiển cảm biến trong khoảng 3 giây cho đến khi nó không còn sáng màu trắng nữa và một âm báo ngắn phát ra.

## Tự động rã đông

---

**CẢNH BÁO! NGUY HIỂM** gây thương tích  
và thiệt hại!

Không sử dụng bất kỳ cơ khí hoặc các phương tiện khác  
các loại dụng cụ hỗ trợ không được  
nhà sản xuất khuyến nghị sử dụng để  
đẩy nhanh quá trình rã đông.

Thiết bị được trang bị một  
Hệ thống "NoFrost". Tủ đông rã đông  
tự động.

Độ ẩm được tạo ra trong thiết bị sẽ tích tụ  
trên bộ ngưng tụ và

tự động rã đông và bốc hơi  
theo định kỳ.

Hệ thống rã đông tự động này cho phép  
Freezer Zone luôn không bị đóng băng.  
Tuy nhiên, thực phẩm  
bảo quản trong tủ đông sẽ không rã đông được.

### CẢNH BÁO! NGUY HIỂM của điện

sốc!

Rút phích cắm của thiết bị hoặc ngắt cầu dao điện.

### CẢNH BÁO! Có nguy cơ cháy nổ!

Không làm hỏng đường ống dẫn chất làm mát.

Không để nước rơi vào hệ thống điện tử hoặc đèn chiếu sáng.

### Nguy cơ hư hỏng do hơi ẩm xâm nhập.

Hơi nước từ máy làm sạch bằng hơi nước có thể làm hỏng các bộ phận bằng nhựa và điện.

Không sử dụng máy làm sạch bằng hơi nước để vệ sinh thiết bị làm lạnh.

Không được tháo tấm dữ liệu nằm bên trong tủ bên trong của thiết bị làm lạnh. Tấm này chứa thông tin cần thiết trong trường hợp cần gọi dịch vụ.

### Chất tẩy rửa

Để tránh làm hỏng bề mặt thiết bị, không sử dụng:

- chất tẩy rửa có chứa soda, amoniac, axit hoặc clozua
- chất tẩy rửa có chứa cặn vôi người loại bỏ
- chất tẩy rửa có tính mài mòn, chẳng hạn như bột tẩy rửa, chất lỏng tẩy rửa hoặc đá bọt
- chất tẩy rửa có chứa dung môi
- chất tẩy rửa thép không gỉ
- chất tẩy rửa máy rửa chén
- bình xịt lò nướng
- nước lau kính
- miếng bọt biển và bàn chải cứng, có tính mài mòn, chẳng hạn như miếng cọ nồi
- miếng bọt biển tẩy
- dụng cụ cạo kim loại sắc nhọn

Các chất tẩy rửa và xử lý được sử dụng trong tủ bên trong của thiết bị làm lạnh phải an toàn với thực phẩm.

Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng nước ấm và một ít xà phòng rửa chén dạng lỏng để vệ sinh.

Lưới tản nhiệt, mặt sau và khung của máy làm đá/nước được hoàn thiện bằng lớp phủ bề mặt chất lượng cao.

Chất liệu này có khả năng chống bám bẩn và rất dễ vệ sinh.

## Vệ sinh và chăm sóc

---

Rủi ro hư hỏng do không đúng vệ sinh và bảo trì.  
Lớp phủ bề mặt sẽ bị hư hỏng.

Không xử lý lưới tản nhiệt khay hứng nước, mặt sau, và khung của máy làm đá/nước với

- Chất tẩy rửa thép không gỉ:

Lớp phủ sẽ bị hỏng.

- Chất xử lý của Miele dành cho thép không gỉ: Điều này

sẽ gây ra hiện tượng nhòe đáng chú ý.

Nguy cơ hư hỏng do vệ sinh không đúng cách.

Lớp phủ bề mặt sẽ bị hư hỏng.

Không vệ sinh khay hứng nước hoặc ống nhỏ giọt lưới khay của máy làm đá/nước trong máy rửa chén.

Nguy cơ hư hỏng do chất kết dính sives.

Chất kết dính sẽ làm hỏng bề mặt lớp phủ, khiến nó mất đi tính chất chống bụi bẩn.

Không dán giấy nhớ, băng dính trong, băng dính giấy hoặc các chất kết dính khác vào các bộ phận của máy làm đá/nước.

Trước khi vệ sinh thiết bị

Tắt hoàn toàn thiết bị bằng cách nhấn công tắc Bật/Tắt.

Lấy bất kỳ thực phẩm nào ra khỏi thiết bị và bảo quản ở nơi thoáng mát.

Tháo tất cả các bộ phận có thể tháo rời khác để vệ sinh (xem "Điều chỉnh nội thất phụ kiện").

### Nội thất và phụ kiện

Vệ sinh thiết bị thường xuyên hoặc ít nhất mỗi tháng một lần.

Lau sạch ngay mọi vết bẩn, vết bẩn hoặc thức ăn. Không để chúng khô và dính vào thiết bị.

Vệ sinh thiết bị bằng dung dịch nước ấm và xà phòng rửa chén dạng lỏng.

Rửa sạch tất cả các bộ phận bằng tay. Không rửa bằng máy rửa chén.

Sau khi vệ sinh, lau bằng nước sạch và lau khô bằng vải mềm.

Để cửa mở để không khí lưu thông trong ứng dụng đủ trong một thời gian ngắn và ngăn ngừa mùi hôi tích tụ.

### Khung nhôm

Khung của các kệ bên trong thiết bị và các kệ trên cửa được làm một phần bằng nhôm.

Nhôm là vật liệu động. Độ phản xạ và hình dạng của nhôm thay đổi theo ánh sáng và môi trường khác nhau và tùy thuộc vào góc nhìn của bạn. Nhôm cũng dễ bị trầy xước.

Khung nhôm có thể bị đổi màu hoặc hư hỏng nếu để vết bẩn quá lâu. Hãy loại bỏ vết bẩn ngay lập tức.

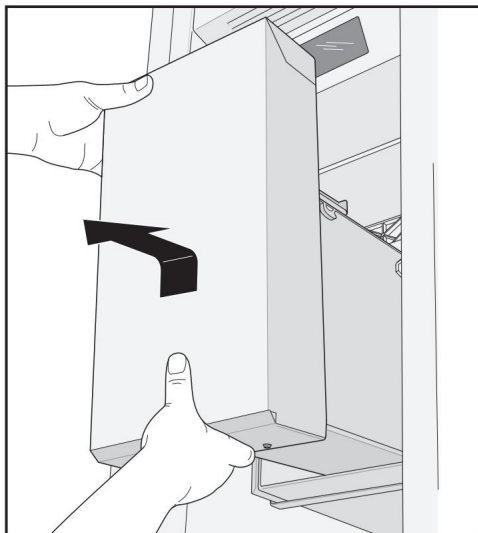
### Vệ sinh và đổ hết thùng chứa đá

Vệ sinh bình đựng đá thường xuyên. Điều này đảm bảo luôn tạo ra được những viên đá tươi mới.

Thường xuyên đổ hết đá trong hộp đựng đá. Điều này giúp ngăn ngừa tình trạng đá viên đông lại với nhau.

Hộp đựng đá rất nặng khi đầy. Hãy kéo hộp đựng đá ra bằng cả hai tay.

Mở cửa thiết bị.



Dùng cả hai tay nhấc hộp đựng đá lên và kéo về phía trước để lấy ra khỏi thiết bị.

Đổ hết nước và rửa sạch bằng nước ấm. Lau khô

bình chứa thật kỹ để những viên đá mới sẽ không bị đóng băng trên bề mặt.

## Vệ sinh và chăm sóc

Để lắp lại hộp đựng đá, hãy đẩy hộp vào thiết bị cho đến khi hộp khớp vào đúng vị trí.

Nếu bạn không thể đẩy hộp đựng đá vào hoàn toàn, hãy xoay vít tải vào bên trong một chút.

Vệ sinh khay hứng nước Khay hứng

nước nhỏ giọt có tác dụng hứng nước thừa.

Để tránh mùi hôi tích tụ, khay hứng nước nên được vệ sinh hàng ngày.

Tháo nắp khay hứng nước.

Tháo khay hứng nước và vệ sinh sạch sẽ.

Lau khô khay hứng nước bằng khăn.

Lắp lại khay hứng nước và nắp khay hứng nước.

Vệ sinh gioăng cửa Ngụy cơ hư hỏng

do vệ sinh không đúng cách.

Nếu bạn xử lý gioăng cửa bằng dầu hoặc mỡ, gioăng cửa có thể bị xóp.

Không sử dụng dầu hoặc mỡ trên gioăng cửa.

Gioăng cửa phải được vệ sinh sạch sẽ thường xuyên bằng nước sạch, sau đó lau khô bằng vải mềm.

## Vệ sinh các khe thông gió

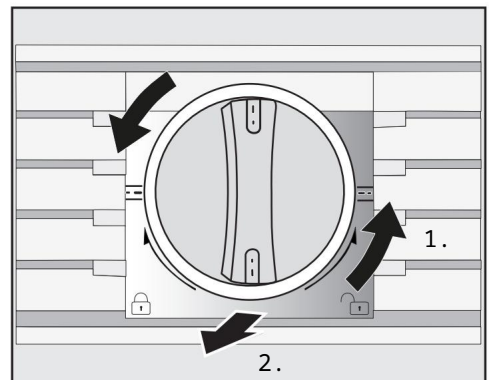
Bụi bẩn tích tụ sẽ làm tăng mức tiêu thụ năng lượng của thiết bị.

Các khoảng hở thông gió phải được được vệ sinh thường xuyên bằng chổi hoặc máy hút bụi (ví dụ, bạn có thể sử dụng chổi quét bụi của máy hút bụi Miele).

## Vệ sinh bộ lọc nước (Bộ lọc lưới IntensiveClear 2.0) (xem “Phụ kiện tùy chọn”)

Tùy thuộc vào số lượng viên đá được tạo ra, bộ lọc lưới IntensiveClear 2.0 phải được vệ sinh khoảng 6 tháng một lần.

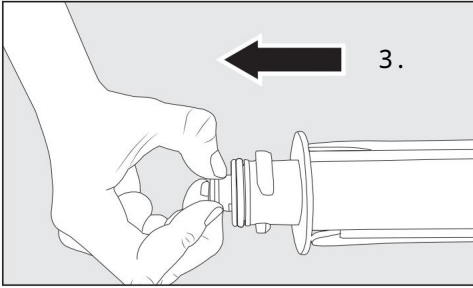
Bạn có thể sử dụng màn hình Thay bộ lọc nước trên màn hình để nhắc nhở vệ sinh bộ lọc nước.



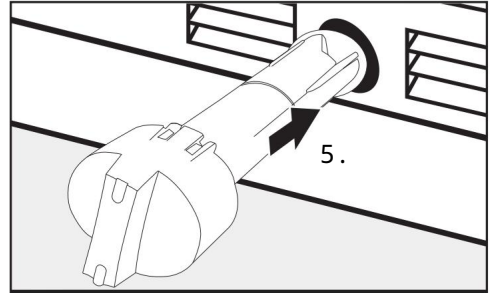
Vặn nắp hộp lọc ngược chiều kim đồng hồ cho đến khi nó ở vị trí thẳng đứng 1. và trượt nó ra khỏi lỗ lọc 2.



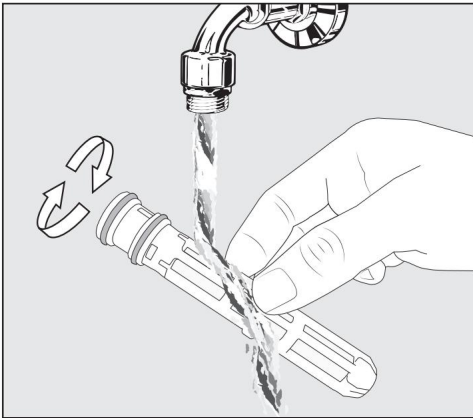
## Vệ sinh và chăm sóc



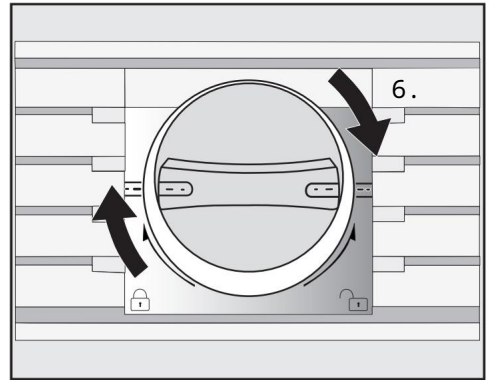
Kéo lưới ra khỏi mặt sau của hộp lọc 3.



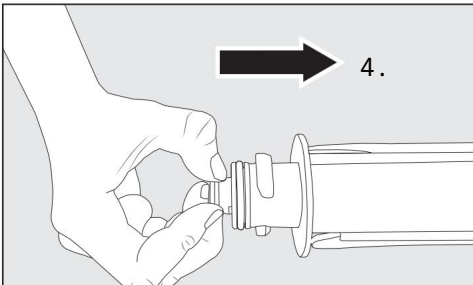
Trượt hộp lọc xa nhất có thể sẽ đi vào lỗ lọc số 5, đảm bảo nắp thẳng đứng.



Rửa sạch lưới dưới vòi nước ấm đang chảy. Lật ngược lưới dưới vòi nước đang chảy để rửa sạch tất cả các mặt.



Vặn nắp hộp lọc theo chiều kim đồng hồ cho đến khi ở vị trí nằm ngang 6.



Lắp lại lưới vào mặt sau của hộp lọc 4.

Nguy cơ hư hỏng do nước tràn ra ngoài.

Nếu hộp lọc không được lắp đúng cách, có nguy cơ nước rò rỉ ra khỏi thiết bị.

Khi lắp hộp lọc, hãy đảm bảo xoay hộp lọc hết cỡ đến vạch đánh dấu.

Sau khi bộ lọc lưới IntensiveClear 2.0 được làm sạch, Màn hình hiển thị bộ lọc nước phải được đặt lại bằng chế độ Cài đặt trên màn hình (xem phần "Chọn cài đặt bổ sung - Đặt lại màn hình hiển thị bộ lọc nước").

## Vệ sinh và chăm sóc

---

Sau khi vệ sinh

Lắp lại tất cả các kệ và phụ kiện trong thiết bị.

Bật lại thiết bị làm lạnh.

Bật chức năng SuperFrost trong một thời gian để ngăn đông có thể nguội nhanh chóng.

Khi ngăn đông đã đạt đến nhiệt độ cần thiết, hãy đặt giỏ đông lạnh chứa thực phẩm đông lạnh trở lại ngăn đông.

Tắt chức năng SuperFrost ngay khi nhiệt độ trong ngăn đông đạt mức không đổi là 0°F (-18°C) hoặc lạnh hơn.

Thiết bị được trang bị bộ lọc nước (bộ lọc than hoạt tính IntensiveClear 2.0) có chức năng lọc nguồn nước cung cấp để làm đá viên.

Bộ lọc than hoạt tính IntensiveClear 2.0 cải thiện hương vị và mùi của đá viên bằng cách loại bỏ clo và các chất khác ra khỏi nguồn nước cấp.

Tuy nhiên, để đảm bảo chất lượng cao nhất của đá viên, điều cần thiết là phải thay bộ lọc than hoạt tính IntensiveClear 2.0 thường xuyên.

Xin lưu ý:

- Nếu lắp bộ lọc nước ngoài vào nguồn nước sinh hoạt của gia đình, hãy sử dụng bộ lọc lưới IntensiveClear 2.0 thay cho bộ lọc than hoạt tính IntensiveClear 2.0 (xem phần Phụ kiện - Phụ kiện tùy chọn).
- Sau khi lắp bộ lọc nước mới (bộ lọc lưới IntensiveClear 2.0 và bộ lọc than hoạt tính IntensiveClear 2.0), hãy vứt bỏ toàn bộ đá viên được tạo ra trong vòng 24 giờ sau khi thay.
- Nếu bạn không sử dụng thiết bị hoặc máy làm đá nhiều trong vài tuần hoặc vài tháng qua, hoặc nếu viên đá có mùi khó chịu, hãy thay bộ lọc than hoạt tính IntensiveClear 2.0 hoặc vệ sinh bộ lọc lưới IntensiveClear 2.0.

Các bộ lọc nước mới (bộ lọc lưới IntensiveClear 2.0 và bộ lọc than hoạt tính IntensiveClear 2.0) có sẵn tại Dịch vụ khách hàng của Miele, đại lý của bạn hoặc qua internet.

Tùy thuộc vào số lượng viên đá được tạo ra, bộ lọc than hoạt tính IntensiveClear 2.0 phải được thay thế khoảng 6 tháng một lần.

Màn hình sẽ hiển thị thông báo thay bộ lọc nước .

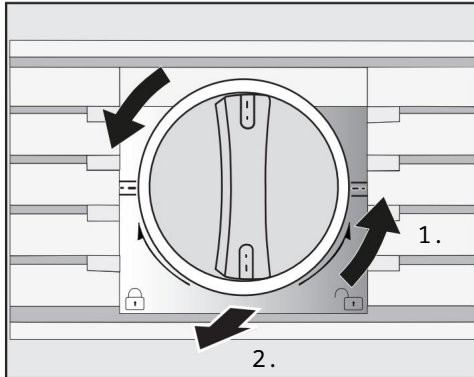
Một tín hiệu âm thanh cũng vang lên.

Xác nhận tin nhắn bằng OK.

## Bộ lọc nước

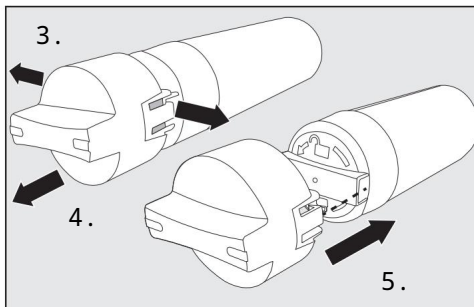
### Thay bộ lọc nước

Không khí trong hệ thống có thể khiến nước phun ra ngoài và hộp lọc bật ra khi tháo ra. Hãy hết sức cẩn thận khi thay bộ lọc nước.



Vặn nắp hộp lọc ngược chiều kim đồng hồ cho đến khi nó ở vị trí thẳng đứng 1. và trượt nó ra khỏi lỗ lọc 2.

Tháo nắp an toàn khỏi hộp lọc mới.

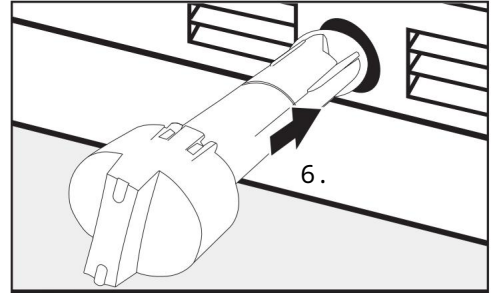


Nới lỏng nắp ở hai bên của hộp lọc cũ 3. và tháo nắp 4.

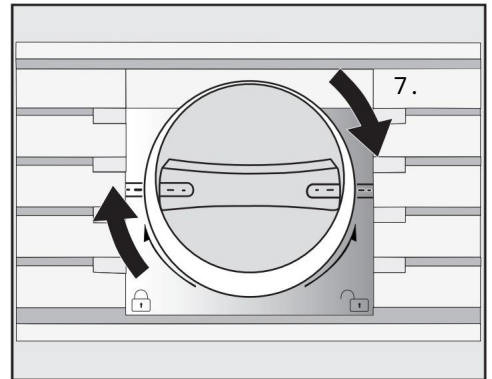
Kẹp nắp vào hộp lọc mới 5.

Đổ hết lõi lọc cũ.

Mẹo: Có thể vớt bỏ hộp lọc cũ cùng với rác thải sinh hoạt.



Trượt hộp lọc xa nhất có thể sẽ đi vào lỗ lọc 6., đảm bảo nắp thẳng đứng.



Vặn nắp hộp lọc theo chiều kim đồng hồ cho đến khi ở vị trí nằm ngang 7.

**Nguy cơ hư hỏng do nước tràn ra ngoài.**

Nếu hộp lọc không được lắp đúng cách, có nguy cơ nước rò rỉ ra khỏi thiết bị.

Khi lắp hộp lọc mới, hãy đảm bảo xoay hộp lọc hết cỡ đến vạch đánh dấu.

Sau khi bộ lọc than hoạt tính IntensiveClear 2.0 được thay thế, màn hình hiển thị bộ lọc nước phải được đặt lại bằng chế độ Cài đặt trên màn hình (xem "Chọn cài đặt bổ sung - Đặt lại màn hình hiển thị bộ lọc nước").

Sau khi lắp bộ lọc nước mới, hãy vứt bỏ toàn bộ đá viên được tạo ra trong vòng 24 giờ sau khi thay bộ lọc.

## Sử dụng bộ lọc nước bên ngoài

Nếu sử dụng bộ lọc nước ngoài để kết nối với nguồn nước sinh hoạt gia đình, hãy sử dụng bộ lọc lưới IntensiveClear 2.0 thay cho bộ lọc than IntensiveClear 2.0.

# Bộ lọc nước

## Bảng dữ liệu hiệu suất

Mẫu: Honey 07134220  
Sử dụng hộp mực thay thế 07134220

Tên thương mại của Hệ thống NSF: WFS200MF & WFS210MF

Hộp mực thay thế NSF số: WFC100MF (cho WFS200MF) & WFC110MF (cho WFS210MF)



Hệ thống được NSF International kiểm tra và chứng nhận theo tiêu chuẩn NSF/ANSI Tiêu chuẩn 42, 53, 401 để giảm các khiếm nại được liệt kê dưới đây.

Hệ thống này đã được thử nghiệm theo tiêu chuẩn NSF/ANSI 42, 53, 401 để giảm các chất được liệt kê dưới đây.

Nồng độ các chất được chỉ định trong nước đầu vào hệ thống được giảm xuống mức nồng độ nhỏ hơn hoặc bằng giới hạn cho phép đối với nước ra khỏi hệ thống, như được chỉ định trong NSF/ANSI 42, 53, 401.

chất	Nồng độ challenge có ảnh hưởng	Trình độ học vấn trung bình	Yêu cầu giảm	Nồng độ nước sản phẩm tối đa cho phép
Clo aste và dor	2,0 mg/L ± 10%	97,2%	≥ 50%	Không có
cloramin	3,0 mg/L ± 10%	97,2%	không có	0,5mg/L
rỗ rỗng, các hạt loại 1 ≥0,5 đến <1 µm	ít nhất 10.000 hạt/mL	>99,9%	≥ 85%	không có
trazin	0,009mg/L ± 10%	>94,4%	không có	0,003mg/L
xong	0,015mg/L ± 10%	>96,8%	không có	0,005mg/L
cây arzofuran	0,08mg/L ± 10%	>98,8%	không có	0,04mg/L
p-ichlorobenzen	0,225mg/L ± 10%	>99,8%	không có	0,075mg/L
Chỉ pH6.5	0,15mg/L ± 10%	98,8%	không có	0,010mg/L
Chỉ pH8.5	0,15mg/L ± 10%	97,9%	không có	0,010mg/L
Thủy ngân pH6.5	0,006mg/L ± 10%	>96,5%	không có	0,002mg/L
Thủy ngân pH8.5	0,006mg/L ± 10%	>96,6%	không có	0,002mg/L
độ đục	11 ± 1 NTU	99,1%	không có	0,5 NTU
thylbenzen	2,1mg/L ± 10%	>99,9%	không có	0,7mg/L
oxaphen	0,015mg/L ± 10%	>93,3%	không có	0,003mg/L
chất sbestos	107 đến 108 sợi/L; sợi lớn hơn Chiều dài 10 µm	>99%	99%	không có
---	tối thiểu 50.000/L	99,99%	99,95%	không có
Meprobamate	400 ng/L ± 20%	>95,2%	không có	60 ng/L
Thuốc Atenolol	200 ng/L ± 20%	>95,6%	không có	30 ng/L
Carbamazepin	1,400 ng/L ± 20%	>98,6%	không có	200 ng/L

chất	Nồng độ challenge có ảnh hưởng	Trình độ học vấn trung bình	Yêu cầu giảm	Nồng độ nước sản phẩm tối đa cho phép
DEET	1,400 ng/L ± 20%	>98,7%	không có	200 ng/L
Phenytoin	200 ng/L ± 20%	>94,4%	không có	30 ng/L
Metolachlor	1,400 ng/L ± 20%	>98,7%	không có	200 ng/L
Ibuprofen	400 ng/L ± 20%	>95,3%	không có	60 ng/L
Thuốc Trimethoprim	140 ng/L ± 20%	>96,7%	không có	20 ng/L
Lut	140 ng/L ± 20%	>96,6%	không có	20 ng/L
Thuốc Naproxen	140 ng/L ± 20%	>96,2%	không có	20 ng/L
Estron	140 ng/L ± 20%	>96,3%	không có	20 ng/L
Bisphenol A	2,000 ng/L ± 20%	>99,0%	không có	300 ng/L
Nonyl phenol	1,400 ng/L ± 20%	>96,3%	không có	200 ng/L

Đã thử nghiệm bằng lưu lượng 55, áp suất 60i, nhiệt độ 68 ± 5

LƯU Ý: Thử nghiệm được thực hiện trong điều kiện phòng thí nghiệm tiêu chuẩn, hiệu suất thực tế có thể khác.

Dịch vụ giá thấp	0,55 gpm (2 phút)
Nước an toàn	30125 psi (206– 861 ka)
Nhiệt độ nước	35100 °F (238 °C)
Chức năng	hóa học/cơ học
Dung tích	WFS200MF 250 gallon (946 L), WFS210MF 150 gallon (567 L)

Cảnh báo: Không sử dụng với nước không an toàn về mặt vi sinh hoặc chất lượng không rõ ràng mà không khử trùng đầy đủ trước hoặc sau hệ thống. Các hệ thống được chứng nhận để giảm u nang có thể được sử dụng trên nước đã khử trùng có thể chứa u nang có thể lọc được.

Đề ý :

- Vật liệu hấp phụ sẽ không được tái sinh và sử dụng.
- Hệ thống phải được lắp đặt và vận hành theo đúng quy trình khuyến cáo của nhà sản xuất và hướng dẫn. Hệ thống và việc lắp đặt phải tuân thủ các quy định hiện hành của tiểu bang và địa phương. Chỉ lắp đặt trên đường nước lạnh.
- Xả 3 gallon nước qua bộ lọc trước khi sử dụng (xả trong khoảng 5 phút).
- Để duy trì hiệu quả lọc thích hợp, hãy thay bộ lọc sau mỗi 6 tháng.

Nhà sản xuất:

Công ty TNHH Microfilter, 162-1, Sansu, Deoksan, Jinchun, Chungbuk, Hàn Quốc  
Điện thoại số: +82-43-531-7022

## Bộ lọc nước

---

Giấy chứng nhận không chì

Giấy chứng nhận không chì



Sản phẩm này đã được WQA kiểm nghiệm và chứng nhận theo tiêu chuẩn NSF/ANSI 372 về "không chứa chì"

Sản phẩm F 1413 Vi (KIMSDF18US) này đã được WQA kiểm tra và chứng nhận đạt tiêu chuẩn.

Tiêu chuẩn NSF/ANSI 372 về việc tuân thủ "không chứa chì".

Miele & Co. KG Carl-

Miele-Strasse 29 D-33332

Gütersloh Miele & Cie.

KG Carl-Miele-

Straße 29 D-33332

Gütersloh



## Những câu hỏi thường gặp

Với sự trợ giúp của hướng dẫn sau đây, những lỗi nhỏ trong quá trình hoạt động của máy, một số trong đó có thể là do vận hành không đúng cách, có thể được khắc phục mà không cần liên hệ với Bộ phận Dịch vụ.

Hướng dẫn này có thể giúp bạn tìm ra nguyên nhân gây ra lỗi và cách khắc phục.

Để tránh hơi lạnh thoát ra ngoài, hãy mở cửa thiết bị càng ít càng tốt cho đến khi lỗi được khắc phục.

Vấn đề	Nguyên nhân có thể và giải pháp
Nếu bạn lo lắng rằng thiết bị của bạn là không hoạt động bình thường, bạn có thể thực hiện một Tự Kiểm tra. Thiết bị của bạn sẽ được kiểm tra bất kỳ lỗi hoặc trục trặc.	<p>Bất kỳ lỗi nào được xác định trong quá trình Tự kiểm tra đều được hiển thị trên màn hình.</p> <p>Thực hiện Kiểm tra bản thân (xem "Cài đặt bổ sung", phần "Thực hiện Kiểm tra bản thân").</p> <p>Liên hệ với Dịch vụ Miele và thông báo cho họ về lỗi tin nhắn trên màn hình.</p>
Thiết bị không phải là trời lạnh và đèn chiếu sáng bên trong không bật lên khi cửa thiết bị được mở.	<p>Thiết bị chưa được bật.</p> <p>Bật thiết bị. Nhiệt độ xuất hiện trong màn hình hiển thị.</p> <p>Phích cắm không được cắm đúng cách vào ổ điện chờ thoát.</p> <p>Cắm phích cắm vào ổ cắm.</p> <p>Cầu chì đã bị ngắt. Có thể có lỗi với thiết bị, hệ thống dây điện gia dụng hoặc một cái khác thiết bị.</p> <p>Liên hệ với kỹ thuật viên hoặc bộ phận dịch vụ Miele-ý tưởng.</p>

## Những câu hỏi thường gặp

Vấn đề	Nguyên nhân có thể và giải pháp
<p>Máy nén bị hỏng thường xuyên hơn hoặc thổi nên quá bụi. và trong thời gian dài hơn. Không chặn các khe hở thông gió. Độ chính xác của tủ lạnh quá thấp. Vệ sinh các khe hở thông gió thường xuyên để loại bỏ bụi.</p>	<p>Cửa thiết bị đã được mở quá thường xuyên hoặc có một lượng lớn thực phẩm tươi sống được đặt bên trong hoặc đông lạnh cùng một lúc. Chỉ mở cửa thiết bị khi cần thiết và trong thời gian ngắn nhất có thể.</p> <p>Sau một thời gian, nhiệt độ sẽ tự trở lại bình thường.</p>
	<p>Cửa thiết bị không được đóng đúng cách.</p> <p>Một lớp băng dày có thể đã hình thành trong ngăn đông. Đóng cửa thiết bị.</p> <p>Sau một thời gian, nhiệt độ sẽ tự trở lại bình thường.</p> <p>Nếu lớp băng dày đã hình thành, điều này sẽ ảnh hưởng đến việc làm mát và làm tăng mức tiêu thụ năng lượng. Rã đông thiết bị và vệ sinh sạch sẽ.</p>
	<p>Nhiệt độ môi trường quá cao. Nhiệt độ môi trường càng cao, máy nén phải chạy càng lâu. Xem thông tin trong phần "Lắp đặt - Vị trí lắp đặt".</p>
	<p>Thiết bị làm lạnh không được lắp đặt đúng cách trong hốc lắp đặt. Xem thông tin trong "Lắp đặt" và "Lắp đặt thiết bị làm lạnh".</p>

## Những câu hỏi thường gặp

Vấn đề	Nguyên nhân có thể và giải pháp
Máy nén đang bật thường xuyên hơn. đài hơn Một lượng lớn thực phẩm đã trong thiết bị quá thấp.	<p>Cài đặt nhiệt độ quá thấp, và trong thời gian được cho vào tủ đông cùng một lúc; nhiệt độ một lần. Xem thông tin trong phần "Đông lạnh và bảo quản thực phẩm".</p> <p>Chức năng SuperFrost vẫn được bật. Để tiết kiệm năng lượng, bạn có thể chuyển đổi chức năng SuperFrost tự mình hoạt động sớm.</p>
Máy nén hoạt động ngày càng ít hơn và trong thời gian ngắn hơn. Nhiệt độ trong thiết bị tăng lên.	<p>Đây không phải là lỗi. Cài đặt nhiệt độ quá cao. Sửa cài đặt nhiệt độ. Kiểm tra lại nhiệt độ sau 24 giờ.</p> <p>Thức ăn bắt đầu tan băng. Nhiệt độ môi trường quá thấp cho ứng dụng này anne. Nếu nhiệt độ môi trường quá thấp, máy nén sẽ chạy ít thường xuyên hơn. Điều này có thể khiến tủ đông trở nên quá ẩm. Xem thông tin trong phần "Lắp đặt - Vị trí lắp đặt". Tăng nhiệt độ môi trường xung quanh.</p>
Cửa ngăn đông không mở được vì đã được mở và đóng quá nhiều lần liên tiếp.	<p>Đây không phải là lỗi. Lực hút do mở và đóng cửa gây ra đang ngăn không cho cửa mở. Đợi khoảng 1 phút rồi thử lại. Bây giờ nó có thể mở mà không cần dùng lực.</p>
Máy nén chạy liên tục.	Không phải lỗi. Để tiết kiệm năng lượng, máy nén chạy ở tốc độ thấp hơn khi cần ít làm mát hơn. Điều này làm tăng thời gian chạy của máy nén.
Màn hình hiển thị nhiệt độ là 0°F (-18°C), mặc dù nhiệt độ được cài đặt cao hơn.	Đây không phải là lỗi. Khi máy làm đá được bật và nhiệt độ phòng xung quanh cũng thấp (< + 0°F (-18°C)), nhiệt độ sẽ tự động được điều chỉnh thành -0°F (-18°C). Điều này đảm bảo máy làm đá hoạt động hiệu quả.

## Những câu hỏi thường gặp

Vấn đề	Nguyên nhân có thể và giải pháp
Thức ăn bị đông cứng lại với nhau hoặc dính vào tường.	Bao bì thực phẩm không khô khi cho vào tủ đông. Sử dụng một dụng cụ cùn (như cán thìa) để cẩn thận tách chúng ra.
Có tiếng chuông báo động.	Cửa thiết bị đã mở lâu hơn 3 phút. Đóng cửa thiết bị.
Không có âm thanh báo động nào phát ra. Bật lại tín hiệu âm thanh đang mở.	Bạn đã tắt tín hiệu âm thanh. Mặc dù cửa thiết bị đang mở. Bật lại tín hiệu âm thanh bằng Cài đặt đang mở.
	Chức năng Chế độ Sabbath được bật: màn hình hiển thị nhiệt độ tối và biểu tượng được hiển thị trên màn hình. Bạn có thể tắt chế độ Sabbath bất kỳ lúc nào (xem "Chọn cài đặt bổ sung - Bật hoặc tắt Chế độ Sabbath").
Không thể mở được cửa thiết bị.	Trợ lý cửa Pull2Open được bật nhưng thiết bị có mặt trước tủ không có tay nắm. Đối với mặt trước tủ không có tay nắm, hãy bật Trợ lý cửa Push2Open (xem "Bật Trợ lý cửa" trong "Chọn cài đặt bổ sung").
Cửa thiết bị không thể mở được khi Chế độ ngày Sa-bát là được bật.	Trợ lý cửa Push2Open được bật cùng lúc với Chế độ Sabbath. Khi Chế độ Sabbath được bật, Trợ lý cửa sẽ bị vô hiệu hóa.  Kéo cửa thiết bị mở từ phía dưới hoặc từ bên cạnh.

## Những câu hỏi thường gặp

### Tin nhắn trên màn hình

Tin nhắn	Nguyên nhân có thể và giải pháp
<p>Cảnh báo phát ra âm thanh và tin nhắn Nhiệt độ tủ đông quá cao. Nhiệt độ tối đa °C xuất hiện trên màn hình.</p>	<p>Nhiệt độ trong thiết bị đã tăng đáng kể.</p> <p>Điều này có thể là do, ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- cửa thiết bị được mở quá thường xuyên hoặc để mở</li> <li>- một lượng lớn thực phẩm được đông lạnh cùng một lúc - mất điện kéo dài</li> </ul> <p>Nếu bạn thấy báo thức gây phiền nhiễu, bạn có thể tắt báo thức trước bằng cách chạm vào nút điều khiển cảm biến OK.</p> <p>Báo động sẽ dừng lại.</p> <p>Khắc phục nguyên nhân gây ra báo động.</p> <p>Tin nhắn sẽ biến mất khỏi màn hình và báo thức sẽ dừng lại.</p> <p>Màn hình hiển thị nhiệt độ sẽ hiển thị nhiệt độ cao nhất đạt được trong thời gian nhiệt độ trong vùng đông lạnh tăng lên. Tùy thuộc vào nhiệt độ hiển thị, bạn nên kiểm tra xem thực phẩm trong tủ đông đã bắt đầu rã đông hay đã rã đông chưa. Nếu đã rã đông, hãy nấu chín trước khi đông lạnh lại.</p> <p>Trong trường hợp mất điện, hãy kiểm tra xem có bất kỳ viên đá nào trong hộp đựng đá và hãy vứt bỏ chúng. Nếu không, các viên đá sẽ đông lại với nhau và có thể làm hỏng hộp đựng đá khi chúng nở ra.</p>
<p>Âm thanh cảnh báo sẽ vang lên và thông báo Đóng cửa sẽ xuất hiện trên màn hình.</p>	<p>Cửa thiết bị đang mở. Đóng cửa thiết bị. Nếu bạn muốn tắt báo thức sớm, hãy chạm vào Cảm biến điều khiển OK trên màn hình.</p> <p>Báo thức sẽ dừng lại.</p>
<p>độ trong tối và đèn sym-terior tắt và thiết bị làm lạnh đang ngưng hoạt động. Bạn có thể tắt chế độ Sabbath bất kỳ lúc nào (xem bol được hiển thị trên màn hình.</p>	<p>Chức năng Chế độ Sabbath được bật. Màn hình hiển thị nhiệt độ trong tối và đèn sym-terior tắt và thiết bị làm lạnh đang ngưng hoạt động. Bạn có thể tắt chế độ Sabbath bất kỳ lúc nào (xem bol được hiển thị trên màn hình. "Chọn cài đặt bổ sung - Bật hoặc tắt Chế độ Sabbath ").</p>

## Những câu hỏi thường gặp

Tin nhắn	Nguyên nhân có thể và giải pháp
<p>"F Vui lòng liên hệ với Dịch vụ kỹ thuật của Miele." xuất hiện trên màn hình và tiếng báo động vang lên.</p>	<p>Có lỗi.</p> <p>Ghi lại thông báo lỗi nếu cần. Liên hệ với Dịch vụ Miele.</p> <p>Để tắt báo thức, hãy chạm vào biểu tượng .</p> <p>Thông báo lỗi sẽ không biến mất khỏi màn hình cho đến khi lỗi được khắc phục.</p> <hr/> <p>Mức điện áp quá cao/thấp. Quan sát dữ liệu kết nối trong mục "Kết nối điện". Liên hệ với Dịch vụ Miele nếu cần.</p> <p>Để tắt báo thức, hãy chạm vào biểu tượng .</p> <p>Thông báo lỗi sẽ không biến mất khỏi màn hình cho đến khi lỗi được khắc phục.</p>
<p>được hiển thị trên màn hình. Máy không bị lạnh nhưng các nút điều khiển của máy vẫn hoạt động.</p>	<p>Chế độ Demo được bật. Chế độ Demo cho phép thiết bị được trình bày trong phòng trưng bày mà không cần bật hệ thống làm mát. Không kích hoạt cài đặt này để sử dụng trong gia đình. Tắt chế độ Demo (xem "Chọn cài đặt bổ sung", phần "Tắt chế độ Demo").</p>

## Những câu hỏi thường gặp

### Sự cố với máy làm đá/nước

Vấn đề	Nguyên nhân có thể và giải pháp
Không thể bật chức năng làm đá/nước.	<p>Thiết bị không được kết nối với nguồn điện. Kiểm tra xem thiết bị đã được kết nối với nguồn điện chưa.</p> <p>Khóa hệ thống của máy làm đá/nước đang hoạt động (điều khiển cảm biến được tô sáng màu trắng). Tắt khóa hệ thống (xem "Vận hành máy làm đá/nước - Bật/tắt khóa hệ thống").</p>
Bộ phận phân phối nước/đá Dây không lập tức, có thể mất vài giây để thiết bị sẵn sàng hoạt động sau khi bộ phận phân phối nước/đá đã sẵn sàng hoạt động.	phải là lỗi. Sau khi cửa thiết bị không được mở và đóng ngay lập tức, có thể mất vài giây để thiết bị sẵn sàng hoạt động sau khi bộ phận phân phối nước/đá đã sẵn sàng hoạt động.
Không có viên đá nào được phân phối.	<p>Vòi lấy đá/nước bị chặn bởi đá đông lạnh. Loại bỏ đá đã vón cục.</p> <p>Làm rỗng hộp đựng đá chậm nhất là nếu bạn không lấy được đá trong một tuần (xem phần "Làm rỗng và vệ sinh hộp đựng đá" trong "Vệ sinh và bảo dưỡng").</p> <p>Sau khi bật máy làm đá/nước, có thể mất tới 24 giờ cho đến khi đợt đá viên đầu tiên sẵn sàng.</p>
Nước lạnh từ máy làm đá/nước không có vị ngon.	Nếu bạn rót nước lạnh trở lại sau một thời gian dài, nước có thể đã cũ. Trong trường hợp này, hãy đổ hết 15 cốc nước đầu tiên.

## Những câu hỏi thường gặp

### Sự cố với máy làm đá viên

Vấn đề	Nguyên nhân có thể và giải pháp
<p>Máy làm đá không tạo ra được viên đá nào hoặc không có nước lạnh chảy ra.</p>	<p>Thiết bị hoặc máy làm đá/nước chưa được bật.</p> <p>Đảm bảo rằng thiết bị đã được bật. Đảm bảo rằng bộ phận làm đá/nước đã được bật.</p>
	<p>Kết nối nước bằng ống nước không được lắp đặt. Đảm bảo rằng kết nối nước bằng ống nước đã được được cài đặt đúng cách.</p>
	<p>Đường ống dẫn nước không mở hoặc chưa được thông hơi. Mở đường ống dẫn nước. Kiểm tra xem nguồn cấp nước đã được thông hơi chưa.</p>
	<p>Có một chỗ gấp khúc ở ống nước.</p> <p>Kiểm tra ống nước và thay thế nếu cần thiết.</p>
	<p>Nhiệt độ trong ngăn đông quá cao. Đặt nhiệt độ trong ngăn đông thấp hơn (xem "Nhiệt độ chính xác").</p>
	<p>Cửa thiết bị được mở quá thường xuyên, khiến máy nén bật thường xuyên hơn và máy làm đá bị đóng băng. Chỉ mở cửa thiết bị khi cần thiết và trong thời gian ngắn nhất có thể.</p>
	<p>Áp suất nước quá thấp. Kiểm tra xem áp suất nước có nằm trong khoảng từ 29 psi đến 116 psi (2 bar và 8 bar) không. Kiểm tra xem có lắp van không đúng cách khiến áp suất quá thấp không.</p>
	<p>Sau khi bật máy làm đá/nước, có thể mất tới 24 giờ cho đến khi đợt đá viên đầu tiên sẵn sàng.</p>



## Những câu hỏi thường gặp

Vấn đề	Nguyên nhân có thể và giải pháp
<p>Máy làm đá chỉ tạo ra được những viên đá nhỏ.</p>	<p>Một số thiết bị gia dụng được kết nối với đường ống nước đang hoạt động, điều này làm giảm lượng nước được đưa vào. Tránh sử dụng máy rửa chén, máy giặt, v.v. cùng lúc.</p>
	<p>Bộ lọc nước bị tắc. Kiểm tra xem bộ lọc nước có cần được thay thế hoặc vệ sinh không.</p>
	<p>Áp suất nước quá thấp. Kiểm tra xem áp suất nước có nằm trong khoảng từ 29 psi đến 116 psi (2 bar và 8 bar) không. Kiểm tra xem có lắp van không đúng không.</p>
<p>Máy làm đá chỉ sản xuất một ít hoặc de- Kiểm tra xem bộ lọc nước đang được phân phối. Kiểm tra xem khoảng từ 29 psi đến 116 psi (2 bar</p>	<p>Bộ lọc nước bị tắc. Kiểm tra xem bộ lọc nước có cần tạo lại đá viên hay không hoặc chỉ một ít nước lạnh. Kiểm tra xem áp suất nước có nằm trong</p>
	<p>áp suất nước có nằm trong khoảng từ 29 psi đến 116 psi (2 bar và 8 bar) không.</p>
	<p>Nhiệt độ trong ngăn đông quá cao. Chọn nhiệt độ thấp hơn.</p>
<p>Các viên đá có mùi khó chịu hoặc có bọt. trước.</p>	<p>Hộp đựng đá viên được sử dụng liên tục và cần được vệ sinh thường xuyên. Kiểm tra xem hộp đựng đá viên có bẩn không và vệ sinh sạch sẽ nếu cần thiết.</p>
	<p>Máy làm đá ít khi được sử dụng. Nếu bạn không sử dụng thường xuyên, những viên đá được lưu trữ trong thời gian dài có thể hấp thụ mùi vị của các vật phẩm khác.</p> <p>Làm rỗng và vệ sinh hộp đựng đá nếu bạn sẽ không sử dụng nó trong một thời gian dài.</p>
	<p>Có những gói thực phẩm chưa được niêm phong trong ngăn đông. Đá có thể hấp thụ mùi vị của thực phẩm chưa được niêm phong.</p> <p>Chỉ bảo quản thực phẩm đã đậy kín trong ngăn đông.</p>
	<p>Bộ lọc nước bị bẩn. Kiểm tra xem bộ lọc nước có cần được thay thế hoặc vệ sinh không.</p>

## Những câu hỏi thường gặp

Vấn đề	Nguyên nhân có thể và giải pháp
Nước đang chảy ra khỏi thiết bị.	<p>Đường ống dẫn nước bị lỗi.</p> <p>Đóng vòi ngay lập tức. Kiểm tra đường ống nước xem có bị hỏng không. Liên hệ với Dịch vụ khách hàng của Miele. Kiểm tra xem áp suất kết nối nước có quá cao không.</p>
	<p>Nếu áp suất kết nối nước quá cao, điều này có thể gây rò rỉ (xem "Lắp đặt - Kết nối nước bằng ống nước"). Kiểm tra xem kết nối nước có nằm trong khoảng 29 psi không và 116 psi (2 bar và 8 bar). Kiểm tra xem có lắp van không đúng không.</p>

## Những câu hỏi thường gặp

Đèn chiếu sáng bên trong không hoạt động.

Vấn đề	Nguyên nhân có thể và giải pháp
Đèn chiếu sáng bên trong không hoạt động.	Thiết bị làm lạnh chưa được bật.    Bật thiết bị làm lạnh.
	<p>Chức năng Chế độ Ngày Sa-bát được bật: tem-</p> <p>Màn hình hiển thị tối và biểu tượng    được hiển thị trên màn hình.</p> <p>Bạn có thể tắt Chế độ Sabbath bất kỳ lúc nào thông qua chế độ Cài đặt    .</p>
	<p>Có lỗi.</p> <div style="border: 1px solid gray; padding: 10px; margin-bottom: 10px;"> <p><b>Nguy cơ bị điện giật do các thành phần điện hở, có điện.</b></p> <p>Khi tháo nắp đèn, có nguy cơ chạm vào các bộ phận có điện đang hoạt động.</p> <p>Không tháo nắp đèn. Đèn LED chỉ có thể được sửa chữa hoặc thay thế bởi Dịch vụ Miele.</p> </div> <div style="border: 1px solid gray; padding: 10px;"> <p><b>Nguy cơ gây thương tích từ đèn LED.</b></p> <p>Đèn này tương ứng với nhóm rủi ro RG 2. Nếu nắp đèn bị lỗi, có nguy cơ gây thương tích cho mắt.</p> <p>Nếu nắp đèn bị lỗi, không được nhìn trực tiếp vào đèn ở khoảng cách gần bằng dụng cụ quang học (ví dụ: kính lúp hoặc thiết bị tương tự).</p> </div> <p>Liên hệ với Dịch vụ Miele.</p>

## Nguyên nhân gây ra tiếng ồn

Bình thường tiếng ồn	Gây ra
Brrrrr...	Tiếng ồn do động cơ (máy nén) tạo ra. Tiếng ồn này có thể to hơn trong thời gian ngắn khi động cơ bật.
Blub, blub... Có thể	nghe thấy tiếng ọc ọc khi chất làm mát lưu thông qua các đường ống.
Nhấp vào...	Tiếng kêu lách cách phát ra bất cứ khi nào bộ điều chỉnh nhiệt độ chuyển đổi bật hoặc tắt động cơ.
Xiiii...	Đôi khi bạn chỉ nghe thấy tiếng quạt bên trong thiết bị.
Nứt...	Có thể nghe thấy tiếng nứt khi vật liệu giãn nở bên trong thiết bị.
Xin lưu ý rằng không thể tránh khỏi một lượng tiếng ồn nhất định (từ máy nén và chất làm mát lưu thông qua hệ thống).	

Tiếng ồn	Nguyên nhân và giải pháp
Lạch cạch, leng keng	Thiết bị không đồng đều. Căn chỉnh lại thiết bị bằng cách sử dụng một mức nâng hoặc hạ chân có thể điều chỉnh bên dưới thiết bị làm lạnh.
	Thiết bị đang chạm vào máy móc hoặc đồ nội thất khác. Hãy di chuyển nó ra xa.
	Ngăn kéo, giỏ hoặc kệ bị rung lắc hoặc bị kẹt. Kiểm tra tất cả tháo rời các bộ phận và lắp lại đúng cách nếu cần.
	Các chai hoặc hộp đựng chạm vào nhau. Tách chúng ra một nhỏ bé.

### Liên hệ khi có lỗi

Trong trường hợp xảy ra lỗi mà bạn không thể tự khắc phục, vui lòng liên hệ với đại lý Miele hoặc bộ phận Dịch vụ khách hàng của Miele.

Bạn có thể đặt lịch bảo dưỡng Miele trực tuyến tại [www.miele.com/service](http://www.miele.com/service).

Bạn có thể tìm thấy thông tin liên hệ của Bộ phận Dịch vụ Khách hàng Miele ở cuối tài liệu này.

Vui lòng trích dẫn mã nhận dạng kiểu máy và số sê-ri (SN) của thiết bị khi liên hệ với Dịch vụ khách hàng Miele. Cả hai thông tin đều có thể tìm thấy trên bảng dữ liệu.

Bạn sẽ tìm thấy bảng dữ liệu bên trong thiết bị của mình.

Bảo hành thiết bị và đăng ký sản phẩm Bạn có thể đăng ký sản phẩm của mình

và/hoặc xem các điều khoản và điều kiện bảo hành của nhà sản xuất đối với các thiết bị và máy hút bụi Miele tại [www.mieleusa.com](http://www.mieleusa.com).

## Tuyên bố về sự phù hợp

---

Dải tần số 2,412 GHz - 2,462 GHz

Công suất truyền < 100 mW

tải tối đa

## Bản quyền và giấy phép

---

Miele sử dụng phần mềm của riêng họ và của bên thứ ba, không tuân theo bất kỳ giấy phép nguồn mở nào để vận hành và kiểm soát thiết bị/thiết bị. Phần mềm này/các thành phần phần mềm này được bảo vệ bởi bản quyền. Quyền bản quyền của Miele và bên thứ ba phải được tôn trọng.

Hơn nữa, thiết bị/thiết bị này chứa các thành phần phần mềm được phân phối theo các điều kiện cấp phép nguồn mở. Vui lòng tham khảo tài liệu "Thông tin và giấy phép nguồn mở" để biết các thành phần nguồn mở có trong đó, cùng với các thông báo bản quyền tương ứng, bản sao các điều kiện cấp phép có hiệu lực tại thời điểm đó và bất kỳ thông tin nào khác. Các điều khoản về trách nhiệm pháp lý và bảo hành của các điều kiện cấp phép nguồn mở như đã nêu trong đó chỉ áp dụng đối với chủ sở hữu quyền tương ứng.

Đặc biệt, thiết bị/thiết bị chứa các thành phần phần mềm được cấp phép bởi chủ sở hữu bản quyền theo Giấy phép Công cộng GNU, Phiên bản 2 hoặc Giấy phép Công cộng GNU Ít hơn, Phiên bản 2.1. Trong thời hạn ít nhất 3 năm kể từ ngày mua hoặc ngày giao thiết bị/thiết bị, Miele cung cấp cho bạn hoặc bên thứ ba một bản sao có thể đọc được bằng máy của mã nguồn của các thành phần Nguồn mở có trong thiết bị/thiết bị và được cấp phép theo các điều khoản của Giấy phép Công cộng GNU, Phiên bản 2 hoặc Giấy phép Công cộng GNU Ít hơn, Phiên bản 2.1, trên một phương tiện lưu trữ dữ liệu (CD-ROM, DVD hoặc USB). Vui lòng liên hệ với chúng tôi qua e-mail ([info@miele.com](mailto:info@miele.com)) hoặc địa chỉ bưu chính bên dưới và nêu tên sản phẩm, số sê-ri và ngày mua để có được mã nguồn này.

Miele & Co. KG Nguồn

mở GTZ/TIM Carl-

Miele-Straße

29 33332 Gütersloh

Xin lưu ý bảo hành có giới hạn dành cho chủ sở hữu bản quyền theo các điều khoản của Giấy phép Công cộng GNU, Phiên bản 2 và Giấy phép Công cộng GNU Ít hơn, Phiên bản 2.1:

Chương trình này được phân phối với hy vọng rằng nó sẽ hữu ích, nhưng KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO HÀNH NÀO, thậm chí không có bảo hành ngụ ý về KHẢ NĂNG THƯƠNG MẠI hoặc PHÙ HỢP CHO MỘT MỤC ĐÍCH CỤ THỂ. Xem Giấy phép Công cộng GNU và Giấy phép Công cộng GNU Ít hơn để biết thêm chi tiết.









Vui lòng cung cấp số model và số sê-ri của thiết bị khi  
liên hệ với Dịch vụ khách hàng.

---

## Hoa Kỳ

Công ty TNHH Honey

Trụ sở quốc gia  
9 Đường Độc Lập  
Princeton, NJ 08540

Dịch vụ khách hàng & Hỗ trợ Điện  
thoại: 888-99-MIELE(64353)  
info@mieleusa.com  
www.mieleusa.com

Trụ sở quốc tế Miele & Cie. KG Carl-  
Miele-Straße 29  
33332 Gütersloh Đức

## Canada

Người nhập khẩu  
Miele giới hạn

Trụ sở chính và Trung tâm Miele 161  
Four Valley Drive  
Vaughan, ON L4K 4V8  
www.miele.ca

Trung tâm chăm sóc khách  
hàng Điện thoại:  
800-565-6435  
905-532-2272 customercare@miele.ca



F 2462 Bận, F 2472 Bận, F 2662 Bận, F 2672 Bận